

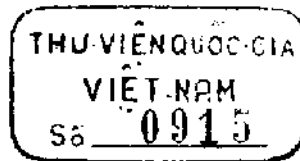
HỌC-VIỆN QUỐC-GIA HÀNH-CHÍNH

LUẬN-VĂN TỐT-NGHIỆP

NẾP SỐNG VÀ VAI TRÒ

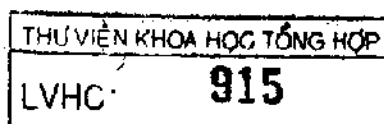
NGƯỜI VIỆT-GỐC-MIÊN

TRONG CỘNG ĐỒNG QUỐC GIA



Giáo-sư hướng-dẫn :
Giáo-sư **LÊ-VĂN-THÂN**
Giáo-Sư Học-Viện Quốc-Gia Hành-Chính

Sinh-Viên **DANH-LA**
BAN ĐỐC-SỰ KHÓA XVII
1969 - 1972



Học-Viện Quốc-Gia Hành-Chánh
không tán-thành, cũng không phản-
đối những ý kiến phát-biểu trong
Luận-Văn; những ý kiến đó do tác-
giả hoàn toàn chịu trách-nhiệm.

THÀNH KÍNH TRI ÂN

Giáo-sư LÊ VĂN THÂN

Đã tận tình hướng dẫn chúng tôi
trong việc hoàn thành luận văn
này

ĐỀ KÍNH DÂNG HƯƠNG-HỒN VÀ KHẮC GHI CÔNG ƠN

Cố Giáo-sư Thạc-sỹ NGUYỄN-VĂN-BÔNG
Viện-Trưởng Học-Viện Quốc-Gia
Hành-Chánh

ĐÃ TẬN TÌNH GIÚP ĐỠ VÀ DẠY ĐỠ CHÚNG TÔI
TRÊN ĐƯỜNG HỌC-VẤN

THÀNH KÍNH TRI ÂN

- * GIÁO-SƯ VIỆN-TRƯỞNG
- * GIÁO-SƯ PHÓ VIỆN-TRƯỞNG
- * CÙNG QUÝ VỊ GIÁO-SƯ TRONG
BAN GIẢNG-HUẤN

*Đã hướng dẫn chúng tôi trong
suốt học trình*

MỤC LỤC

	Trang
DẪN NHẬP	1
Phần Thứ Nhất	
NẾP SỐNG CỦA NGƯỜI VIỆT GỐC MIỀN	6
Chương I.- SINH-HOẠT XÃ-HỘI	8
Mục I.- PHONG-TỤC - TẬP-QUÁN	8
Đoạn I.- Tín ngưỡng - Ảnh-hưởng Bà La-Môn-Giáo	8
Đoạn II.- Tập tục	12
Mục II.- TANG LỄ - CƯỚI HẸI	19
Đoạn I.- Tang lễ	21
Đoạn II.- Hôn-lễ	
Chương II.- SINH-HOẠT TÔN-GIÁO	26
Mục I.- CÁCH THỨC ĐI TU	26
Đoạn I.- Thễ-thức đi tu - Qui-luật và cách tổ chức trong chùa	26
Đoạn II.- Lối tu của Phật-tử	30
Mục II.- HỆ-THỐNG GIÁO-HỘI - LỐI RÈN LUYỆN GIÁO-LÝ	33
Đoạn I.- Các Giáo-phái và Giáo-hội	34
Đoạn II.- Cách rèn luyện Giáo-lý	37

- II -

	Trang
Chương III.- SINH-HOẠT VĂN-HÓA GIÁO-DỤC	40
Mục I.- NGÔN-NGỮ - HỌC-VẤN - VĂN-CHƯƠNG BÌNH-DÂN	40
Đoạn I.- Ngôn-ngữ	40
Đoạn II.- Văn chương bình dân	44
Mục II.- ÂM-NHẠC - MỸ-THUẬT	49
Đoạn I.- Âm-nhạc - Nhạc-khí	49
Đoạn II.- Mỹ-thuật	52
Mục III.- NHẬN-XÉT VÀ ĐỀ-NGHỊ VỀ SINH-HOẠT CỦA NGƯỜI VIỆT GỐC MIÊN	53
Đoạn I.- Về sinh-hoạt xã-hội	53
Đoạn II.- Về tôn-giáo - Văn-hóa giáo-dục	56

Phần Thứ Hai

VAI TRÒ NGƯỜI VIỆT GỐC MIÊN TRONG

CỘNG-ĐỒNG QUỐC-GIA	61
Chương I.- SỰ THAM-GIA CỦA NGƯỜI VIỆT TRONG GUỒNG MÂY QUỐC-GIA VÀ CỘNG ĐỒNG PHÁT-TRIỂN QUỐC-GIA	61
Mục I.- SỰ THAM-GIA CỦA NGƯỜI VIỆT GỐC MIÊN TRONG GUỒNG MÂY QUỐC-GIA	61
Đoạn I.- Sự tham gia của người Việt gốc Miên vào các Quân Binh Chủng và các cơ sở hành chánh, giáo-dục	61
Đoạn II.- Sự tham gia của người Việt gốc Miên vào tổ-chức hành-chánh địa-phương và sự sinh hoạt chính-trị	62
Đoạn III.- Người Việt gốc Miên với công cuộc phát triển Nông Ngư Mục-súc - Các ngành Tiểu công-nghệ và Thương mại	65

	Trang
Mục II.- VAI-TRÒ CỦA TÔN-GIÁO VÀ TỔ-CHỨC VỀ ĐỐI, CẢNH GIÁO-HỘI	67
Đoạn I.- Tầm quan-trọng của hệ-thống Giáo-hội	68
Đoạn II.- Tầm quan-trọng của hệ-thống Ủy-ban Cu-sĩ cảnh Giáo-hội	72
Chương II.- CHÍNH-SÁCH CỦA CHÍNH-PHỦ ĐỐI VỚI ĐỒNG BÀO VIỆT GỐC MIÊN	74
Mục I.- CHÍNH-SÁCH CỦA CHÍNH-PHỦ TRƯỚC NỀN ĐỀ-NHỊ CỘNG-HÒA	74
Đoạn I.- Qua các thời đại	74
Đoạn II.- Qua các thời kỳ	76
Mục II.- CHÍNH-SÁCH CỦA CHÍNH-PHỦ TRONG NỀN ĐỀ NHI CỘNG-HÒA	80
Đoạn I.- Nguyên nhân đưa đến sự hiện diện các dân-biểu Việt gốc Miên trong Quốc-hội cùng sự thành lập Nha Tổng Giám-Độc đặc-trách phát-triển đồng bào Việt gốc Miên	80
Đoạn II.- Nhận-xét - Đề-nghị về vai trò và chính-sách của chính-phủ đối với đồng bào Việt gốc Miên	89
KẾT-LUẬN	95
PHỤ BẢN	97
TÀI-LIỆU THAM-KHẢO	102



DẪN NHẬP

THƯ-VIỆN QUỐC-GIA

Trước kia không ai nghe nói đến danh-từ Việt gốc Miên và ngay trong thời Pháp-thuộc danh-từ này cũng chưa hề có, có lẽ vì tính-cách lệ-thuộc đế-quốc Pháp. Mãi cho đến khi Tổng-Thống Ngô-đình-Diệm lên nắm chánh-quyền danh-từ Việt gốc Miên mới được nhắc nhở đến. Như vậy, người Việt gốc Miên là ai? Ở đâu?

Để hiểu phần nào về vấn đề trên, chúng ta thử xem lịch-sử về nguồn gốc của người Việt gốc Miên, hầu có thể phơi bày một nét đại cương về sắc dân này.

Người ta được nghe thấy những sách-sử nói về Bà Long-Huy (ông-chúa LĒOU-YĒ (hạ bản thế-kỷ thứ 9) tiếng Khmer gọi là "Preah-Néang-Neak" có dòng máu Khmer-Indo lập quốc Funan (Phù-Nam) và Hoàng-Tử HOÛEN-T'ŪEN bị đày từ một tiểu-quốc-vương Ấn-Độ về miền rừng núi biển đông, có đoàn thuyền và đạo-binh làm hậu-thuần. Khi Hoàng-Tử và đám tùy-tàng cập bến tại Funan và sau khi đấu nhau và trận với ông-chúa LĒOU-YĒ, đã điều-tình kết-hôn với ông-chúa rồi lên ngôi Thiên-Tử đất Phù-Nam mà người Khmer gọi là vua Preah-Thôn và Hoàng-Hậu Néang-Neak.

Hoàng-gia Phù-Nam khi ấy thấy rằng miền duyên - hải thì ngập nước, miền xa biển thì cao-náo, nên dời đô Phù-Nam lên Kôk-Thlôk (cây Thlôk đất khô) đặt gần mé sông Tonlé-Sap (Biển-Hồ), lối chân núi Kulên (núi trăn vằn) vùng Angkor bây giờ.

Đông vua Prah-Thôn- Néang-Neak nối ngôi được nhiều đời và nhiều thế-kỷ, thì lại có một triều Vương-Quốc đông Khmer, lại cũng xuất dương binh tướng từ An-Đô đổ bộ lên đất Kôk-Thlôk đoạt ngôi con cháu vua Prah-Thôn- Néang-Neak và bắt đầu khai-thác vùng đất núi Kulên (Núi trâm vàng) và vùng thung-lũng quanh sông Tonlé-Sap (Biển-Hồ).

Từ đây là khởi nguồn đại-cương Khmer - Angkor và Việt-Nam thường gọi là Thời-kỳ Đê-Thiên (với đạo Balamôn) và sau đó là thời-kỳ Đê-Thích (với đạo Phật Thích-(a Muni). Cũng chính từ đây phong-trào Khmer-Angkor bắt đầu mở rộng đất đai cho một dân số, càng ngày càng đông để làm kế sinh nhai. Dân chúng đã biết làm ruộng, lập vườn, bắt cá, vô rừng đốn cây, săn thú, bắt voi lấy ngà, hái Tầu-khẩu làm thuốc và sau đó đóng ghe, đóng thuyền đưa dân xuống miền duyên-hải là miền Nam Việt-Nam bây giờ. Thời ấy còn là đất nước ngập, người Khmer gọi là "Srok tuk-lich", người Việt thường gọi là "Thủy-Chân-Lạp", hầu khai phá đất đai, sinh sống.

Đến thế-kỷ thứ XVSS, sau khi có sự giao-tiếp giữa Chân Lạp và Việt-Nam thì khi ấy các vua chúa Chân-Lạp suy yếu, lại có sự tranh giành ngôi báu giữa anh em với nhau, nên có Hoàng-Tử nhờ nhà Nguyễn-hiền-Vương can-thiệp. Cũng vì thế mà người Việt ở miền Trung vào khai-khẩn đất-dai ở Mô-Xôu (Bà-Rịa), Đông-Nai (Biển-Hồ) một cách dễ-dàng, lại được vua Chân-Lạp là Rama - ThuppDey - Chan bênh- vực những người sống trong lãnh-thổ của họ và dần dần người Việt khai-thác và sinh sống thêm các tỉnh miền Nam. Đồng thời Mạc-Câu trước kia là một vị-quan của Vương quốc Chân-Lạp với chức OKNHA (như Tỉnh-Tướng ngày nay), cai quản và khai-phá vùng Hà-Tiên, Rách-Giá, Ông này nhận thấy rằng

vua chúa (Chân-Lập) lúc bấy giờ đã suy-yếu nên ông ta bỏ vua chúa (Chân-Lập) qui-thuận chúa Nguyễn. Vì vậy mà miền Thủy-(Chân-Lập) thành miền Nam nước Việt. Và những người cách đây mấy thế-kỷ đã khai phá và sinh-sống ở "Srok-tuk-Lich" (Thủy-(Chân-Lập)), đó là người Việt gốc Miên.

Người Việt gốc Miên có nhiều điểm khác biệt với người Việt như về hình-dáng, tính-tình, thoạt nhìn người ta có thể thấy được.

Nước da của người Việt gốc Miên ngăm đen, tóc đen lóng và dợn quăn một cách tự-nhiên, rất đẹp, như được uốn do những người thợ khéo tay, chứ không xoắn-xít như người Phi-(Châu), chân mày rậm và ngắn, lông mắt to như bở-ngỡ, dưới mí có quầng-đen, mũi nhọn nhưng không cao như người Pháp, môi hơi dày, râu rậm, rất nhiều người có râu quai nón. Vóc mình thì trung-bình như người Việt.

Sự mô tả trên là hình-dáng của người Việt-gốc-Miên chân-tông mà theo nguồn gốc trong lịch-sử lập-quốc thì tổ-tiên của họ là người Ấn-Độ di-cư sang. Trong cuộc sống chung đụng với người Hoa-khieu và Việt, một số người Việt-gốc-Miên đã kết-hợp lẫn nhau tạo thành một số người Lạc Tàu, Lạc Việt. Những người này nước da trắng, vóc dáng thanh bần, nét mặt vẫn còn giữ điểm đặc-biệt của giòng giống họ, nhưng người ta khó phân-biệt họ hơn là những người không Lạc.

Riêng về tính-tình thì người Việt gốc Miên sống chất-phác, hiền-lành, họ rất tôn-sùng Phật-Giáo (ngành Nam-tông), thích sống đơn-giản, không muốn tranh giành, nghe và tin những gì thấy

trước mặt, ghết ba hoa, trêu-tượng. Họ rất cần-cù, giỏi chịu đựng gian-khố. Khi họ thương mến và tin cậy người nào thì người đó nói gì họ cũng nghe. Họ có một tinh-thần tự-túc và tương-trợ rất cao.

Từ bấy lâu nay, tuy người Việt-gốc-Miền đã trở thành công-dân Việt-Nam, nhưng phong-tục tập-quần và tiếng nói vẫn còn gìn-giữ của riêng họ.

Ngày nay, theo thống-kê của Nha Tổng-Giám-Đốc đặc-trách phát-triển đồng-bào Việt-gốc-Miền thì tổng-số người Việt-gốc-Miền vào khoảng 700.000 người, sinh sống tại các tỉnh như sau :

- Ba-Xuyên	146.367
- Vĩnh-Bình	218.000
- Kiên-Giang	67.330
- Chương-Thiện	35.173
- Bạc-Liêu	68.210
- Châu-Đốc	54.643
- Vĩnh-Long	16.631
- Phong-Dinh	7.785
- An-Xuyên	5.925
- An-Giang	4.591
- Bình-Long	5.184
- Phước-Long	1.551
- Tây-Ninh	1.365
- Bình-Dương	1.187
- Sài-gòn	2.896

Sau khi biết qua lai-lịch của người Việt-gốc-Miền, chúng ta sẽ xét xem họ có những nếp sống như thế nào và nhất là sự tham gia của họ trong Cộng-đồng Quốc-Gia ra sao.

Vì vậy, chúng tôi sẽ trình bày đề tài Luận-văn này thành hai phần :

- Phần thứ nhất, chúng tôi sẽ đề cập đến các sinh-hoạt theo nếp sống cổ-truyền của người Việt-gốc-Miền.

- Phần thứ hai, chúng tôi sẽ nói về vai trò và chính-sách của Chính-Phủ đối với người Việt-gốc-Miền.



PHẦN THỨ NHẤT
**NẾP SỐNG CỦA
NGƯỜI VIỆT-GỐC-MIÊN**

Đồng-bào Việt gốc Miên sống chung đụng với người Việt hàng mấy thế-kỷ nay và là công-dân Việt-Nam, nhưng không phải vì thế mà mất đi những sắc-thái riêng biệt của họ. Khi chúng ta chưa sống lâu với người Việt-gốc-Miên thì chẳng thấy đặc-điểm khác lạ cho lắm, tuy nhiên sống lâu với họ, chúng ta sẽ thấy một số sinh-hoạt khác biệt với người Việt.

Người Việt gốc Miên rất thích tôn-cổ, mọi sự thay-đổi đối với họ không có tính-cách mau chóng. Những sinh-hoạt của họ nặng về tôn-giáo (Phật-giáo ngành Nam-tông) và mọi sinh-hoạt khác đều có phản-ảnh tôn-giáo.

Tôn-giáo là trung-tâm phát huy nền giáo-dục, tuy nhiên lối giáo-dục còn tính-cách cổ-điển. Tại những ngôi chùa, các nhà sư dạy trẻ em Việt gốc Miên từng nhóm người, lối học thuần chữ và đọc truyện (thường là cốt truyện về luân-lý), cho nên trẻ em Việt-gốc-Miên thường không có kiến-thức tổng-quát. Chính vì vậy, mà trong giới đồng-bào Việt-gốc-Miên thường có những người hay mê-tín dị-đoan, thầy bùa, thầy pháp trước đây được thịnh-hành.

Riêng về tổ-chức tôn-giáo, kể từ năm 1957 đến nay, họ đã thành-lập hệ-thống từ Trung-Uơng đến Địa-phương và trở thành những Giáo-hội Phật-Giáo riêng biệt của họ.

Ngoài xã-hội, đồng-bào Việt-gốc-Miên có những sinh hoạt hoàn-toàn khác người Việt, nhất là về cuộc lễ tang ma, những mỹ-thuật điêu-khắc, đúc tượng, âm-nhạc, v.v...

Với mục-dịch tìm hiểu các sinh-hoạt của người Việt-gốc-Miên, trong phần này chúng tôi sẽ trình bày thành ba Chương :

Chương I : Sinh-hoạt xã-hội

Chương II: Sinh-hoạt tôn-giáo

Chương III: Sinh-hoạt văn-hóa - giáo-dục.

CHƯƠNG I

SINH-HOẠT XÃ-HỘI

Mục 1

PHONG-TỤC - TẬP QUÁN

Đoạn I - Tín-ngưỡng - Ảnh-hưởng Bà-La-Môn Giáo

Người Việt-gốc-Miên đã theo Phật-Giáo trên mười thế-kỷ nay, nhưng vì đạo Bà-La-Môn đã lan truyền trước khi có Phật-giáo cho nên trong những tập-tục và sự thờ cúng của họ còn ảnh-hưởng rất nhiều cổ-tục của đạo Bà-La-Môn.

I.- SỰ THỜ CÚNG CÁC VỊ THẦN

Đối với các vị thần, người Việt gốc Miên rất tôn-thờ, nhưng ở những nơi chùa miếu, chứ ngay trong nhà thì họ không thờ gì cả. Hiện nay, đa số người Việt-gốc-Miên có bàn thờ tổ-tiên trong nhà, có lẽ họ bắt chước người Việt-gốc-Hoa hoặc người Việt chánh-tông.

Riêng đối với các vị-thần thì có ba(3) vị thần tượng trưng cho sức mạnh vĩnh-viễn của tạo-hóa gọi là 3 ngôi :

* Thần BRÁHMA là đấng tạo sinh, tượng-trưng cho sự hoạt động. Thần có 4 mặt, 4 tay cầm 4 quyển kinh Véda, cỡi con Thiên-Nga Hamsa.

* Thần VISHNOU là đấng bảo tồn, tượng-trưng cho lòng tốt, thần có 4 tay, một tay cầm con ốc(Cankha), một tay cầm chày vỡ (Gada), một tay cầm bông sen(Padama), một tay cầm hòn quàn(Cakra), cỡi chim Garuda. Thần VISHNOU được dân-chúng tôn sùng nhất, người ta thường thờ chung với vợ thần là nữ-thần LAAKOM.

* Thần CIVA là đấng phá-hoại, tượng-trưng cho sự đen tối, thần có 4 tay, hai tay trên, một cầm cái trống, một dắt

con nai cái ; hai tay dưới, một tay bố-thí, một tay an-ủi, cỡi bò đực Nandin.

Ngoài ra, còn vô số các chư thần khác tọa-lạc khắp nơi, nhưng chỉ có một số được nhắc-nhở nhiều nhất : đó là các vị-thần INDRA, YAMA, NĀGARAJA, KĀMA, TĒVĒDA, v.v... mỗi vị-thần đều có sự tương-truyền cũng như có một quyền-linh riêng.

II.- SỰ THỜ CÚNG ÔNG TÀ (NEAK-TA) - MA-QUI VÀ BÙA NGÁI

a)- Sự Thờ cúng ÔNG TÀ -

Trước đây, người Việt-gốc-Miên rất nể sợ Ông TÀ. Họ tin-tưởng rằng, nếu chẳng may làm cho các Ông ấy giận sẽ mang họa vào thân. Vì vậy, nên mới có sự thờ cúng.

Ông TÀ có thể là những người trước kia có tiếng tăm hoặc có chức-tước và sau khi chết được người trong vùng sùng bái. Tuy nhiên, người ta còn thấy sự thờ cúng Ông TÀ ở ngã ba sông (Neak-Ta Peam Bâ), Ông TÀ ngã tư sông (Neak-Ta Peam Bul)...

Ngày nay, sự thờ cúng Ông TÀ không còn thịnh-hành nữa, sự tin-tưởng càng ngày càng giảm dần.

b)- Ma-qui và Bùa ngải -

Người Việt gốc Miên đều hoàn-toàn theo Phật-giáo, nhưng vì chịu ảnh-hưởng sâu-xa nền văn-minh Ấn-Độ, trong đó còn chất chứa nhiều cổ-tục Bà-La-Môn Giáo, nên họ vẫn dễ tin-tưởng ma-qui và bùa ngải. Họ cho rằng ma qui thường sống lẫn-lộn với con người. Theo quan-niệm của họ thì ma-qui có hai loại : một là gồm những người chết bất-đắc kỳ-tử, chết trẻ chưa vợ hoặc chưa chồng, chết vì uất-ức, tức giận không chịu đầu thai kiếp khác, linh-hồn vất vưởng thế gian để trêu ghẹo hoặc trả thù, báo oán ; hai là loại ma-qui do người đời tạo ra bằng phù phép để sai-khiến chúng làm những việc đen tối, hại người.

Ma-quí thường xuất-hiện nhiều hình-dạng khác nhau, cho nên người ta đặt tên chúng như những vật hữu-hình, như Quí MISA, Quí Bầy-Sach(Quí dói). Quí MISA thường hiện thành đàn-bà hoặc con gái để trêu ghẹo hoặc có thể làm chết người. Quí dói (Bầy Sach) thường hiện thành người thân hình cao lêu-nghêu, tay chân ốm nhỏ, bụng lớn, miệng nhỏ, như lỗ kim thường đi lang-thang kiếm thức ăn của người đời, thức ăn dành cho súc-vật, xác chết, v.v... Quí dói là quí hiền-lành, không hại người.

Ngoài ra còn những loại quí khác như KMỐT-LÔNE (cô-hồn), KÔN-KRÓT(Con hàm nậm). Cô-hồn thường không biến thành hình-thái rõ-rệt mà linh-hồn thường vất-vuông ở những bụi cây đám cỏ, ban đêm chúng có thể biến thành những hình thú vật, hoặc tiếng người, tiếng chim, luồng ánh-sáng, v.v... để ghẹo người, làm người ta hoảng sợ và cũng có thể làm chết người. KÔN-KRÓT (Con hàm nậm) là một loại con mà người ta tin rằng có quí theo phù-hộ. KÔN-KRÓT do người đời nuôi giữ mà thông-thường là do các Ông thầy pháp biết bùa ngải. Người nuôi giữ KÔN-KRÓT sẽ được chúng cho biết trước những điều lành, may mắn hoặc những điều tai hại hầu trốn tránh.

Khi nói đến ma-quí thì phải nghĩ ngay đến bùa-ngải, vì người Việt-gốc-Miền tin-tưởng rằng bùa-ngải có thể trị được tà-thần của ma-quí, và của những vị thầy pháp có lòng ác tâm hại người bằng tiền thuê mà trù ếm, thử đồ vật vào người khác vì tư-thù, ghen hờn, v.v... Ngoài ra, người ta còn tin-tưởng bùa ngải dùng vào việc khác mà sức người không thể làm được.

Sở dĩ có bùa ngải là do những vị thầy pháp dày công tu-luyện. Những vị này sống lẫn-lộn trong dân chúng, có người sống ở trên núi xa mọi người như một kẻ đạo-sĩ. Thông thường những người học bùa đều thuộc giòng cha truyền con nối. Ngoài ra, còn một loại thầy bùa nữa, đó là các sư-sãi. Khi nói đến bùa ngải thì người Việt gốc Miền nghĩ ngay đến các nhà sư. Một số sư vì rảnh rỗi nên có thì giờ luyện bùa mà kết quả rất tốt đẹp.

Người Việt thường học bùa của người Tàu do Ông LỖ-BAN đặt, nên gọi là bùa LỖ-Ban. Người Việt gốc-Miên, Cao-Miên, Thái-Lan, Miến-Điện, Lào, Nam-Dương, Mã-Lai học bùa của đạo Bà-La-Môn. Một điều trái ngược là trong giới sư-sãi tu theo Phật-giáo mà thích luyện bùa theo Bà-La-Môn Giáo. Trong Phật-Giáo không hề nói đến bùa-ngải.

Về hình thức thì bùa ngải có nhiều hình-thức khác nhau và khác hẳn bùa LỖ-Ban, như : sáp ong, tượng Phật, tóc đánh, bùa vẽ trên khăn, khắc trên chỉ (Katha), xăm trên thân thể, v.v...

Về mục đích thì các loại bùa nêu trên đều có mục tiêu gần giống nhau, như trị chứng bệnh do tà-ma, quỷ gây nên, tránh sự đau đớn khi bị đánh, tránh được súng đạn, v.v...

Trong giới thanh-thiếu-niên Việt-gốc-Miên thường dùng loại bùa vẽ trên khăn (Kanseng), bùa khắc trên chỉ (Katha) và nhất là tượng Phật. Tượng Phật thường làm bằng những loại có huyền-linh như ngà voi, nha voi, nanh heo rừng, heo nước (nanh đất), tuy nhiên lúc dùng họ còn làm bùa làm phép nữa. Người Việt-gốc-Miên dùng tượng Phật, họ thường quan-niệm rằng, trước hết là chứng tỏ mình là Phật-tử, sau nữa còn có công-hiệu huyền-bí. Riêng về đàn-bà, con gái và trẻ con, người ta thường dùng loại bùa khác trên chỉ, sáp bùa vì thông thường đàn-bà, con gái không thể mang tượng Phật vào người được.

Ngoài những loại bùa kể trên, người ta thấy còn loại bùa nằm trong thân-thể, đó là trường hợp vô tượng, kim loại vàng bạc vào dưới lớp da hoặc uống một loại thuốc gông (Thnam-công), dụng-đích các loại này cũng như các loại nêu trên

Thông thường thì những người mang những loại bùa kể trên phải theo lời căn-dặn của người cho bùa. Những lời căn-dặn thường nhằm vào 3 mục tiêu : tinh-thần, sự tôn-kính và các thức ăn.

Về tinh-thần thì không nên trộm cướp, giết người, nói láo, gian dâm, v.v...

Về sự tôn-kính thì phải có khính thờ riêng, không nên mang bùa vào những nơi đơ-bản như nơi vệ-sinh, nơi truy-lạc, v.v...

Về thức ăn thì tùy theo loại bùa mà cử một vài món ăn.

Ngày nay, trong giới người Việt gốc Miên vẫn còn tin-tưởng sự linh-ứng của các loại bùa.

Đoạn II - Tập-tục

Hàng năm, người Việt-gốc-Miên thường tổ-chức những lễ tục cổ-truyền và nặng về phương-diện Tôn-giáo. Vì vậy mà họ sinh-hoạt lễ-lộc đặc-biệt trong xã-hội Việt-Nam.

I.- Cách dùng lịch -

Trong giới đồng-bào Việt-gốc-Miên, trừ quân-nhân, công-chức thường dùng dương-lịch. Tuy nhiên, những người này vẫn dùng lịch riêng hầu đến dự lễ và cúng chùa. Trong giới đồng-bào bình-dân, họ dùng đến dương-lịch khi có việc liên-quan đến công-sở.

Thông-thường người Việt-gốc-Miên dùng Phật-lịch. Vì người Việt-gốc-Miên theo Phật-giáo Nam-tông nên cách dùng Phật-lịch hơi khác ngành Bắc-Tông.

Người ta đã chọn 4 kỷ-nguyên để tính thời-giờ :

- Thứ nhất là kỷ-nguyên cổ (Ancienne Ère) gọi là Beaurane-Sakaraich nghĩa là xưa cũ, vì không ai nhớ Tổ-tiên đặt tên gì ? Kỷ-nguyên này bắt đầu 634 năm trước Thiên-Chúa Giáng-Sinh. Năm thứ 12 của "Kỷ-nguyên cổ" là năm sanh của Đức Thích-Ca, năm thứ 91 là năm Ngài nhập Niết-Bàn.

- Thứ hai là Kỷ-nguyên của Phật (Ère de Bouddha) gọi là Phật-lich (Pouth-Sakaraich), bắt đầu từ ngày Phật Thích-Ca nhập Niết-Bàn. So với kỷ-nguyên cổ là năm thứ 91, và ở 543 năm trước Thiên-Chúa Giáng-Sinh.

- Thứ ba là Đại-kỷ-nguyên (Grande Ère) gọi là Maha-Sakaraich, khởi đầu vào năm thứ 623 của Phật-lich, sau Thiên-Chúa Giáng-Sinh 78 năm.

- Thứ tư là kỷ-nguyên hiện tại của người Cao-Miên (Ère actuelle des Khmers) gọi là Cholak-Sakaraich, bắt đầu từ năm 561 của Đại-kỷ-nguyên, sau Thiên-Chúa Giáng-Sinh 638 năm.

Trong 4 cách tính nêu trên, hiện nay người Việt-gốc-Miên đã dùng theo kỷ-nguyên của Phật hầu hợp với Tôn-giáo, đồng thời dễ đối chiếu với các Quốc-gia khác cùng tôn sùng Phật-Giáo.

Tuy nhiên, so với ngành Phật-Giáo Đại-thừa của người Việt, Tàu, Nhật thì Phật-lich lại nhiều hơn một năm. Người Việt-gốc-Miên, Cao-Miên, Ai-Lao, Thái-Lan, Miên-Điện, Tích-Lan tính đến năm 1972 là 2.515, còn người Việt thì 2.516. Ngày nay trong kỳ Đại-Hội Phật-Giáo Thế-Giới dường như có sự thay đổi cho phù hợp với nhau ?

Trong sự phân chia ngày tháng, người Việt-gốc-Miên tính kỷ-nguyên-cổ, bắt đầu từ ngày tiên khởi và còn giữ gìn đến ngày nay. Các nhà thiên-văn sắp đặt mỗi tháng chia làm 2 tuần : Trăng tròn (Thnot) và trăng khuyết (rô-nốt) theo một phương-pháp bất-di bất-dịch. Theo đúng sự vận-chuyển của mặt trăng, các nhà thiên-văn sắp xếp ngày tháng.

- Tháng giêng gọi là Méakasé (Pháp = Sagittaire) có 29 ngày : 15 ngày trăng tròn và 14 ngày trăng khuyết.

- Tháng hai gọi là Boise (Pháp = Capricorne) có 30 ngày : 15 ngày trăng tròn, 15 ngày trăng khuyết.

Tháng 30 ngày thì 15 ngày mỗi tuần, thượng tuần luôn luôn 15 ngày,

Tương-tự như trên, các nhà thiên-văn tính đến hết tháng 12. Tổng-cộng số ngày trong 12 tháng là 354 chia đều 12 tháng thì mỗi tháng có 29 ngày 1/2 và năm nhuận thì có 13 tháng.

Về cách tính tuổi thì người Việt gốc Miên cũng theo 12 con giáp như người Việt.

Để cử hành những ngày lễ đúng theo cổ-tục, người Việt-gốc-Miên thường mua tập-lich gọi là Maha-Sangkrang. Tập lịch này do các nhà thiên-văn Cao-Miên thiết-lập, trong ấy ghi đầy đủ ngày tháng tốt, xấu, lễ-lộc, mưa, nắng, v.v...

II.- Các ngày lễ trong năm -

Mỗi năm người Việt-gốc-Miên cử-hành 8 lần lễ, trong những lễ ấy đa-số là lễ Phật, chỉ riêng lễ vào năm mới là theo Bà-La-Môn. Tất cả những cuộc lễ đều được tổ-chức tại chùa, quý-vị Đại-Đức trụ-trì mỗi chùa hợp với Ban Quản-trị Cư-sĩ lo tổ-chức, sắp xếp chương-trình cho cuộc lễ. Đồng bào các xóm qui-tụ đến ngôi chùa gần nhất hoặc ngôi chùa liên-hệ mà dự lễ và vui đùa.

Trong 8 lễ, chúng tôi nhận thấy rằng có 3 lễ quan-trọng nhất, tổ-chức trọng-thể và vui đùa hào-hung.

Tám lễ trong năm theo tập-tục của đồng-bào Việt-gốc-Miên có tên như sau :

- Chôl-Chnăm, lễ vào năm mới (Tết) vào giữa tháng 4 dương-lịch.

- Ok-Ang-Bok, lễ cúng trăng vào tháng 10 d.l.

- Đôn-Ta, lễ xá tội vong-nhân

- Méakabaucha, lễ Đức-Phật cho biết 3 tháng nữa sẽ nhập Niết-Bàn, vào tháng 2 d.l.

- Visakabaucha, lễ Phật-Đản, vào tháng 5 d.l.
- Chôl-Vô-Sa, lễ nhập Hạ, vào tháng 7 d.l.
- Ka-Thanh, lễ dâng y cà-sa, vào tháng 10 - 11 d.l.

Tất cả các lễ, trừ 3 lễ Chôl-Chnăm, Ok-Ang-Bok, Đôn-Ta, đều tổ-chức đơn-giản tại các chùa.

Vì sự sinh-hoạt đặc-biệt của 3 lễ quan-trọng, nên chúng tôi trình bày sơ-lược về 3 lễ này :

a)- Chôl-Chnăm (lễ vào năm mới "Tết")

Vì ảnh-hưởng của Bà-La-Môn Giáo và Phật-Giáo Tiểu-Thừa nên người Việt-gốc-Miền ăn Tết khác người Tàu, Việt, người Tây-Phương và gọi là ngày Chôl-Chnăm-Thmây (ngày vào năm mới).

Theo khoa Thiên-văn truyền-thụ từ Ấn-Độ, người Việt-gốc-Miền tính ngày đầu năm bằng hai lối vào

Chôl, tính theo sự vận-chuyển của mặt trăng và đánh dấu việc thay đổi 12 con thú tượng-trưng của con giáp trong 1 kỳ.

Chnăm, tính theo sự vận-chuyển của mặt trời và đánh dấu bước đầu năm mới.

Thông thường Chôl được tính vào ngày đầu tháng Chết tháng 5 của người Việt gốc Miền (khoảng tháng 4 d.l.) còn Chnăm thì thay đổi tùy theo trăng tròn và khuyết nhằm ngày 12, 13 hay 14.

Những ngày lễ trong năm thường do Ủy-Ban Thiên-Văn Cao-Miền tính toán và ấn-hành gọi là Maha-Sangkrang (Đại-lich) để áp-dụng trong năm. Người Việt-gốc-Miền thường mua những cuốn này để làm lễ cho đúng.

Lễ Chôl-Chnăm do sự tích của thần 4 mặt, theo huyền-thoại của Bà-La-Môn.

Đối với người Việt-gốc-Miên, lễ đầu năm là ngày lễ về Tôn-giáo, là dịp rửa sạch những bợn nhơ năm cũ hầu bước qua năm mới vui tươi và thanh-khiết hơn.

Suốt 4 ngày đầu, mọi người phải dọn dẹp nhà cửa thật sạch-sẽ, lau chùi tất cả vật-dụng và đến đêm thì đốt tất cả ngọn đèn, thắp hương thơm, cắm hoa tươi, treo bông kết trụ để đón chào và thỉnh chư-thần Têvêđa đến. Theo thần-thoại Bà-La-Môn, thần Têvêđa là vị coi sóc thiên-hạ, giúp đỡ người tốt, cứu nguy kẻ khốn-đốn. Trong 4 ngày này, người ta kiêng cử mọi điều vật kỹ-lưỡng, vợ chồng không gần nhau, không giết hại mọi vật, không mua bán món gì, không tính toán chuyện gì cả. Trong cuộc tiếp xúc với nhau tránh cãi cọ, gây gỗ, đánh lộn, chửi rủa, nói láo, bêu xấu, không nặng lời với người giúp việc hoặc người dưới tay mình hầu hy-vọng được hưởng điều vui vẻ suốt năm.

Trong chùa, các nhà sư quét dọn sạch sẽ, thường công-tác này do các Phật-tử gánh vác gọi là làm công-quả.

Trong sân chùa, người ta đắp 8 ngọn núi cát, hoặc đắp 8 ngọn núi xung quanh Chánh-Điện. Nếu đắp ở giữa sân thì ngọn ở giữa tượng-trưng cho núi Tudi(Méru), phải rộng và cao hơn bảy ngọn kia, tượng-trưng cho bảy ngọn núi quanh Thần-sơn, trục của Thế-giới. Nếu đắp xung quanh chánh-điện thì 8 ngọn phải bằng nhau.

Công việc đắp núi cát cũng do sự tích và là cuộc lễ quan-trọng.

Vì có tính-cách tôn-giáo, cho nên đối với đồng-bào Việt-gốc-Miên lễ Chôl-Chnăm-Thmây có nhiều liên-hệ đến các chúa-chiền và quý vị sư-sãi.

Trong những ngày của cuộc lễ, sáng ngày thứ nhất, quý vị sư-sãi cử hành lễ Phật, sau đó quý vị dùng bữa cơm trưa.

THƯ-VIỆN QUỐC-GIA

Ngày thứ hai, tất cả Phật-tử đều qui-tụ tại chùa đua nhau gánh cát đắp các ngọn núi. Đắp xong, mọi người vào Chánh-Điện lạy Phật, cầu-nguyện. Sau khi về nhà, họ bố-thí cơm nước, quần áo cho kẻ nghèo. Buổi chiều, họ trở lại chùa lạy Phật, đồng thời trong chùa có tổ-chức những trò vui, gồm trống nhạc, nhạc ngũ-âm... họ vui đùa, ca hát suốt đêm. Họ thay phiên nhau trông nom những ngọn núi để tránh đổ vỡ gây nhiều điều tai hại trong năm.

Sáng ngày thứ ba, các bà nội-trợ mang nồi niêu, chén bát, thức ăn vào chùa nấu nướng để cúng dường quý-vị sư sãi và gia-đình cùng ăn.

Sáng hôm ấy, quý-vị sư-sãi đến Chánh-diện tụng-kinh, các Phật-tử đều chấp tay lạy nghe nhà sư tụng-kinh với vẻ nghiêm-trang. Đến trưa, các Phật-tử dâng cơm nhà sư, đồng thời họ họp nhau dùng bữa một cách vui vẻ. Đến khoảng 3 giờ chiều, tín đồ làm lễ tắm tượng Phật bằng nước thơm, rồi tắm quý-vị sư-sãi. Ngày nay, họ chỉ tắm quý-vị Hòa-thượng, Đại-đức cao-niên mà thôi. Và đến chiều, quý vị Sư sãi thay phiên nhau thuyết-pháp cho các tín-đồ nghe, những lời khuyên dạy của Đức Phật. Khi tối, người ta tổ-chức các trò chơi vui vẻ. Song song với các nghi lễ, người Việt gốc-Miền thường tổ-chức trò vui như Aday, Lô-Khôn, Lãm-Thôn, v.v... Sau đó, ngày lễ đầu năm sẽ được kết thúc.

b)- Lễ Đôn-ta (xá-tội vong-nhân) -

Lễ Đôn-ta là một lễ thuộc tập-tục Phật-giáo nguyên-thủy (ngành Tiểu-thừa), lễ này còn gọi là Phchum-Ben là lễ xá-tội vong-nhân, cùng ý-nghĩa với lễ Vu-Lan ngành Đại-thừa.

Phật-tử ngành Đại-thừa cho rằng lễ xá-tội vong-nhân bắt nguồn từ sự-tích Bà Thanh-Đề là người Trung-Hoa, làm bánh ếch nhân thịt chó cúng Phật bị hành tội ở địa-ngục, nhờ con là Mục Kiều-Liên tụng kinh cúng dường và xuống cõi âm xin tội.

Phật-tử ngành Tiểu-thừa lại căn-cứ vào một sự-tích khác rút trong Kinh-điển nhà Phật. Câu chuyện xảy ra ở Ấn-Độ lúc Phật Thích-Ca còn tại thế (xem phụ-bản I).

Theo sự tích này thì lễ Đôn-Ta là một lễ cúng dường đến quý-vị sư-sãi nhờ quý vị tụng-kinh kệ hầu thân-nhận quá vãng được giải-thích đầu thai kiếp khác hoặc lên Niết-Bàn.

Cuộc lễ này được tổ-vhức trong chùa, bắt đầu từ 15 ngày trước ngày chánh-thức. Trong vòng 15 ngày đầu, Phật-tử thay phiên nhau dâng cơm nước đến nhà sư nơi những chùa liên-hệ gia-đình hoặc những ngôi chùa gần nhất. Cuối cùng là ngày lễ chánh-thức thường tổ-chức rất lớn. Trong cuộc lễ này, người Việt-gốc-Miền còn tổ-chức buổi cúng ở nhà, con cái thường qui-tụ nhà tổ-tiên để tỏ thái-độ nhớ ơn những người cha tổ của mình.

c)- Lễ Ok-Ang-Bok (Chào mặt trăng) -

Lễ Ok-Ang-Bok là cuộc lễ quan-trọng thứ ba trong năm của người Việt-gốc-Miền sau lễ vào năm mới và lễ Đôn-Ta. Thực-sự, lễ này gọi là Pithis Sám-pas Preak-Khe (Chào mặt trăng), nhưng trong dân-gian thường gọi là lễ Ok-Ang-Bok. Lễ này do sự tích rút trong lịch-sử Đức Thích-Ca (Xem phụ-bản 2).

Khác với các lễ, Lễ Ok-Ang-Bok, mặc dù do sự-tích rút trong sự-tích Phật, nhưng do dân-chúng tổ-chức và không phải làm lễ tại chùa. Tuy nhiên, có nơi do sự phối-hợp của quý-vị sư-sãi và ban Quản-trị cư-sĩ mà tổ-chức, nên đôi khi được tổ-chức tại chùa thêm phần long-trọng.

Đúng ngày 15 tháng Kadêk, ngày này tức trăng tròn, sáng trong. Mỗi gia-đình đều lập một bàn thờ trước mặt nhà với những trái cây để cúng trăng. Trước khi cúng mặt trăng, tất cả gia-đình đều qui-tụ và được đút cơm dẹp. Ý-nghĩa của cuộc lễ này là khích-lệ nông-dân cố gắng cấy cày, trồng-trọt, chọn giống tốt hầu sản-xuất nhiều và năng-suất cao.

Trong cuộc lễ, người ta còn tổ-chức những trò vui như Adây, Lô-Khôn, v.v... ở chùa hoặc những nơi thuận-tiện. Đặc-biệt trong cuộc lễ còn tổ-chức đua ghe ngo, ngày nay chỉ còn hai tỉnh thực-hiện vì nhiều sông rạch, đó là tỉnh Kiên-Giang và Ba-Xuyên. Ở hai tỉnh này, đồng-bào Việt gốc Miên thường tổ-chức lễ Ok-Ang-Bok từ 3 đến 7 ngày. Họ tổ-chức lễ rất lớn, trên sông thì có cuộc đua ghe Ngo, ngày nay với phong trào máy "đuôi tôm, giò vọt", họ còn tổ-chức đua loại này và tụ tập đông đảo trên dòng sông. Trên bờ lại có những cuộc vui khác nhất là Aday, Lô-Khôn vào ban đêm.

Phần trên, chúng tôi đã trình bày sơ lược một số tập-tục, quan-thiết của người Việt-gốc-Miên. Ngoài ra, còn một số tục-lệ khác của họ, cũng có tính-cách đặc-biệt, như lễ cưới, hỏi, tang-lễ ...

M U C II

TANG LỄ - CƯỚI HỎI

Như chúng tôi đã nêu, người Việt gốc-Miên dù đã sống chung đụng với người Việt hàng mấy thế kỷ, nhưng họ vẫn giữ tập-tục riêng biệt, nhất là tang-ma, cưới hỏi. Trong đám tang-ma, họ còn tổ-chức đám tang đặc-biệt cho những bậc Hòa-thượng, Đại-đức-tang.

Riêng về việc cưới hỏi, vì tiến-triển theo thời cuộc nên có cuộc lễ xưa, có cuộc lễ theo thời-đại, có cuộc lễ pha lẫn phong-tục của người Tàu, Việt.

Đoạn I - Tang-lễ -

Theo phong-tục người Việt-gốc-Miên không chọn người chết mà họ hóa-thiếu xác chết (Đây là tập-tục của Phật-Giáo nguyên-thủy), lấy xương vụn cát vào các ngôi tháp trong chùa để thờ-phượng. Đa số đồng-bào Việt gốc Miên đều tin-tưởng người chết được hóa-thiếu thì mới có thể siêu-thoát được.

1)- Tang-ma trong giới đồng-bào -

Từ khi Phật-giáo lan tràn vào đất Cao-Miên, người Việt-gốc-Miên ở miền Nam Việt-Nam chịu ảnh-hưởng sâu đậm tập-tục của ngành Phật-giáo này. Cũng từ đó tập-tục hỏa thiêu xác chết được áp-dụng. Đối với người nghèo có thân-nhân xấu số, họ khâm-liệm người chết để vào cái hòm, sau đó một hoặc ba ngày thì hỏa-thiêu, những người giàu hơn thì có thể hỏa-thiêu sau 7 ngày chết.

Thỉnh-thoảng, có những gia-dình chôn, xác chết 3 năm sau mới hỏa-thiêu. Thông-thường, đối với những người chết còn nhỏ tuổi thì họ mới làm như vậy.

Những nghi-thức tang-ma của người Việt-gốc-Miên rất phức-tạp. Khi gia-dình có người sắp chết, họ phải mời Ông Acha rành về nghi-thức hầu lo liệu đám tang. Đồng thời trong đám tang nào cũng có các nhà sư tụng kinh dẫn dắt linh-hồn người chết theo nẻo chánh, đầu thai làm người chứ không phải súc vật.

Sau khi người chết đã được thực-hiện tất cả nghi-thức và sau khi hỏa-thiêu, thân-nhân nhặt những xương vụn đem vào tháp trong chùa hoặc đem về nhà thờ-phượng.

2)- Tang-ma trong giới Đại-Đức-Tang -

Khi một vị sư sãi hạng Tỳ-Khưu hay Sa-di diệt-tịch, người Việt-gốc-Miên cũng hỏa-táng giống mọi người. Riêng đối với vị Sư cả, Sư-trưởng một ngôi chùa hoặc Đại-Đức Mekon cai-quản một tỉnh thì phải quản từ một đến ba năm mới thiêu xác. Cũng có khi vì nhiều trường-hợp bắt buộc người ta thiêu xác sau ba hay bảy ngày, nhưng sự-kiện này rất ít khi xảy ra.

Ngay khi vị sư cả còn sống, tín đồ hùn tiền làm cái quan-tài để sẵn gần chỗ sư ngồi thường ngày. Hình dáng áo quan giống như căn nhà ba gian và có nóc chót tháp như nóc chùa, sơn phết rất đẹp.

Sau khi nhà sư tịch và làm mọi nghi-thức, họ thường khâm liệm xác chết bằng cách đổ thủy-ngân vào mồm hầu được nguyên xác chết trong một hoặc ba năm.

Thông-thường thì cuộc lễ hỏa-táng của những vị này rất long-trọng tại ngôi chùa mà nhà sư đã tu và tịch. Các nhà sư và đồng-bào Phật-tử trong tỉnh thường đến tham dự cuộc lễ một cách đông đảo.

Đoạn II - Hôn lễ -

Trong cuộc hôn-lễ, người Việt-gốc-Miên theo sát cổ-tục của dân Cao-Miên, cho nên việc cưới hỏi rất phiền-phức. Trong khi đó thì tại Cao-Miên ngày nay đã giản-dị-hóa cổ-tục và thay đổi rất nhiều.

Xưa kia, trong các triều-đại vua chúa của Cao-Miên, vì bảo-vệ dòng Thiên-Tử, cho nên anh chị em trong dòng vua thường kết-duyên vợ chồng. Những nghi-thức, lễ vật trong tập-tục kết-hôn của các Hoàng-Tử, Công-Chúa ấy đều được nhà Vua truyền dạy cho dân-chúng áp-dụng. Thế nên, hôn-lễ của người Việt gốc Miên vì theo dân Cao-Miên, nên cũng biến đổi theo thời-đại.

Đời Vua Preak Battossarat, trong cuộc hôn-lễ con cái của nhà vua gồm những lễ vật sau :

- Hai mâm trà,
- Ba cành hoa Chumpupruk
- Mời vị ản-sĩ để chứng-kiến hôn-lễ.

Sau đó, trong dân-gian phải áp-dụng các lễ-vật trên khi gả cưới con cái. Đây cũng là lễ vật cưới hỏi đầu tiên của dân Kampuchea.

Đời Vua Preak Vesan Tara, khi nhà vua làm hôn lễ cho hai con, các nghi-lễ được bổ-túc như sau :

- Ông Acha, coi ngày lành tháng tốt để cử-hành hôn-lễ, phải là người thương-giới.

- Ba ông mai, cũng người thương-giới.
- Khai hợp
- Người cầm đèn xoay 7 vòng chàng rể, cô dâu; cũng là người thương giới

Đến đời vua Preah-Thon, vì nhà vua phải cưới công-chúa Thủy-Tề, cho nên ngoài những lễ-vật đã có, còn có những nghi-thức như sau :

- Trưởng-tộc
- Chàng rể ngồi trên ghế chọn giờ tốt trước khi cất bước sang nhà bên gái.
- Nhạc lễ
- Chàng rể nắm vạt áo nàng dâu bước vào phòng.
- Đến phòng, nàng dâu đưa quần áo cho thay
- Động phòng, nàng dâu đút chuối cho chồng ăn
- Acha, bắt chàng rể nàng dâu cùng đầu nhẹ với nhau.

Vua Preah-Thon ngự trị xứ Kok-Thlok, Thủy-Tề hay tin vua Preah-Thon chưa vợ, nên vua Thủy-Tề đem con gái tên là Tharavatay để gả cho vua Preah-Thon. Vua Preah-Thon hạ lệnh cho bá quan văn-võ chuẩn-bị nghi-lễ dâng lên vua Thủy-Tề để xin cưới nàng Tharavatay.

Sau khi văn-võ bá quan chuẩn-bị xong các nghi-lễ, Ngài mặc áo mào chính-tề, ngồi trên ngai vàng, chọn giờ lành cất bước qua cung-điện của vua cha vợ. Tất cả các nhạc lễ đều trời lên, các quan văn-võ đều cầm lễ vật dâng lên vua Thủy-Tề để xin cử-hành hôn-lễ. Vua Thủy-Tề chấp nhận nghi lễ và cho cử-hành hôn lễ trong 7 ngày.

Sau 3 ngày, nàng Tharavatay hướng dẫn chồng đi châu vua cha. Trong lúc hành-trình, nàng nói với chồng rằng: chàng phải nắm vạt áo của em cho chặt kéo nước úp lấp không biết lối đi, bởi chồng là người trần-tục, còn nàng là giòng giòng rồng. Đoạn nói xong, nàng dẫn chồng xuống biển đi.

Khi đến triều nội của vua cha, nàng mới đưa y-phục rỗng và bảo chồng phải mặc y-phục này. Chàng rể và nàng dâu được lên châu vua cha. Vua bắt ở lại cung triều này 3 ngày.

Sang ngày thứ tư, vua Thủy-Tề truyền lệnh cho các văn-võ bá quan và quân-binh đi hộ vệ Ngài và hai con về xứ Kokthlok (tức trần thế). Khi đến nơi, vua Thủy-Tề mới hạ lệnh cho tổ-chức lễ đăng-quang tán-phong cho vua Preak-Thon và cho nàng Tharavatay là Hoàng-hậu.

Từ đó về sau, vua Preak-Thon truyền dạy dân chúng cưới gả phải noi theo gương Ngài.

Qua đời vua Preak-Chaychetta, nghi-lễ được thực-hiện như sau :

- Bên đảng trai phải chọn 3 người đàn bà còn nguyên vẹn gia-dình con cái, đến bên gái để dò hỏi. Sau khi có sự ưng-thuận của đảng gái thì sẽ làm lễ hỏi.

- Đảng trai gồm cả Ông bà Mai và thân-tộc đến đảng gái dâng lễ vật xin hỏi theo phong-tục và đồng thời xin đảng gái coi ngày lành tháng tốt để làm hôn-lễ.

- Trong dịp trên đảng gái cũng chọn một người cao-niên hay Trưởng-tộc để thay mặt ông bà cha mẹ chấp-thuận cho phép đảng trai được ngày tháng cử-hành hôn-lễ.

- Khi đảng trai đã chọn xong ngày tháng, thì họ cậy Ông bà Mai cùng thân tộc đem lễ vật trình ông Trưởng-tộc đảng gái cho biết ngày ấn-định hôn-lễ. Đồng thời cũng giao tiền mua sắm trong cuộc lễ.

- Ngày bên gái nhóm họ, cha mẹ đảng trai cùng ông bà Mai giao các lễ vật và cho chàng rể ra mắt cha mẹ họ hàng bên gái.

- Hôm sau là ngày lễ chánh-thức, cả hai họ họp lại đông đủ uống rượu chúc mừng đôi trẻ thành duyên.

Vì vậy mà đời vua Chaychetta, việc cưới hỏi cần phải có :

- Ba người đàn bà (tức bà Mai)
- Chàng rể mặc quốc-phục
- Chàng rể hớt tóc ngắn
- Nàng dâu mặc quốc-phục
- Bên trai phải dâng tiền nghi-lễ
- Tiền vú sữa
- Chàng rể cầm cây kiếm.

Về tiền nghi-lễ có ấn-định như sau :

- Hoàng-tộc 90 lạng 3 quan 3 tiền
- Tướng 60 lạng 3 quan 3 tiền
- Chức sắc trong
triều vua 30 lạng 1 quan 3 tiền
- Thường dân 12 lạng 1 quan 1 tiền
- Tiền vú sữa 2 quan

Nghi-lễ đời vua Chaychetta được dân-chúng tôn-trọng, pha lẫn với những nghi-lễ đã có từ các vua chúa trước.

Dân-chúng Cao-Miên dựa vào các nghi-lễ trên mà thực-hiện cho việc cưới hỏi của con cái họ. Người Việt-gốc-Miên vì chịu ảnh-hưởng của dân Cao-Miên mà noi gương họ.

Ngày nay, nghi-thức lễ cưới hỏi trong giới đồng-bào Việt-gốc-Miên đã thực-hiện như sau :

- Sua đơn-đăng, đây là lễ do hỏi, chàng trai nhờ mai mối đi do hỏi, nếu có sự ưng-thuận thì giữa mai-mối và chàng gái sẽ định ngày lễ hỏi.

- Tàu đơn-đăng, đây là lễ làm đám hỏi. Trong buổi tiệc hỏi này, hai bên định ngày cưới gọi là "Chôl-thngay-ka" và định lễ cưới do bên nào gánh chịu, trai

cũng được mà gái cũng được hoặc do hai bên hùn lại với nhau.

- Pithis à-pia pi-pia, là lễ cưới, lễ này thường do một vị Acha điều-khiển, ông này là người rành rẽ về phong-tục tập-quán.

Trong lễ cưới này, còn có nghi-thức như cột tay (chon-day), động-phòng (Chôl-Mung), v.v...

Ngày xưa, con trai Việt-gốc-Miên muốn cưới vợ rất khó-khăn, sau khi qua bao nhiêu nghi-lễ, trừ lễ cưới, chàng rể tương-lai phải qua nhà cha mẹ vợ sắp cưới làm lung vất-vả, không dám sai một điều, mà đôi khi vẫn bị từ-hôn thật là oan-uổng!

Hiện nay, vì ảnh-hưởng nhiều phong-tục của người Tàu hoặc người Việt, nên việc cưới hỏi nhiều nơi đã pha lẫn các nghi-thức và tục bất chàng rể làm công không còn nữa.

Trong chương này, chúng tôi đã trình bày sơ-lược những sinh-hoạt của đồng-bào Việt-gốc-Miên, ảnh-hưởng Bà-La-Môn Giáo cổ tính-cách huyền-bí cũng nhờ những sinh-hoạt tập-tục cổ-truyền hoàn toàn theo Phật-giáo. Và trong Chương kế-tiếp, chúng tôi sẽ trình bày về sinh-hoạt tôn-giáo, đó là Phật-giáo ngành Nam-Tông.



CHƯƠNG II

SINH-HOẠT TÔN-GIÁO

Toàn-thể người Việt-gốc-Miền đều theo Phật-giáo ngành Tiểu-thừa, cũng gọi là Phật-Giáo Nam-Tông. Phái này xuất xứ từ phía Nam Ấn-Độ và gồm : Tích-Lan, Miến-Điện, Nam-Dương, Thái-Lan, Cao-Miên, Lào và miền Nam Việt-Nam. Phật-giáo Nam-Tông có lối tu rập theo khuôn thước của Đức Phật lúc Ngài xuất-gia và ít có sự thay đổi để phù-hợp với dân-tộc và hoàn cảnh riêng của mỗi Quốc-Gia. Chính vì vậy mà tu-sĩ và phật-tử người Việt-gốc-Miền có phong-tục tập-quán riêng biệt trong xã-hội Việt-Nam. Và ngay cả Phật-giáo họ tôn sùng cũng có điểm dị-biệt về nghi-thức hành-đạo đối với sự tín-ngưỡng của người Việt chánh tông là Phật-giáo Bắc-Tông xuất phát từ phía Bắc Ấn-Độ sang Tây-Tạng, Trung-Hoa, Đại-Hàn, Nhật-Bản, Việt-Nam.

Trước kia và trong thời Pháp-thuộc, tu-sĩ Việt-gốc-Miền chịu hệ-thống Giáo-hội của Preak Samdech Sên (Vua Su-Sai) ở Phnom-Penh (Kampuchea). Nhưng khi Tổng-Thống Ngô-dinh-Diệm lên nắm chánh-quyền, vì sự liên-lạc khó-khăn, nên hệ-thống ấy không còn nữa và tu-sĩ Việt-gốc-Miền có những hệ-thống riêng biệt tại miền Nam Việt-Nam.

Chính vì điểm dị-biệt giữa Phật-giáo Nam-Tông và Bắc-Tông mà người Việt gốc Miền có cách-thức đi tu, qui-luật nhà chùa với một sắc thái riêng biệt.

Mục I

CÁCH THỨC ĐI TU

Đoạn I - Thế thức đi tu - Qui-luật và cách tổ-chức trong chùa

1) - Thế-thức đi tu - Tất cả Nam giới đều có thể đi tu được. Người đi tu phải có sự chấp-thuận của cha mẹ,

nếu có vợ thì vợ phải bằng lòng. Những người muốn đi tu phải không mang tội giết người, trộm cướp dù là trộm vặt. Thanh-thiếu có thể đi tu khi vừa đủ 12 tuổi, tuy nhiên tuổi này có nhiều người quá nhỏ nên không được chấp-thuận. Người ngoại đạo (như Thiên-Chúa-Giáo, Tin-Lành, v.v...) đều được quyền đi tu miễn là chấp nhận từ bỏ đạo của mình.

Người đi tu phải sắm những vật-dụng như sau :

- Một cái bình bát
- Một bộ tam-y cà-sa gồm : 1 y đắp, dùng những buổi tang-lễ, lễ lên chức, lên cấp bực (Sadi lên Tỳ-khu) 1 y choàng để mặc và 1 cái chăn.

Với những nghi-thức như sau :

- Có tên tuổi do cha mẹ đặt
- Có thầy tế độ là Ôp-bak-Chia
- Có thầy yết-ma là Krou-Sốt
- Có Hội-đồng tang-chúng chứng-minh trong buổi lễ xuất-gia đúng 21 vị

Người đi tu có thể tu theo hai bậc, tùy theo số tuổi :

- Sa-di, nếu dưới 20 tuổi
- Tỳ-Khu, từ 20 tuổi trở lên.

Trước khi vào chùa làm lễ xuất-gia đầu Phật, thông thường gia-dình người đi tu thắt đai bận bè, mời những người quyền-thuộc để báo tin. Đến giờ khởi-hành, người đi tu mặc một cái chăn có dắt mối sau lưng, bằng vải trắng; mặc áo trắng, trên vai trái dắt một cái khăn trắng choàng qua hông mặt đánh dấu lía cỡi tục. Xưa kia người đi tu được cỡi ngựa từ nhà đến chùa. Con ngựa được trang trí yên-cương thật lộng lẫy để ghi nhớ Đức Thích-Ca xuất gia cũng cỡi ngựa ra khỏi Hoàng-thành. Một người cầm cương ngựa, một người cầm lọng cho nhà sư tương-lai. Ngày nay, đi tu cỡi ngựa không còn áp-dụng nữa.

Người đi tu đi bộ hoặc xe đến chùa, cùng đi có cha mẹ, thân-quyến khuôn lễ vật đi sau và có một giàn nhạc hòa tấu. Phía trước có một nhóm người mang mặt nạ Yark (chàng), tay cầm gậy, gươm nhảy múa với dụng ý cản đường đoàn người đến chùa. Đó là hình ảnh tượng-trưng đám chàng Mâra khi cản trở Đức Phật đi tu.

Trong lễ tu, người tu phải trả lời những câu hỏi của vị Ôp-Bak-Chia như sau :

- Anh đã được 20 tuổi chưa (nếu tu Tỳ-khưu)?
- Anh đã sắm bình bát để khát thực chưa ?
- Áo cà-sa của anh có máy đúng luật không ?
- Anh có vết thương, mục lỗ nào trong thân-thể không ?
- Anh có nói láo không ?
- Anh có đau trĩ không ?
- Anh có ghê không ?
- Anh có mắc bệnh suyễn không ?
- Anh có làm tội tở cho ai không ?
- Anh là con trai hay đã có vợ ?
- Anh có được cha mẹ ưng-thuận cho anh đi tu không ?
- Anh có thiếu nợ không ?
- Anh có phải phụng-sự cho Chánh-phủ không ?
- Anh là người thật, không phải chàng hay rắn chử ? (sở dĩ có câu này vì xưa kia theo tích Phật có con cạp biển thành người vào xin quy-y với Đức Phật để phá rối. Khi Đức Phật phát giác rồi, Ngài dặn đệ-tử, mỗi khi nhận người vào tu phải hỏi câu ấy để tránh điều không hay)

Trả lời xong, người đi tu phải đọc kinh do vị Acha dạy trước, và có hai vị sư hỏi về luật-lệ nhà chùa. Người không thuộc kinh, không nhớ luật, không thỏa-mãn câu hỏi sẽ không được chấp-nhận vào tu. Sau đó, vị Ôp-Bak-Chia đặt pháp-danh, bận y cà-sa và phải học kinh-kệ, chấp nhận giữ các giới cùng luật-lệ đạo-giáo.

2)- Qui-luật và cách tổ-chức trong chùa -

Tất cả các chùa đều có một ngôi Chánh-điện, nơi đó là nơi trang-nghiêm nhất có thờ Đức Phật Thích-Ca. Tại Chánh-điện, nhà sư không được quyền ở đây. Theo Phật-Giáo nguyên-thủy, Chánh-điện bao giờ cũng phải hướng cửa cái về hướng đông và tượng Đức Phật cũng quay mặt về hướng này. Ngoài Chánh-điện mà Chùa nào cũng phải có, còn có "Sala" nơi độ cơm của các sư, và các "Liêu" để các sư trú-ngụ, các trường-học, v.v...

Mỗi Chùa sẽ đề cử vị cao-niên, cao, hạ nhất làm Đại-đức trụ-trì. Thông thường các vị này ít nhất đã có mười năm tu-hành, nếu chùa nào không có các sư tu nhiều hạ, thì có thể đề cử một vị tỳ-khưu cao hạ nhất tại chùa làm Đại-đức trụ-trì cũng được.

Qui-luật tại các chùa không bắt buộc người đi tu suốt cả đời, mà tùy-theo ý-thích của họ. Có thể tu suốt đời hoặc một thời-gian trở về nhà cũng được. Khi muốn về nhà phải làm lễ "Sát" thì mới hợp-lệ, nếu không sẽ mang tội.

Các nhà sư theo nguyên-tắc không được hoạt-động việc gì có tính cách công-cộng, không được dự vào công-tác của Chánh-Phủ, không được hoạt-động chính-trị, không được làm chức thư, không được làm chứng trước Tòa, không được quyền thưa kiện ai dù bị chửi, mất trộm.

Trong chùa có hai bậc nhà sư là : Sadi và Tỳ-Khưu. Ngoài Đại-đức trụ-trì, mỗi chùa còn có một hoặc hai vị Krou-Sốt, các vị này cũng khá cao hạ. Các bậc Sa-di phải kính nể, tuân-phục các sư tỳ-khưu và quý vị sư có chức-vị. Ngoài ra, mỗi chùa còn có Ủy-Ban Cư-sĩ, Ủy-ban này lo giải quyết những vấn-đề bên ngoài như lo công-việc phát-triển ngôi chùa, lo ẩm-thực cho chùa, v.v...

Tu-sĩ Việt-gốc-Miền, đối với đồng-bào Phật-tử không ai dám xúc-phạm đến, vì họ rất tôn-sùng Phật-giáo và đã rõ tập-tục của họ.

Đoạn II - Lối tu của Phật-tử -

Như chúng tôi đã nêu, tất cả người Việt-gốc-Miên đều theo Phật-giáo, tuy nhiên đồng bào Phật-tử có thể xếp loại như sau :

Trước hết, những người tôn sùng đạo nhưng không giữ một giới luật nào cả. Những người này thỉnh-thoảng đến chùa lạy Phật, tụng-kinh vào những dịp lễ lộc được tổ-chức tại chùa. Trường-hợp này chiếm đa-số trong số đồng-bào Phật-tử, nhất là thanh-thiếu-niên ít có thì giờ rảnh rảnh.

Kế đến là những người tôn sùng đạo và có giữ giới luật. Đây là trường-hợp của những người ít hoạt-động vì kế sinh-nhai, nên họ có thể đến chùa rất thường và liên-tục những người này thường là người đã lớn tuổi. Những người thọ giới phải làm lễ quy-y tam-bảo, trình với các sư trong chùa. Những người này có thể giữ một trong ba bậc giới luật như sau :

Ngũ giới : Năm điều cấm :

- Không ăn cắp
- Không sát sinh
- Không tà-dâm
- Không uống rượu
- Không nói láo.

Bát-quan trai giới : Tám điều cấm, gồm ngũ giới và thêm ba điều cấm :

- Không ăn buổi chiều
- Không ngồi chỗ cao, chỗ đẹp
- Không nghe đàn, xem hát.

Thập giới : Mười điều cấm, thêm vào bát quan trai giới hai điều :

- Không dùng mùi thơm
- Không giữ tiền bạc.

Trong ba thang bậc giới kể trên, đồng bào Phật-tử muốn thọ giới nào cũng được, tự xét mình xem có thể giữ được giới nào và tự mình nguyện với Đức-Phật và trình với Đại-Đức trụ-trì trong chùa.

Cứ mỗi tháng 4 lần vào những ngày mùng 8, 15, 29 tháng thiếu (23, 30 tháng đủ), người thọ giới đến chùa làm lễ với Đại-đức trụ-trì những điều lỗi có thể phạm trong ngày đã qua mà tụng-kinh và nguyện không tái-phạm nữa. Nếu phạm những lỗi quá nặng thì có thể thọ giới lại như ngày đầu tiên.

Trường-hợp đặc-biệt theo Phật-giáo nguyên-thủy là phụ-nữ không thể cạo đầu vào chùa tu được và không có chùa nào chấp nhận cho phụ-nữ đi tu như Phật-giáo đại-thừa. Phật-giáo Bắc-tông có sư-ni, có các tịnh-độ khát-sĩ, riêng phụ-nữ theo Phật-giáo nguyên-thủy chỉ có thể thọ giới mà thôi.

Thuở Đức Phật Thích-Ca còn tại thế, Ngài có nhận phụ-nữ tu gọi là Tỷ-Khưu-Ni do sự cầu khẩn thiết-tha của bà vú nuôi Ngài. Tỷ-khưu-ni phải giữ 311 giới, phải học cùng với vị Tỷ-khưu-ni cao niên hơn mình và cùng lớp với các tỷ-khưu nam. Vì phải giữ nhiều giới và học lâu năm, nên phụ-nữ thường không chịu đựng nổi việc tu học. Chính Đức Phật Thích-Ca trước khi nhập Niết-Bàn có tiên đoán rằng, 500 năm sau, khi Ngài tịch, sẽ không còn phụ-nữ đi tu nữa. Quả đúng như lời Đức Phật, hơn 2.000 năm nay trong ngành nguyên-thủy không còn phụ-nữ đi tu nữa.

Ngoài lối tu tại chùa, tu thọ giới, tu-sĩ và cư-sĩ Việt-gốc-Miền có thể tu theo lối tham-thiền gọi là "Sak-Ma-Thít".

Nguồn gốc của phương-pháp này do phái Du-Già (Yoga) phát-mình đã hơn 4.000 năm nay tại Ấn-Độ. Người ta thường cho rằng Đức Phật đã dành 2 lối cho thiên-hạ tu :

- Người trẻ, có đủ khả-năng học-hỏi thì tu theo phương-pháp "Konthak Thurak" nghĩa là ở chùa tu Sadi hay Tỷ-Khưu.

- Người lớn tuổi, trí óc mệt mỏi, không thể học-hỏi nhiều được, thì tu theo "Wibakseka Thurek" nghĩa là ở chùa hoặc ở nhà tu tâm, dưỡng tánh, giữ tâm lòng yên tĩnh để thấu hiểu đạo-lý của Đức-Phật và thấy được lẽ huyền vi của tạo-hóa. Đó là pháp-môn tu-thiền.

Người ta không phân-biệt tu-sĩ hay cư-sĩ, nam hay nữ giới, mà người nào cũng có thể tu thiền được. Nếu không phải là tu-sĩ thì trước khi hành-pháp phải quy y ngũ-giới và thọ bát quan trai giới.

Về thời-gian, lẽ-lối tu-thiền không bó buộc, tùy theo tình-trạng của tu-sĩ, có thể tu trong thời-gian dài hoặc ngắn cũng được. Vì vậy mà người ta chia làm 3 nhóm tu thiền :

- Những người vì bận rộn công cuộc sinh nhai, thì có thể tu-thiền trong thời-gian ngắn như khi có dịp rảnh rỗi, thời-gian này có thể là 1 hoặc 2 tuần-lê. Sau đó, đương sự sẽ về nhà tiếp-tục công-việc gia-đình.

- Những người đến chùa nguyện tham-thiền trong một thời-gian nhất-định, có thể là 1, 2 tháng hoặc vài năm.

- Tu-sĩ hoặc cư-sĩ phát-nguyện tu-thiền không ở chùa mà đi lang thang trong rừng(Đi ta bà) suốt cả đời.

Muốn tu-thiền, mỗi người phải dựng lên một cái cốc (nhà nhỏ) trong chùa. Nhà này chỉ rộng cho một người nằm. Khi đến giờ thiền, tu-sĩ vào cốc ngồi, đóng kín cửa, cấm không cho thân-nhân đến quấy rầy. Trước khi thiền, tu-sĩ phải tuân theo lời dạy của Lót-Krou(Ông thầy hướng dẫn).

Sau giờ Thiền, nhất là vào buổi sáng, tu-sĩ thuật lại cho thầy nghe những điều đã cảm thấy hầu thầy cho ý-kiến và hướng dẫn.

Mục tiêu của tu thiền rất có ích cho tâm-thần, tâm tánh con người. Người tu-thiền rất mong thấy được

những điều mình nguyện, tuy nhiên không phải người nào cũng thỏa mãn được ước-nguyện mà đôi khi chỉ thấy những cảnh trái ngược.

M U C II

HỆ-THỐNG GIÁO-HỘI - CÁCH RÈN LUYỆN GIÁO-LÝ

Trước kia và trong thời Pháp-thuộc, các tu-sĩ Việt-gốc Miên tại miền Nam Việt-Nam chưa có hệ-thống Giáo-Hội. Tất cả các ngôi chùa đều chịu hệ-thống của Preak-Samdach-Sân (Vus Su-sãi) ở Phnom-Penh. Tại các tỉnh miền Tây, mỗi tỉnh đều tổ-chức thành Hội-đồng Kỷ-luật Su-sãi và liên-lạc với Preak-Samdach-Sân.

Thành phần Hội-Đồng Kỷ-luật gồm :

- 1 vị Mékon, là vị Đại-đức quản-trị một tỉnh. Vị này do Đại-hội Su-sãi bầu lên. Đại-Đức Mékon có quyền quyết-định mọi công-việc liên-hệ đến Phật-sự trong tỉnh.

- Nhiều vị Belakon, cũng được Đại-hội bầu lên, quý vị này lo việc xây dựng giáo-lý cho các nhà sư trong tỉnh, sắp đặt tổ-chức cuộc lễ, v.v...

- 1 vị Vineythokon, phụ-trách về kỷ-luật, giới-luật

- 1 vị Samouhakon, phụ-trách về văn-khố.

- 1 vị Lêkhathika, là thư-ký của Hội-đồng.

Mỗi Quận có một vị Đại-Đức Anoukon (đại-diện cho vị Mékon, cai quản thuộc phạm-vi quận. Tại mỗi chùa thì có Đại-đức trụ-trì.

Khi Tổng-Thống Ngô-đình-Diệm lên nắm chính-quyền, Hội-đồng Kỷ-luật Su-sãi không còn lệ thuộc hệ-thống Giáo-

Hội của Preak-Samdach-Sân nữa. Sư-sãi Việt-gốc-Miên thành lập hệ-thống khác thay thế cho tổ-chức cũ sẵn có.

Ngoài ra trong thời-kỳ trên, việc rèn luyện Giáo-ly cũng thường học tập ở Kampuchea.

Đoạn I - Các Giáo-Phái - Giáo-Hội.

1.)- Các Giáo-Phái -

Tất cả nhà sư thuộc Phật-Giáo nguyên-thủy đều giữ kinh-luật, nghi-thức điều-hành giống nhau. Tuy nhiên, hiện nay có phái Mohanikay và Thommayut chỉ vì dị-biệt rất nhỏ mà tạo thành.

a)- Mohanikay :

Như chúng tôi đã nêu, người Việt gốc Miên chịu ảnh hưởng sâu đậm Bà-La-Môn giáo. Tuy nhiên, khi Phật-Giáo truyền sang thì họ chọn Phật-giáo là tín-ngưỡng của họ. Chính Kampuchea đã chọn Phật-giáo là Quốc-giáo từ thế-kỷ thứ 12, mặc dù còn ảnh-hưởng tập-tục Bà-La-Môn giáo. Vì toàn thể dân Kampuchea chọn tín-tượng là Phật-giáo nên mới có danh-từ Mohanikay nghĩa là "Phái lớn". Tu-sĩ Việt-gốc-Miên cũng thuộc phái này. Xưa kia, người ta không hề nghĩ tới phái nào khác, chỉ biết tôn sùng Đức Phật Thích-Ca mà thôi.

b)- Thommayut -

Vào cuối thế-kỷ thứ 19, ở Kampuchea có vị sư tên Preak Saukoun không chịu theo quy-luật Mohanikay và tự cho rằng phái này không hoàn-toàn "theo đúng Phật-pháp" nên bỏ xứ sang Thái-Lan sáng lập một phái khác lấy tên là Thommayut nghĩa là "đúng theo Phật-Pháp", rồi trở về Kampuchea truyền bá. Mặc dù phái Thommayut rất ít môn đệ, nhưng lại được Hoàng-tộc tôn-sùng, nên đã trở thành quan-trọng, có Đức Tăng-Thống (SamSach-Sân) ngang hàng với phái Mohanikay bên cạnh Hoàng-tộc. Người Việt-gốc-Miên cũng có một số theo phái này, nhưng rất ít, chỉ có vài chùa ở Tri-Tôn (Châu-Đốc) mà thôi.

Giữa hai phái nêu trên không có gì khác biệt quan trọng cả, có chăng là do phái Thommayut tự cho :

- Họ tự cao, tự đại rằng phái họ "theo đúng Phật-Pháp", không có cải-cách một điều nào và được Hoàng-Tộc, nhà quý-tộc, những giới giàu sang tôn-sùng.

- Mỗi khi đi khát-thực, thì ôm cái bình bát trên-trụ, không có bao vải và sợi dây đeo như các nhà sư theo phái Mohanikay. Chính điểm này mà phái Thommayut cho rằng mình theo đúng Phật-pháp, vì ngày xưa Đức Thích-Ca ôm bình bát trên, chỉ lót khăn cho đỡ tay. Trong khi đó thì các nhà sư phái Mohanikay chế bao, đeo dây. Vì những điểm nhỏ nhặt này mà có hai phái nêu trên.

2)- Các Giáo-Hội -

a)- Giáo-phái Thêravada -

Như chúng tôi đã nêu, trước kia các tu-sĩ Việt gốc Miên chịu hệ-thống Giáo-hội của Preak Samedach-Sân ở Kam-puchea, nên tại miền Nam Việt-Nam chưa có một Giáo-hội nào cả. Đến năm 1957, Ông Sơn-thái-Nguyên đứng ra thành lập Giáo-phái Thêravada và tự cho rằng toàn-thể sư-sãi Việt-gốc-Miên đều thuộc Giáo-phái này. Vì vậy, nên trên phương-diện tổ-chức, điều-hành, chúng tôi nghĩ rằng danh-từ "Giáo-phái Thêravada" được xem như một Giáo-hội. Tuy nhiên, Bộ Nội-Vụ thời ấy và cho đến nay vẫn chưa chấp-thuận quy-điều của Giáo-phái này.

Sau ngày Cách-Mạng, với tinh-thần thống-nhất Phật-Giáo Việt-Nam, Giáo-Phái Thêravada được Viện Hóa-Đạo coi như Đại-diện của giới Sư-sãi Việt-gốc-Miên tại Trung-Ương. Mặc dù trong các tỉnh miền Tây, tang-tín-dồ Việt-gốc-Miên họ vẫn giữ riêng Hội-đồng Kỷ-luật Sư-sãi có sẵn từ thời Pháp-thuộc và không hề nghe nói vấn-đề thống-nhất các Hội-đồng ấy vào một cơ-quan Trung-ương. Nhưng với phong-trào Phật-giáo đang lên, nên các Hội-đồng Kỷ-luật Sư-sãi thỉnh thoảng có liên lạc với giáo-phái Thêravada mà Chùa Chan-tarangsey, số 164/235 đường Trương-Minh-Giang Sài Gòn là Văn-Phòng Trung-Ương.

Đến năm 1968, quý-vị Đại-đức Mékon, Pháp-su, Tang-sĩ cùng nhân-sĩ các tỉnh miền Tây hợp Đại-hội thành lập một Giáo-hội mới. Sở dĩ có sự thành-lập Giáo-hội mới này là vì quý-vị tu-sĩ Việt-gốc-Miền các tỉnh miền Tây cho rằng họ đã bị Giáo-phái Theravada lợi - dụng danh nghĩa; hơn nữa danh-nghĩa đó lại bị Giáo-phái Theravada sử-dụng một cách nhục-nhã trong khi họ nằm trong Giáo-hội Phật-Giáo Việt-Nam Thống-Nhất.

b)- Giáo-Hội Phật-Giáo Khmeranikay -

Năm 1968, quý-vị Hòa-Thượng, Đại-Đức Mékon, Pháp-su, nam vị Dân-biểu Việt-gốc-Miền là các Ông Tang-bá-Xuân, Danh-Cường, Danh-Nở, Thạch-Phen, Châu-Sokan cùng một số nhân-sĩ, đại-diện Tang-tín-đồ các tỉnh miền Tây hợp Đại-hội thành lập một Giáo-hội mới với sự chủ tọa của Đại-đức Danh-Bao và Đại-đức Thạch-Piéch.

Sau những ngày hội-thảo, Đại-hội đồng ý thành lập Giáo-hội với danh xưng là "Giáo-hội Phật-giáo Việt-gốc-Miền" chính-thức đại-diện cho tang-tín-đồ Việt-gốc-Miền trong toàn quốc. Văn-phòng Trung-Ương tạm thời đặt tại Chùa Munirangsey số 36, Đại-lộ Hòa-Bình, Cần-Thơ, với sự điều-hành của Đại-Đức Danh-Bao là Tổng-Thư-Ký.

Năm 1969, Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-gốc-Miền lại đồng ý đổi danh xưng là "Giáo-Hội Phật-Giáo Khmeranikay". Đồng thời, Giáo-Hội này bổ-túc thêm một Hội-đồng Tang-Thống tối cao, Đại-Đức Thạch-Ngô (Đại-đức Mékon Vĩnh-Bình) là Tang-Thống. Hơn nữa, Giáo-Hội cũng tổ-chức bầu lại chức Tổng-Thư-Ký và Đại-Đức Thạch-Piéch (Đại-Đức Mékon Ba-Xuyên) đề cử chức-vụ này về Văn-Phòng được dời về Chùa Khléang Sóc-Trang.

Ngày nay, Giáo-Hội Khmeranikay hoạt-động một cách chặt-chẽ và có thể-thống, mặc dù bản Hiến-Chương của Giáo-Hội vẫn chưa được chấp nhận.

Theo tinh-thần bản Hiến-Chương thì tổ-chức cơ-cấu gồm Hội-Đồng Tăng-Thống Tối-Cao, Hội-Đồng Tổng-Thư-Ký. Hội Đồng Tổng-Thư-Ký trực-tiếp điều-khiển các tỉnh Giáo-Hội. Mỗi tỉnh có một Hội-đồng Tỉnh Giáo-Hội do Đại-đức Mekon quản-trị. Mỗi Quận thì có một vị Đại-Đức Anoukon cai quản thuộc phạm-vi Quận và mỗi Chùa là do Đại-Đức trụ-trị quản-trị Song song với hệ-thống Giáo-Hội, còn có hệ-thống Ủy-ban Cư-sĩ : Trung-Ương, Tỉnh, Quận và Chùa. Đó là tổ-chức về Phật-tử bên cạnh Giáo-Hội.

Hiện nay, số chùa và tu-sĩ Việt-gốc-Miên(1) trên toàn quốc như sau :

<u>Tỉnh</u>	<u>Số Chùa</u>	<u>Số tu-sĩ</u>
Phong-Dinh	12	228
Chương-Thiện	25	878
Châu-Đốc	65	716
An-Giang	5	59
Bạc-Liêu	32	1.260
An-Xuyên	6	127
Ba-Xuyên	65	2.173
Vĩnh-Long	12	266
Vĩnh-Bình	131	4.899
Kiên-Giang	47	1.347
Tây-Ninh	1	6
Sài-gòn	<u>1</u>	<u>20</u>
Tổng-cộng	402	11.979

Đoạn II - Cách rèn-luyện Giáo-Lý -

Tu-sĩ Việt gốc Miên trước hết phải học Miên-ngữ hầu nghiên-cứu kinh-kệ và học Phạn-ngữ(Pali) sau này. Trước kia, cũng như hiện tại, công việc rèn luyện Giáo-lý của Tu-sĩ Việt-gốc-Miên rất khó khăn. Trong thời Pháp-thuộc tu-sĩ Việt-gốc-Miên muốn giỏi về giáo-lý phải sang học

(1) Thống-kê của Tổng-Nha đặc-trách phát-triển đồng-bào Việt gốc Miên.

Pali, kinh-luân-giới tại Kampuchea. Công việc này rất tốn kém và khó khăn, nên chẳng có bao-nhiều tu-sĩ được đi học. Do đó mà hầu hết tu-sĩ Việt-gốc-Miên chỉ được rèn luyện giáo-lý do quý-vị Đại-đức trụ-trì mỗi Chùa giảng dạy qua những sách vở, kinh-luật có sẵn. Vì vậy mà công-cuộc rèn luyện giáo-lý đối với tu-sĩ Việt-gốc-Miên chưa đạt được sự tiến-triển mong muốn.

Sau khi Tổng-Thống Ngô-Đình-Diệm lên nắm chính-quyền và khi nền ngoại-giao giữa Việt-Nam và Kampuchea có nhiều trở ngại, các tu-sĩ Việt-gốc-Miên mặc dù đã ít người sang được Kampuchea, lại càng gặp nhiều khó khăn hơn nữa. Cũng vì thế mà Chánh-Phủ đã để đãi phần nào về việc mở các trường Pali và Kinh-luân-giới tại các Chùa.

a) - Các trường học Pali -

Chương-trình Pali là chương-trình nghiên-cứu sâu rộng và tường-tận nền triết-lý Phật-giáo, đồng thời cũng là nền căn-bản ngôn-ngữ dồi dào nhất cho Miên-ngữ, cũng như vài Quốc-gia khác. Các Quốc-gia theo Phật-giáo Nguyên-thủy đã có Viện Đại-Học Pali. Tại Kampuchea đã có "Université Bouddhique Preak Sihanouk" và "Université Bouddhique Preak Suramarit".

Trong khi đó thì tu-sĩ Việt-gốc-Miên chỉ trao dồi Pali đến bậc Tiểu-học. Hơn nữa, các trường Tiểu-học Pali mở tại các Chùa không có tính-cách liên tục vì hoàn toàn tùy thuộc vào tín-đồ Phật-tử, cũng như vì tình-trạng chiến-tranh.

Vào năm 1965, trường Pali tại các tỉnh như sau :

- Vĩnh-Bình có một trường Trung-học, và mỗi Quận có 1 trường Tiểu-học. Ngày nay, số trường Tiểu-học còn rất ít và Trung-học đã ngưng hoạt-dộng.

- Ba-Xuyên có 1 trường Tiểu-học. Ngày nay đã có gia-tăng.

- Tri-Tôn (Châu-Đốc) có 1 trường Tiểu-học.
- Kiên-Giang có 15 trường Tiểu-học, nhưng ngày nay giảm rất nhiều.
- Bạc-Liêu hiện nay có một số trường Tiểu-học.

b) - Các trường Kinh-Luân-giới -

Chương-trình Kinh-Luân-giới nằm trong một giới-hạn, chương-trình này chỉ có 3 năm học mà thôi. Mục-đích là để thông suốt Kinh-luật nhà Phật, chứ không có tính-cách nghiên-cứu sâu rộng và bồi bổ văn-hóa như chương-trình Pali. Mỗi tỉnh, vị Đại-đức Mékon thường tổ-chức mở vài trường này, hầu các nhà sư quy-tụ đến đây tu-học.

Đối với đồng-bào Việt-gốc-Miên, tôn-giáo rất quan-trọng đối với họ, tôn-giáo cũng là trung-tâm mọi sinh-hoạt khác như văn-hóa, giáo-dục.



CHƯƠNG III

SINH-HOẠT VĂN-HÓA, GIÁO-DỤC

Đồng-bào Việt gốc-Miên có một dân-số đông-dào, lại qui-tụ thành những xóm làng riêng biệt. Hơn nữa, họ là dân bản xứ đã có một nền văn-minh cổ, có hệ-thống tôn-giáo vững mạnh từ ngàn xưa. Vì vậy mà người Việt-gốc-Miên có một nền văn-hóa, giáo-dục riêng biệt, dù nền văn-hóa giáo dục ấy bị thu hẹp, bị hòa lẫn trong nền văn-hóa giáo-dục Việt-Nam.

Mục 1

NGÔN-NGỮ - HỌC-VẤN - VĂN-CHƯƠNG BÌNH-DÂN

Đoạn I - Ngôn-ngữ - Học-Vấn

1)-Ngôn-ngữ :

Người Việt-gốc-Miên nói tiếng Khmer, một loại tiếng đa-âm. Cũng như tiếng Việt, tiếng Khmer không được dồi dào lắm, cho nên thường mượn của tiếng khác. Đặc-biệt người Việt-gốc-Miên thường nói tiếng Khmer xen lẫn tiếng Việt.

Trong thời Pháp-thuộc, ngay người Cao-Miên khi nói chuyện, họ thường xen lẫn tiếng Pháp. Có lẽ vì họ thích nói ngoại-ngữ. Tuy nhiên, sau khi độc-lập, họ nghĩ rằng nói ngoại-ngữ là một điều sỉ-nhục cho Quốc-gia, cho nên họ bồi-bổ ngôn-ngữ của họ bằng các từ thêm vào gốc tiếng Pali, một thứ tiếng nguyên gốc của họ. Có thể nói rằng, khi thêm vào gốc tiếng Pali thì tiếng Khmer rất dồi dào và có thể dịch bất cứ những loại danh-từ nào như danh-từ kỹ-thuật, y-học, v.v...

Trong khi đó thì người Việt-gốc-Miên vì liên-lạc với dân Kampuchea, nên họ không biết những danh-từ mới và khi nói thường xen lẫn tiếng Việt, ngoại trừ các nhà sư và những người có học Pali, Kinh-luân-giới.

Về phát-âm thì người Việt-gốc-Miên ở các tỉnh miền Tây phát-âm không giống giọng nói dân Kampuchea. Và ngay người Việt-gốc-Miên với nhau, họ cũng phát-âm hơi khác nhau, tùy theo từng địa-phương, tuy-nhiên không có gì trở ngại khi họ đối-thoại với nhau.

Người Việt-gốc-Miên ở các tỉnh Kiên-Giang, Ba-Kiên, Chương-Thiên, Bạc-Liêu có giọng nói gần giống dân Kampuchea. Dân Châu-Đốc thì nói rất giống giọng dân Kampuchea. Riêng dân Vĩnh-Bình thì phát âm với giọng nặng hơn. Sự khác biệt giữa giọng nói ấy chỉ có trong giới bình dân ít học, còn trong giới trí-thức thì đều viết và nói giống nhau. Tuy nhiên, khi nghe giọng nói, người ta có thể phân-biệt được là dân ở Vĩnh-Bình hay Rạch-Giá...

Trong ngôn-ngữ Miên, những danh-từ chỉ tính cách cụ-thể rất dồi-dào và rõ ràng. Như chữ "Porter" của Tây mã tiếng Miên có đến 17 chữ khác nhau :

- Kann : Cầm bằng tay
- Dua : Xách tay
- Pác : Mặc (áo), đao (đồ trang sức)
- Shết : Mặc (quần, váy, chân)
- Spoi : Mang trên vai vật gì thông xuống đến hông như mang súng, bao vải.
- Li : Vác trên vai
- Rét : Gánh
- Pinh : Vác trên lưng
- Pronak : Mang trên lưng như mang gùi, mang bao kiểu hướng-đạo
- Bây : Bồng, ẵm (trẻ con)
- Trokon : Mang vật trên cánh tay
- Poo : bồng (trẻ con)
- Kandiết : Mang vật bên hông

- Tabiét : Cầm bằng 2 ngón tay, kẹp nách
- Toul : Đội trên đầu
- Pâm : Ngậm bằng miệng
- Seng : Khiêng

Một điểm khó trong ngôn-ngữ Miên là dùng tiếng bình-dân và tiếng quý-phái. Khi tiếp xúc với người bình-dân, người quý phái có chức-tước, với sư-sãi, nhà vua phải dùng danh-từ khác nhau. Ở đây không phải là vấn đề nói giỏi hay khách sáo, trịnh-trọng nhưng là một điều bắt buộc mà ai cũng phải biết. Ví dụ : như ta dùng tiếng "an" phải dùng :

- Si : bình dân, hạ cấp, dùng cho thú vật
- Tôtuól-ten : lễ phép đối với người mình nói trong câu chuyện
- Pisa : lễ phép đối với người đối thoại
- Chann : đối với nhà sư
- Pisa Kraya : đối với nhà vua.

Tiếng "đi" phải dùng :

- Tâu : Bình dân
- Nimon : Đối với nhà sư
- Trong đơn } đối với nhà vua, quý-tộc, quan lớn
- Sdach đơn }

Về văn-tự, người Việt-gốc-Miên dùng nét chữ Ấn-Độ như người Thái, Lào, Miến-Điện nhưng khéo biến chế thành nét chữ riêng có tính-cách độc-lập của mình và có văn-phạm qui-dịnh rõ-rệt luật-lệ, mẹo mực hành văn.

Nguồn gốc chữ Miên do người Cao-Miên dùng chữ Sancrit (Bắc-Phạn) sáng chế ra, nguyên trước kia, các tu-sĩ Ấn-Độ phục-vụ trong các triều-đại vua chúa Cao-Miên thường khắc trên, những đền đài bằng chữ Sancrit, và đến thế-kỷ thứ 6, các nhà bác-học Cao-Miên lấy nét chữ này biến chế thành một thứ chữ riêng biệt cho Quốc-gia họ và tạo một văn-phạm riêng. Đến thế-kỷ 15, đạo-Phật truyền sang Cao-Miên bằng chữ Pali (Nam-Phạn), người Cao-Miên lấy

thêm danh-từ này áp-dụng và ngày nay dân Cao-Miên phong-phú hóa ngôn-ngữ của họ bằng cách dùng gốc chữ Pali.

Thoạt mới nhìn vào chữ Miên, nhiều người cho rằng rất khó học, tuy-nhiên đó là cái nhìn của kẻ bàng quang. Sự thực thì chữ Miên không khác tiếng Việt, về văn-phạm thì giống nhau, chỉ có ít điểm dị-đồng. Lối viết giữa hai nét chữ Miên và Việt khác nhau, nhưng Miên-ngữ cũng chia ra nguyên-âm, phụ-âm ghép vào nhau, cũng có phụ-âm kép, cũng có vần ngược, vần xuôi. Thế nên, muốn học chữ Miên không gặp sự khó-khăn nào đáng nói và trong thời Pháp thuộc, có nhiều người Việt chánh tông rất thông Miên-ngữ.

2)- Học-văn -

Theo cổ-tục, người Việt-gốc-Miên học chữ Miên trong Chùa. Chùa nào cũng có một vị sư chuyên dạy đứa trẻ thuộc bốn chùa. Trẻ em Việt-gốc-Miên đến Chùa, họ rất khó tiến bộ, lối học không lớp, mỗi vị sư chuyên dạy một nhóm trẻ và sách vở là loại lá thốt-nốt.

Trong thời Pháp-thuộc, chánh-quyền vẫn tôn-trọng trẻ em Việt-gốc-Miên học Miên-ngữ. Đồng thời, người Pháp còn giúp phương-tiện cho các chùa mở trường gọi là École rurale hoặc Ecole des Pagodes, trẻ em học những trường này muốn vào trường công vẫn được thu nhận dễ-dàng. Tuy-nhiên, những trường do người giúp-dỡ rất ít. Ngoài ra, tại các tỉnh Vĩnh-Bình, Sóc-Trăng, Bạc-Liêu, Rạch-Giá, Tri-Tôn (Châu-Độc) có lớp Miên-Pháp (Franco-Khmer) ở trường công, song song với lớp Việt-Pháp, từ vỡ lòng đến tiểu-học. Riêng tại Cần-Thơ có một trường Trung-học Phan-thanh-Giản dạy chương-trình Miên-Pháp.

Dưới thời Ngô-đình-Diệm, Chánh-Phủ bỏ các lớp Miên ngữ ở trường công, buộc trẻ em Việt-gốc-Miên học chương-trình Việt-ngữ. Tuy nhiên, một số trẻ em vẫn đến chùa học Miên-ngữ hầu sau này đi tu có thể học được Pali và đọc kinh-kệ.

Trong thời-kỳ của các Chánh-phủ Cách-mạng, quý-vị Đại-đức và thân-hào nhân-sĩ Việt-gốc-Miền thuộc các tỉnh miền Tây có thỉnh-nguyện Chánh-phủ mở chương-trình Miên-ngữ mỗi tuần vài giờ như chương-trình ngoại-ngữ, tại các trường công có đông con em Việt-gốc-Miền đến học. Tuy nhiên, thỉnh-nguyện đó cho đến ngày nay không được cứu xét.

Ngày nay, với chương-trình phát-triển văn-hóa, giáo-dục, với khuynh-hướng giáo-dục cộng-đồng, đồng-thời những lớp sơ-cấp có tận các thôn-ấp, nên trẻ em Việt-gốc-Miền đến học khá đông-đáo. Theo thống-kê của Tổng-Nhà đặc-trách phát-triển đồng-bào Việt-gốc-Miền thì số sinh-viên học-sinh tại các tỉnh như sau :

Danh-mục	<u>Bậc</u> Tiểu-Học	Bậc Trung-Học	Bậc Đại-Học
<u>Bậc Đại-Học</u>			
Đại-Học Cần-Thơ			25
Đại-Học Sài-gòn			16
<u>Bậc Trung-Học</u>			
Tỉnh Ba-Xuyên	13.858	1.428	
" Vĩnh-Bình	15.830	1.984	
" Kiên-Giang	2.720	369	
" Vĩnh-Long	454	58	
" Phong-Dinh	1.160	199	
" Chương-Thiện	500	47	
" Bạc-Liêu	5.883	422	
" An-Xuyên	347	97	
" Châu-Độc	2.936	205	
" Tây-Ninh	48	2	
<u>Tổng-cộng</u> ...	<u>43.736</u>	<u>4.811</u>	<u>41</u>

Đoạn II - Văn-Chương Bình-Dân

Đồng-bào Việt-gốc-Miền có một nền văn-chương bình-dân khá phong-phú, mặc dù nền văn-chương ấy không được bồi đắp từ mấy thế-kỷ nay. Chúng ta sẽ nghe thấy nền văn-

chương bình-dân ấy khi tiếp-xức cũng như khi nghe những điệu hò, câu hát qua những cuộc vui như Aday, Lò-khon, Cham-riêng, v.v...

1)- Cách-ngôn, tục-ngữ, ca-dao :

Về cách-ngôn, tục-ngữ, ca-dao của người Việt-gốc-Miền có những ý tứ khá sâu sắc. Cũng giống như tất cả các Quốc-gia trên thế-giới, lời nói, ý-nghĩ của họ đôi khi giống với sắc dân khác, nhiều câu của người Việt-gốc-Miền thoát nghe không khác của người Việt.

Trước đây, trong những bản văn viết trên lá thốt nốt (Satra), người Việt-gốc-Miền có những lời khuyên đời mà dưới đây là một thí-dụ điển-hình :

" Hỡi các con, các cháu, hãy nghe ta !

Người đứng đắn, người thông-minh thuộc giòng giống tốt, không tự kiêu, không huênh-hoang, không cứng đầu, không nói láo. Khi ra đường, người ấy đi như con rấn, đầu hơi nghiêng với một dáng điệu nhã nhặn, luôn luôn tỏ vẻ khiêm tốn như những người lương-thiện.

Người hèn hạ và ngu dốt thì tự cao, tự đại, dáng điệu ngông-nghênh, vung tay, múa chân như con bò cạp dọa kẹp người. Những người ấy không khác con vật nhỏ có bao nhiêu nọc độc, có bao nhiêu sức-lực, bao nhiêu trí óc đủ đưa chen với đời ! "

Nhiều câu ca dao rất được truyền-tụng như những lời khuyên dạy chí lý, chúng tôi phiên-dịch một số câu đại khác như sau :

- "Các con đừng bắt chước thói quen của con cạp, càng thấy càng thêm ăn"

- "Ruồi thích đậu chỗ dơ, người có bụng xấu thích giao-du với kẻ xấu"

- "Thú dữ, người ta có thể hàng phục được, con người hung dữ, ta phải tránh thật xa"

- "Đường mật ngọt và ngon nhưng không tồn tại. Lời dạy bảo hay còn ngon ngọt hơn đường mật, vì còn lưu lại đời này qua đời khác".

- "Đừng cãi vã với đàn bà, đừng buôn bán với chết, đừng kiện cáo với công-chức"

- "Muốn cưới vợ hiền, hãy xem bà già cô gái thì rõ"

- "Nhiều cá thì nước đục, nhiều tiền thì khổ tâm gìn-giữ".

Nhiều câu cách-ngôn rất được truyền tụng như sau:

- "Kom-tum mun sro-tol" : Đừng chín trước khi ngà (trái cây), ngụ ý : Học-hành chưa đến nơi đến chốn mà muốn làm to, cố nhiên không nên thân.

- "Anh-đát ót-sa-ân" : Lười không xương, ngụ ý : Lười không xương nói sao cũng được. Câu này giống câu : Lười không xương nhiều đường lác léo.

- "Khmêng ang yum, chas ang slap" : con nít ý khóc, già ý chết, ngụ ý : Con nít hay khóc để vôi vĩnh, người già liệu mạng khi đòi nợ kia.

- "Thốt away nưng đay, thlay away nưng mót" : rẻ gì ở tay, mắc gì ở miệng, ngụ ý : khuyên nên lễ phép đối với người trên, chấp tay vái lạy, mở miệng chào hỏi không mất gì mà được người thương.

- "Tót tốt pênh bonpong" : tương tự câu "Nước chảy đá mòn, có chí thì nên"

- "Mô-nus dốt som-đây, đom-rây dốt phluk" : người lấy lời nói, con voi lấy ngà, ngụ ý : giá trị con người

ở lời nói, cũng như con voi có cái ngà. Lời nói của người còn vĩnh viễn như con voi khi chết để ngà.

- "Quây tức bon-ol trây" : đập nước nhất cá, tương tự câu "rung cây nhất khí".

Trên đây chỉ là một số câu cách-ngôn, ca-dao, tục ngữ trong nền văn-chương bình-dân.

2) - Thơ phú và truyện truyền-kỳ dân gian -

Xưa kia và trong thời Pháp-thuộc, thơ phú và truyện truyền-kỳ rất được truyền tụng trong dân gian. Quý vị sư-sãi đóng vai trò chính yếu, trong việc truyền-tụng này. Quý nhà sư dạy trẻ em Việt-gốc-Miền bằng lối đặt thơ phú viết trên lá thốt-nốt, các trẻ học chữ bằng cách đọc những loại thơ này. Thông thường những thơ phú này là loại khuyên-dời. Các trẻ em Việt gốc-Miền, khi tụ năm, tụ bảy đọc thơ này nghe rất êm tai vì loại thơ có thể như sau : Prum-Ma-Kith (ngũ-lục), Karkatés (tứ ngôn) Phu-chong-Eiléa (Lục-song-tứ), Prun-ma-nôl (Lục-tứ-lục), v.v...

Ngày nay, quý nhà sư dường như không còn đặt loại thơ này nữa và loại lá thốt-nốt không còn sử-dụng. Một số thơ hay có ý khuyên nhủ người đời đã được sưu-tầm và in thành sách.

Thế-thơ Prum-ma-Kith là loại thơ dùng để khuyên nhủ người đời, khuyên răn con cháu. Dưới đây là 1 bài thơ thế Prum-ma-Kith với nhan đề "Cha khuyên con" :

"Koi ol ba kom thloy,
Kom thlop oy ạp kê yôs,
Thome-đa kết chea prôs
Oy riên ok chbáp mētra,
Lôs tha hao chkuôt bãy,
Chkuôt lô-beng phéa léa,
Leng pô bea thua Kâm tát"

Nhà giáo Kim-Rèm kiêm thi-sĩ đã sưu-tập nhiều thơ Miên đã phóng tác bài thơ trên như sau :

"Này con, con chớ xem thường,
Chớ nên kết bạn những phường hư-thân
Làm trai đứng ở cõi trần
Đồi mài kinh-sử tu thân mới là,
Chữ rằng tòi bại tại ba(2)
Một là sắc-dục, hai là say-sưa,
Ba là bài bạc hơn thua,
Những ngàn ấy thói con chùa từ đây"

Về truyện truyền-kỳ dân gian thì dân giới người Việt-gốc-Miên có rất nhiều truyện truyền-kỳ xây dựng trên nền-tảng triết lý dạy đời, lồng trong cốt truyện thần-thoại bình dân.

Vì chịu ảnh-hưởng sâu xa nền văn-minh Ấn-Độ từ Bà-La-Môn giáo đến Phật-giáo, nên những truyện truyền-kỳ trong giới người Việt-gốc-Miên được chia làm 3 loại :

- Ảnh-hưởng Bà-La-Môn, chú trọng đến thần huyền, khuyến nên trung-thành với vua chúa, hy-sinh chớ những người giữ vận-mệnh Quốc-Gia.

- Ảnh-hưởng của Phật-giáo, chú trọng luật Nhân-quả của nhà Phật, về kiếp Luân-hồi của con người.

- Bình-dân, ghi lại những sự thực đã xảy ra trong thực-tế, được thêm thắt và truyền-tụng từ người này sang người khác.

Đặc-biệt nhất trong phạm-vi truyện bình-dân, người ta nhận thấy có một truyện giống hệt truyện Việt-Nam mà người Việt gốc-Miên gọi là truyện Công-Thmênh-Chey. Nói đến thằng Chey thì người Việt-gốc-Miên nào cũng biết, cũng như người Việt nói đến Công-Quỳnh. Theo chúng tôi biết thì chuyện Công-Thmênh-Chey đã xảy ra cách đây khoảng vài thế-kỷ.

(2) Ba : trai-gái, say-sưa, bài bạc.

Ngoài ra, còn một truyện đường như hoàn toàn của người Việt được kể lại trong giới người Việt-gốc-Miền và biến thành truyện của họ, như truyện Thạch-Sanh chém chàng, truyện con Tấm, con Cám, Trần-Minh đóng khổ chuối, v.v...

Những câu ca-dao, cách-ngôn, tục-ngữ và truyện truyền kỳ thường được người Việt-gốc-Miền phổ nhạc và dùng trong cuộc hò hát đối đáp khi có những cuộc vui, với sự phụ-họa bằng trống nhạc.

M U C I I

ÂM-NHẠC - MỸ-THUẬT

Tại các tỉnh miền Tây, nhất là tại các ngôi chùa, khi có dịp lễ-lộc theo phong-tục, thanh-thiếu-niên Việt-gốc-Miền thường tổ-chức ca-hạt vui-vẻ, với những nhạc-khí cổ-truyền, lòng trong những ngôi chùa cổ-kính với những nét vẽ, điêu-khắc, chạm trổ đặc sắc.

Đoạn I - Âm-Nhạc - Nhạc-khí

1)- Âm-Nhạc - Nhạc-Khí

Đồng-bào Việt gốc Miền rất thích âm-nhạc. Thông-thường, họ dùng nhạc khí cổ-diễn mà chúng ta thường nghe thấy tại các cuộc lễ và trên làn sóng phát-thanh Miền-ngữ Cần-Thơ ; đó là loại âm-nhạc Phlêng-Kiêm (Ngũ-âm), Phlêng-Khxe, v.v...

Dàn nhạc ngũ-âm không phải do năm(5) âm-thanh hợp lại mà gồm những nhạc-khí như sau :

- Sralay, một ống sáo bằng gỗ gọi là nhạc-khí chánh của dàn ngũ-âm, do một người thổi là trưởng dàn nhạc. Sralay thường có giọng cao vút.

- Samphô, một cái trống nhỏ vỗ bằng hai tay, giọng thanh-cao.

- Skor-thum, hai trống lớn, giọng trầm, đánh bằng dùi.

- Rôniết-êk, một cái đàn làm bằng nhiều thanh-tre ghép lại, đánh bằng 2 cây vỗ nhỏ bằng cây, với giọng trầm.

- Rôniết-thung, một cái đàn làm giống Rôniết-êk, nhưng bằng thanh gỗ ghép lại, giọng thấp hơn.

- Rôniết-dêk, một cái đàn làm giống Rôniết-êk, nhưng bằng thanh sắt, giọng lanh lảnh.

- Kon -thum, là một loại nhạc khí hình chĩnh nhỏ bằng đồng, xếp hình bán nguyệt, giọng thanh dịu.

- Kong-tuóch, giống Kong-thum, nhưng nhỏ hơn và có giọng trầm hơn. Hai loại nhạc-khí này đánh bằng 2 cái vỗ nhỏ bằng gỗ.

- Một đôi thanh tre gõ nhịp.

Dàn nhạc ngũ-âm thường không có tính cách phổ-thông như các nhạc khí khác. Thông-thường do các chùa mua sắm, đôi khi một hoặc hai chùa mới có một dàn nhạc này.

Ngoài nhạc Phlêng-Kiêm cổ-diễn, kể trên, người Việt-gốc-Miền còn có loại nhạc cổ-diễn nữa, đó là Phlêng-Khxe (nhạc giây). Loại nhạc này có âm-điệu tùy theo người sử-dụng cũng như giọng hát mà có âm-thanh cao thấp trầm, thanh. Nhạc-khí này gồm có :

- Khlôi, ống sáo bằng trúc.

- Trô, cây đàn gáo làm bằng gáo dừa khô, giây bằng sắt, giống như đàn cò.

- Trô-chxê, cây đàn làm bằng ống tre, giây sắt, cũng giống như đàn cò.

- Cha-pây, giống như đàn kìm, thùng đàn bằng gỗ nguyên, cần dài, có 3 sợi dây.

- Kham, có 36 giây, gõ bằng 2 miếng tre vót mỏng, đàn này giống đàn tam-thập-lục của người Tàu.

- Sam-phô, trống nhỏ, mình trống làm bằng đất nung, chỉ bít một đầu bằng da trăn, vỗ bằng tay.

- Krap, bộ đồ gõ nhịp, bằng gỗ hoặc thanh tre.

Các loại nhạc giầy kể trên thường không tốn kém trong việc mua sắm, cho nên trong những gia-đình người Việt-gốc-Miền thích nhạc thường có loại nhạc-khí này. Hơn nữa, nhạc-khí này thường chơi riêng rẽ, không như dàn nhạc ngũ-âm luôn luôn phải có đủ bộ mới kết cấu âm-diệu được.

Các loại nhạc giầy thường được sử-dụng trong dịp đình đám, trong cuộc vui, v.v... Riêng nhạc ngũ-âm thường sử-dụng khi có dịp lễ trong chùa chiền với tính-cách tôn-giáo.

Hiện nay, các thanh-thiếu-niên Việt-gốc-Miền thường sử-dụng nhạc-khí Tây-Phương. Nhưng không phải vì thế mà bỏ quên nhạc-khí cổ-diễn.

2)- Ca, Hát, Vũ -

Với những loại nhạc-khí kể trên, thanh-thiếu-niên Việt-gốc-Miền thường sinh-hoạt trong bốn loại hát bình-dân, như Aday, BropCây, Châm-Riêng và Lo-Khôn.

- Aday, là một loại hát hò thích-hợp nhất đối với thanh-thiếu-niên mà không bị cho là quá cổ-diễn. Lời hát này thường dành cho một đôi trai gái thách đố nhau bằng những lời thơ đối đáp, có nhạc đệm. Người đáp phải dùng lời thơ đối đáp, có nhạc đệm. Người đáp phải dùng lời thơ đúng mẹo mực như người hỏi. Những người hát lời này phải là một tay giỏi, nếu không thì sẽ bị lúng-túng trước những câu thơ chất vấn và khán-giả sẽ chê bai.

- Brop-Cây, đây là một loại hát hò có tính-cách phổ thông. Lối hát này tương-tự như lối hát Aday, tuy nhiên lối này có thể dành cho nhiều đôi trai gái hoặc nhiều thanh-niên mà trong đám có người đóng vai gái, lối hát này chỉ có tiếng trống đệm là đủ.

Cũng nên nhắc lại là hai loại hát trên, người hát phải thực-hiện luôn cả động-tác nhảy, động-tác này phải đúng nhịp với nhạc đệm hoặc trống đệm.

- Châm-riêng, là một lối hát kể chuyện bằng những câu thơ, với nhạc đệm bằng đàn kìm(Chá-pây), lối hát này không có tính-cách phổ-thông, thường dành cho những người lớn tuổi, học rộng, nhớ dai và đàn giỏi.

- Lo-Khon, là lối hát cải-lương, người Việt-gốc-Miền thường gọi là dù-khe. Trước năm 1963, Lo-Khon rất còn thịnh-hành, thông thường thì vài xóm người Việt-gốc-Miền có một đoàn Lo-Khon, và có hai đoàn nổi tiếng nhất là Tự-Lập-Ban và Võ-Lập-Thành. Tuồng hát thường là những tích xưa trong Anh-hùng-ca Ấn-độ hoặc sử-tích vua chúa Cao-Miền. Ngày nay, Lo-Khon dường như tan rã.

Ngoài 4 loại hát bình-dân kể trên, người Việt-gốc-Miền còn thích-nhất là Vũ-Lâm-Thôn. Loại vũ này rất giản-di, một trai, một gái vờn nhau theo nhịp đàn hoặc trống, đôi tay uốn éo, nhưng không va-chạm vào nhau. Vũ-Lâm-Thôn có thể có nhiều đôi nhảy cùng được, đôi khi người nhảy không phải hát, mà do một người ở ngoài hát và người nhảy cứ theo tiếng trống hoặc nhạc. Lúc nhảy, những người ngồi xung-quanh khi có một người đang nhảy cúi đầu chào thì buộc phải đứng lên nhảy với họ. Lối nhảy này, tuy có tính cách âu-yếm giữa đôi trai, gái, nhưng rất trong sạch vì họ không bao giờ va chạm với nhau, điều mà người Việt-gốc-Miền không ưa thích.

Đoạn II - Mỹ-Thuật

Về mỹ-nghệ, người Việt-gốc-Miền chịu ảnh-hưởng dân Kampuchea, nên có một bản sắc riêng trong khung-cảnh xã-hội

Việt-Nam. Ngày nay, ngành mỹ-nghệ của họ ít phát-triển vì sự liên-lạc với dân Kampuchea khó khăn, nên họ không thể học-hỏi được nhiều những sự tiến-triển về mỹ-nghệ của thời-dại. Nhưng vì sự chung-dụng trong xã-hội, ngành mỹ-nghệ của người Việt-gốc-Miên đôi khi pha lẫn những nét của người Việt hoặc người Tàu, lại thêm phần khác lạ hơn.

Dù chúng ta không biết gì về xứ Kampuchea, nhưng khi thoát nhìn một số sản-phẩm nghệ-thuật của người Việt-gốc-Miên, chúng ta có thể liên tưởng được phần nào nghệ-thuật của xứ này, nhất là ngành Kiến-trúc và điêu-khắc.

Tất cả những ngôi chùa ở các tỉnh miền Tây đều có hình dáng, những nét điêu-khắc, chạm trổ tương-tự các ngôi chùa ở Kampuchea.

Khi bước vào những ngôi chùa của người Việt-gốc-Miên chúng ta sẽ thấy các hình chạm nổi hoặc chìm, hình rồng-phượng, v.v... Đôi khi có những ngôi chùa mà cửa ra vào có 3 ngọn tháp rất đẹp ; đó là nét điêu-khắc của ngọn tháp Đế-Thiên, Đế-Thích, Ba ngọn tháp này là tượng-trưng cho 3 ngọn tháp ở Angkor-Vat, một di-tích lịch-sử thời văn-minh cực-thịnh của Kumer-Angkor. Và ngày nay những đền đài cùng nét điêu-khắc vĩ-dại ấy đã trở thành một kỳ-quan thứ 7 của thế-giới.

Các sinh-hoạt nêu trên của đồng-bào Việt-gốc-Miên, nhằm thỏa-mãn nhu-cầu tín-ngưỡng cùng những tập-tục cổ-truyền của họ.

Mục III

NHẬN XÉT VÀ ĐỀ NGHỊ VỀ SINH-HOẠT CỦA ĐỒNG BÀO VIỆT GỐC MIÊN

Đoạn I - Sinh-hoạt xã-hội

1)- Cần xóa bỏ mê-tín di-đoạn -

Ngày nay trong giới đồng bào Việt-gốc-Miên đã có sự tiến-triển nhiều, nhưng không phải vì thế mà đã loại

được lòng mê-tín dị-đoan. Một số người vẫn còn tin-tưởng rằng Ông Tà (Neak-Ta) có thể làm cho con người trở nên bệnh hoạn như đau bụng, nhức đầu, nóng lạnh, v.v...

Song song với sự tin-tưởng nơi Ông Tà, đồng-bào Việt-gốc-Miền còn tin-tưởng ở ma-quí và bùa ngải. Vì họ tin-tưởng rằng ma quỉ có thể hiện-hình vạn trạng và có thể làm cho con người trở nên bệnh hoạn chết-chóc. Vì mê-tín dị-đoan, như thế, cho nên mỗi khi mang bệnh họ lại nhờ đến thầy bùa, thầy pháp, cúng kiến, trừ ếm tà-ma mà không hề nghĩ đến y-sĩ, thuốc-men.

Sự mê-tín dị-đoan trên là một điều nguy-hại cho cuộc sinh-hoạt trong xã-hội, đồng thời có thể làm chết người một cách phi-lý..

Để xóa tan lòng mê-tín dị-đoan trong giới đồng-bào Việt-gốc-Miền, ngoài phương-tiện của Chính-Phủ đã tuyên-truyền về y-tế, giáo-duc, các cơ-quan tôn-giáo của đồng-bào Việt-gốc-Miền cần phải giữ vai trò chính-yếu trong công-cuộc bài-trừ này. Đó là vai-trò của các cấp lãnh-đạo của Giáo-Hội Phật-Giáo, vì triết-lý nhà Phật không hề nói đến tà-ma. Do đó, các cấp lãnh-đạo trong hệ-thống Giáo-hội cần phải tuyên-truyền sâu rộng trong giới đồng-bào Phật-tử. Các tu-sĩ cần giải-tai những điều tai-hại do lòng mê-tín dị-đoan gây nên. Đồng thời, cần phải giải-thích cho họ biết những điều phi-lý như cúng kiến tà-ma, rước thầy bùa, thầy pháp và phải hướng dẫn họ nên trị-liệu thuốc men, tìm đến y-sĩ khi mang bệnh.

Sở dĩ, quý-vị lãnh-đạo Tôn-giáo giữ vai trò chính trong việc bài-trừ mê-tín dị-đoan, là vì tín-đồ Phật-Tử rất tin-tưởng cũng như thường tiếp-xúc với quý-vị này.

Ngoài ra, đài phát-thanh Cần-Thơ ban Miền-ngũ cũng là một phương-tiện quan-trọng trong công-cuộc bài-trừ mê-tín dị-đoan. Đài này cần phải có những mục xen kẽ trong chương-trình phát thanh của mình với những câu chuyện châm biếm về họa mê-tín dị-đoan và hướng dẫn họ cách sử-dụng thuốc-men, tìm y-sĩ chữa trị một khi chẳng may mang bệnh.

2)- Duy-trì và phát-huy mỹ-tục -

Người ta nhận thấy rằng trong các tập-tục cổ-truyền của đồng bào Việt-gốc-Miền không có sự khác biệt nhiều với phong-tục tập-quán của người Việt. Dù có khác chăng nữa thì chỉ khác về phương-diện nghi-thức, thời-gian tính mà thôi. Chẳng hạn như lễ Chôl-Chnăm-Thmây, mặc dù ngày tháng vào năm mới, các nghi-thức khác nhau, nhưng có những mục-tiêu khác lại giống nhau, như họ quan-niệm rằng lễ đầu năm là một dịp rửa sạch bợn nhơ năm cũ hầu bước qua năm mới vui tươi thịnh-vượng hơn. Trong những ngày đầu năm, họ tránh giết hại mọi vật, không mua bán, tránh cãi cọ, gây gỗ, đánh lộn, chưởi rủa, không nặng lời người giúp việc hoặc người dưới tay mình hầu hy-vọng được hưởng điều vui-vẻ suốt năm. Cũng như về lễ Đôn-Ta thì đối với người Việt là lễ Vu-Lan. Lễ này hoàn toàn giống tập-tục của người Việt, chỉ khác về ngày, tháng và sử-tích mà thôi. Ngoài ra, những tập-tục khác cũng có những nghi-thức tương-tự với phong-tục của người Việt như Hôn-lễ. Nhưng riêng về tang-lễ của đồng-bào Việt-gốc-Miền hoàn toàn khác biệt với phong-tục của người Tàu, người Việt, tang lễ của họ hoàn-toàn theo phong-tục Phật-giáo ngành Tiểu-thừa.

Xét chung, người ta nhận thấy rằng phong-tục tập-quán của đồng-bào Việt-gốc-Miền do ảnh-hưởng hỗn-hợp, một phần của Bà-La-Môn-giáo, nhiều nhất là Phật-Giáo, cũng như do sự xây-dựng của các vua chúa trước kia mà ngày nay họ vẫn tôn-sùng.

Do những nhận xét sơ-lược trên, người ta nhận thấy rằng tập-tục cổ-truyền của đồng-bào Việt gốc Miên được coi là thuận-phong mỹ-tục của họ và không làm phương-hại đến thuận-phong mỹ-tục của Quốc-gia. Thế nên, những tập-tục đó cần phải được người Việt-gốc-Miền duy-trì và phát-huy. Sự-kiện này đã được điều 9 Hiến-Pháp ngày 1-4-1967 ghi nhận. Theo điều 9 Hiến-pháp ghi như sau :

"1)- Quốc-gia, tôn-trọng và bảo-vệ quyền tự-do tín-ngưỡng, tự-do truyền giáo và hành-đạo của mọi công-dân miên là không xâm-phạm đến quyền-lợi Quốc-gia, không phương-hại

đến an-ninh trật-tự công-cộng và không trái với thuận-phong mỹ-tục.

2)- Quốc-gia không thừa nhận một tôn-giáo nào là quốc-giáo, Quốc-gia vô-tư đối với sự phát-triển của các tôn-giáo."

Đoạn II - Tôn-giáo - Văn-hóa Giáo-dục

Nhìn vào hệ-thống Giáo-Hội Phật-giáo Việt-gốc-Miền người ta phải công-nhận rằng hệ-thống Giáo-hội này đã duy-nhất hóa cơ-cấu của mình, từ các nghi-thức tu-hành cũng như hệ-thống lãnh-đạo. Mặc dù vậy, trong những năm gần đây, Phật-giáo của đồng-bào Việt-gốc-Miền có sự sút mẻ đôi chút, nhưng đó dường như là do một lý-do chính-trị có tính-cách giao thời, không có những trở-ngại lớn lao. Những sự kiện trên đây, có thể là đặc-điểm của ngành Phật-giáo nguyên-thủy.

Trong khi đó thì Phật-giáo Bắc-Tông lại chia ra nhiều tông-phái khác nhau, mỗi tông-phái lại có lễ-lối hành đạo, giáo-hội và các cấp lãnh-đạo riêng biệt. Do đó, sự thống-nhất Giáo-Hội Phật-Giáo ngành Đại-thừa Việt-Nam khó mà thực-hiện được. Sự kiện này đã được chứng-minh vào năm 1964, sau ngày Cách-mạng với một tinh-thần phấn-khởi, nhưng các cấp lãnh-đạo mỗi tông-phái chỉ chấp-nhận thống-nhất trên phương-diện tinh-thần mà thôi.

Giáo-Hội Phật-giáo Việt-gốc-Miền tuy đã có cơ-cấu tổ-chức, các cấp lãnh-đạo duy-nhất, nhưng chưa có đủ phương tiện cũng như sáng-kiến trong công-cuộc phát-triển đạo-giáo theo đà tiến-hóa của xã-hội.

Theo sự nhận xét của chúng tôi thì các cấp lãnh-đạo Phật-giáo của Đồng-bào Việt-gốc-Miền thường đặt nặng công-việc tu đạo và trồng cây hoàn toàn vào sự góp công góp của, của tín-đồ trong công-cuộc phát-triển cơ-sở tôn-giáo cũng như trong việc hành đạo. Trong khi đó thì quý-vị này dường như quên lãng vai trò hướng dẫn và phục-vụ tín-đồ Phật-tử,

trong mọi sinh-hoạt hầu tiến triển theo đà tiến-hóa của xã-hội. Vai trò đó là vai-trò phát-triển văn-hóa, giáo-dục, từ-thiện song song với công-cuộc phát huy đạo-pháp mà tôn-giáo có thể tham-gia và thực-hiện. Nếu so với Thiên-chúa-giáo, vai trò này đã được quý-vị lãnh-đạo Giáo-hội Thiên-Chúa, Tin-Lành thực-hiện một cách chu-toàn.

Vì thế, theo thiên-kiến của chúng tôi thì quý-vị lãnh-đạo Giáo-hội Phật-giáo Việt-gốc-Miền nên dẫn thân vào sinh-hoạt xã-hội hầu hướng dẫn tín-đồ Phật-tử, nhất là về phương-diện Văn-hóa, giáo-dục.

Sở dĩ các cấp lãnh-đạo Giáo-hội cần phải tích-cực trong việc phát-triển văn-hóa, giáo-dục là vì đồng bào Việt gốc-Miền hiện còn đang ở trong tình-trạng văn-hóa kém cỏi mà Quốc-gia thì không thể nào chỉ nhăm một tập-thể mà phục-vụ được, Quốc-gia chỉ có thể hỗ-trợ cũng như giúp đỡ đến giai-đoạn nào đó mà thôi.

Để thực-hiện vấn-đề này, chúng tôi nghĩ rằng, mỗi chùa tại các tỉnh có đồng người Việt-gốc-Miền nên xây cất một ngôi trường Tiểu-học, còn giáo-viên thì yêu-cầu chính-phủ bổ-nhiệm. Điều này có lẽ thích-hợp với chủ-trương thiết lập các trường tổng-hợp của Chính-Phủ. Về giảng-huấn, song song với chương-trình của Bộ Giáo-Dục, Giáo-Hội có thể yêu cầu Chính-Phủ cho phép dạy 4 giờ Miên-ngữ do một giáo-viên người Việt-gốc-Miền thực-hiện kèm với chương-trình đã được ấn-định. Riêng tại chùa ở Tỉnh-ly thì Giáo-hội nên mở một trường Trung-học với tư-cách bán công, công việc quản-trị hoàn toàn do Giáo-hội đảm trách, tuy nhiên, Giáo-hội có thể nhờ Chánh-Phủ hỗ-trợ một số phương-tiện như giáo-sư, bàn ghế, vật-dụng, v.v... Ở các trường này, Giáo-hội có thể yêu cầu Chính-phủ cho phép dạy 6 giờ Miên-ngữ song song với Anh hoặc Pháp-ngữ kèm theo chương-trình của Bộ Giáo-dục.

Vấn đề nêu trên, chúng tôi nghĩ rằng có thể thực-hiện được và vai trò chính là do các cấp lãnh-đạo trong Giáo-Hội Phật-giáo của đồng-bào Việt-gốc-Miền thực-hiện.

Khi nói đến vai-trò của Giáo-Hội trong công-cuộc phát-triển Văn-hóa, giáo-dục, lẽ đương-nhiên Giáo-Hội cần

phải duy-trì và phát-huy nền văn-học bình-dân cổ-truyền của người Việt-gốc-Miền. Nền văn-học bình-dân ấy, chẳng những phải được duy-trì mà cần phải phổ biến sâu rộng trong các giới đồng-bào Việt-gốc-Miền, nó đã chứa đựng nhiều ý-tứ dồi dào mà ngày nay vẫn còn giá-trị.



PHẦN THỨ HAI

**VAI-TRÒ NGƯỜI VIỆT-GỐC-MIÊN
TRONG CỘNG-ĐỒNG QUỐC-GIA**

Với tính-cách công-dân của một Quốc-Gia, người Việt-gốc-Miền, xưa nay, lúc nào cũng tham-gia vào mọi hoạt-động công-cộng trong xã-hội Việt-Nam. Mặc dù vai trò tham-gia của họ với tư-thế nhỏ bé, trong những phạm-vi nhỏ hẹp.

Nếu so với người Việt-gốc-Hoa thì trước kia người Hoa-Kiều chỉ tham-gia hoạt-động vào các cơ-sở thương-mại, kỹ-nghệ với những lợi-ích riêng tư nằm trong tư-thế Quốc-tịch Trung-Hoa của họ. Trong khi đó, người Việt-gốc-Miền lại khác hẳn, với tư-cách dân-tộc bản-xứ, tư-cách công-dân của Quốc-gia nên họ đã từng tham-gia vào mọi hoạt-động công-ích.

Hàng mấy thế-kỷ nay, đồng-bào Việt-gốc-Miền đã tích-cực trong công-cuộc phát-triển nông-nghiệp. Họ đã chịu vất-vả trong công-cuộc khai khẩn đất đai trồng cây, nên nghề này đã ăn sâu vào bản chất của họ. Ngoài ra, họ còn tích-cực đóng góp vào những hoạt-động khác như Quân-Đội, Hành-chánh, Giáo-dục, v.v...

Để biết vai trò tham-gia của người Việt-gốc-Miền vào những hoạt-động công-cộng, chúng tôi sẽ trình bày phần này thành 2 Chương :

- Chương I - Sự tham-gia của người Việt-gốc-Miền trong guồng máy Quốc-gia và công-cuộc phát-triển Quốc-gia.
- Chương II - Chính-sách của Chánh-Phủ đối với đồng-bào Việt-gốc-Miền và một vài nhận xét, đề-nghị.

CHƯƠNG I

SỰ THAM-GIA
CỦA NGƯỜI VIỆT-GỐC-MIÊN
TRONG GUỒNG MÁY QUỐC-GIA VÀ
CÔNG-CUỘC PHÁT-TRIỂN QUỐC-GIA

M U C I

SỰ THAM-GIA CỦA NGƯỜI VIỆT TRONG GUỒNG MÁY QUỐC-GIA
VÀ PHÁT-TRIỂN KINH-TẾ QUỐC-GIA

Trong thời-kỳ Pháp-thuộc, người Việt gốc Miên đã từng tham-gia trong guồng máy Quốc-gia, nhất là trong Quân-lực, Hành-chánh, chính-trị, giáo-dục, v.v...

Đoạn I - Sự tham-gia của người Việt gốc-Miên vào các Quân-Binh-chúng và các cơ-sở hành-chánh, giáo-dục.

Sau Hiệp-định Genève năm 1954, tất-cả quân-nhân người Việt-gốc-Miên, một số giải-ngũ trở về quê hoạt-động nông-nghiệp hoặc các nghề khác, đa số còn phục-vụ trong Quân-Lực Việt-Nam Cộng-Hòa. Tuy nhiên, trong thời Pháp-thuộc cũng như sau khi chuyển thành Quân-Lực Việt-Nam Cộng-Hòa, binh-lính người Việt-gốc-Miên thường chỉ mang những cấp bậc nhỏ bé.

Cũng trong thời chuyển tiếp này, một số người Việt-gốc-Miên được Pháp đào-tạo để phục-vụ cho họ, qua các trường sở như Miên-Pháp, Việt-Pháp cũng được tiếp-tục làm việc tại các cơ-sở hành-chánh và giáo-dục. Tuy nhiên, những người này chẳng là bao, nhiều nhất là các tỉnh Sóc-Trăng, Vĩnh-Bình.

Trong thời-kỳ nắm quyền của Tổng-Thống Ngô-đình-Diệm, với luật Động-Viên, người Việt-gốc-Miên vẫn tham-gia rất tích-cực. Một số người sau thời-gian quân-dịch 12 hoặc 16 tháng được trở về quê-quán, một số khác đã gia-nhập Quân-lực và ở luôn cho đến nay.

Đến năm 1968, tình-hình chiến-tranh càng ngày càng leo thang và sau khi có Luật Tổng-Dộng-Viên, người Việt-gốc-Miền gia nhập vào Quân-lực Việt-Nam Cộng-Hòa rất đông đảo. Có thể nói rằng, binh-chủng nào cũng có sự tham-gia của người Việt-gốc-Miền, nhiều nhất là địa-phương-quân, nghĩa-quân ở các tỉnh như Ba-Kiên, Vĩnh-Bình, Kiên-Giang, Bạc-Liêu, Chương-thiện, v.v... Sau đó là các binh-chủng bộ-binh. Binh-lính người Việt-gốc-Miền cũng đã và đang tạo những chiến-công hiển-hách trong các mặt-trận, nhất là Sĩ-quan người Việt-gốc-Miền thường là những người gan dạ khi có trận chiến. Tuy nhiên số Sĩ-quan người Việt-gốc-Miền trong Quân-lực rất ít.

Sau những ngày Cách-mạng, Chánh-phủ đã nâng đỡ phần nào đối với người Việt-gốc-Miền, trong đó có việc đặc-cách cho người Việt-gốc-Miền được học các khóa Sĩ-quan, Hạ-sĩ-quan với bằng cấp Trung-học Đệ-nhất-cấp, Tiểu-học thay vì Tú-Tài phần nhất và Trung-học. Cũng vì thế mà nâng số Sĩ-quan người Việt-gốc-Miền khá hơn, tuy nhiên cho đến ngày nay cấp bậc cao nhất của Sĩ-quan người Việt-gốc-Miền chỉ là cấp Tá mà thôi.

Riêng về hành-chánh, giáo-dục, cũng sau thời-kỳ Cách-mạng, Chánh-phủ đã đặc-biệt nâng đỡ các Sinh-viên, học-sinh Việt-gốc-Miền được dễ dãi dự thi vào các trường chuyên-nghiệp như Học-viện Quốc-Gia Hành-Chánh, các trường Sư-phạm đào-tạo giáo-chức, v.v... Tuy nhiên, những người này rất ít, nhưng dù sao cũng đã nâng số người Việt gốc Miền tham-gia vào các cơ-sở hành-chánh, giáo-dục nhiều hơn trước.

Đoạn II - Sự tham-gia của người Việt-gốc-Miền vào tổ-chức hành-chánh địa-phương và sự sinh-hoạt chính-trị.

Từ xưa nay, người Việt-gốc-Miền thường sợ sệt khi nghe nói đến vấn-đề đảng-phái chính-trị. Với trình-độ văn-hóa và sự hiểu biết còn kém cỏi, nên họ không có một tổ-chức đảng-phái nào riêng biệt. Có chăng là do cá-nhân tham gia các đảng chính-trị trong Quốc-Gia.

Trước đây, ở các tỉnh biên-giới như Hà-Tiên, Châu-Đốc có một lực-lượng khản trắng thường gọi là đảng KKK (Khmer-Kampuchea-Krom) do theo lời xúi dục của Thái-Tử Sihanouk và sự hỗ-trợ của ông ta. Lực-lượng này thường đánh phá và quấy rối trong vùng. Nhưng nhóm này chỉ hoạt-động với tính-cách phá rối và ngày nay, lực-lượng khản-trắng không còn nữa. Một số đã qui-phục và trở thành Quân-Lực Việt-Nam Cộng-Hòa và số khác chạy qua biên-giới Kampuchea.

Riêng về việc tham-gia vào các tổ-chức hành-chánh địa-phương thì trong thời Pháp-thuộc cũng như trước ngày Cách-mạng rất ít người được tham-gia vào tổ-chức này. Có lẽ vì người Việt-gốc-Miền, lúc bấy giờ chưa am-tường về thể-chế dân-chủ về việc bầu-cử, ứng-cử nên ngay cả Hội-đồng Xã, Ấp cũng ít người tham-gia. Hơn nữa, vì tính-cách dân-chủ trong thời trước ngày Cách-mạng còn quá nhiều giới-hạn nên người Việt-gốc-Miền không thể nào tham-gia một cách đặc-lực và hăng-hái được.

Sau ngày Cách-mạng, chiến-tranh càng ngày càng gia-tăng nên những người sống trong nông-thôn dù khổ-sở, nhưng dường như lạnh-lẽ và tháo vát hơn. Đồng thời trong những thời-gian đó có nhiều cuộc bầu-cử, ứng-cử thường xảy ra, song song với tình-trạng dân-chủ được mở rộng và sáng sủa hơn nên người Việt-gốc-Miền tham-gia vào các tổ-chức hành-chánh địa-phương càng gia tăng. Tại các tỉnh miền Tây như Vĩnh-Bình, Sóc-Trang, Bạc-Liêu, Kiên-Giang, người Việt-gốc-Miền tham-gia vào tổ-chức hành-chánh Xã, Ấp, Tỉnh rất đông.

Nếu so với thời Đệ Nhất Cộng-Hòa thì người ta nhận rõ ràng, ngày nay người Việt-gốc-Miền rất sốt sắng tham-gia vào cơ-chế dân-chủ của Quốc-Gia. Điều này đã chứng tỏ rằng, người Việt gốc-Miền lúc nào cũng muốn tạo dựng và phát-triển Quốc-gia.

Ngoài sự tham-gia vào các tổ-chức cơ-chế dân-chủ tại địa-phương, người Việt-gốc-Miền còn tham-gia vào cơ-cấu tổ-chức nền dân-chủ tại Trung-Ương.

Thực vậy, để mọi thành-phần dân-chúng có thể tham gia vào tổ-chức cơ-chế dân-chủ, nên năm 1966, một nhân-sĩ Việt-gốc-Miền là Ông Sơn-thái-Nguyên được mời tham-dự vào Hội-Đồng Dân-Quân.

Và sau khi phong-trào tranh-đấu đòi hỏi, phải có chính-quyền dân-sự, phải bầu cử Quốc-Hội Lập Hiến, được chấp thuận thì trong cuộc bầu-cử Quốc-Hội Lập Hiến, người Việt gốc Miền được đặc biệt dành 4 ghế trong Quốc-Hội này. Những người đầu tiên tham-gia vào cơ-chế này, gồm các Ông :

- Ông Danh-Thu, Kiên-Giang
- Ông Sơn-Thi , Ba-Auyen
- Ông Thạch-Sung, Châu-Đốc
- Ông Kiên-Sốt, Vĩnh-Bình

Sau khi Hiến-Pháp đã được soạn thảo và ban-hành, Quốc-Hội Lập-Hiến đã chấm dứt nhiệm-kỳ, công cuộc bầu-cử Quốc-Hội Lập-Pháp nhiệm-kỳ thứ nhất được tổ-chức. Trong kỳ bầu-cử Quốc-Hội Lập-Pháp này, người Việt-gốc-Miền được đặc biệt dành riêng 6 ghế dân-biểu cho các tỉnh có đông đảo đồng-bào Việt-gốc-Miền. Như vậy, người ta nhận thấy rằng trong Quốc-Hội Lập-Pháp có thêm hai đại-diện dân-cử cho đồng-bào Việt-gốc-Miền, đó là tỉnh Chương-Thiện, Bạc-Liêu và trong cuộc bầu-cử Quốc-Hội Lập-Pháp nhiệm-kỳ thứ hai, số đại-diện dân-cử cho đồng-bào Việt-gốc-Miền vẫn được duy-trì là 6 ghế trong Quốc-Hội.

Ngoài ra, nhân-sĩ người Việt-gốc-Miền còn tham-gia ứng-cử vào Thượng-Viện Quốc-Hội. Tuy nhiên, trong hai kỳ bầu-cử, người ta chỉ thấy sự hiện-diện của Ông Sơn-thái-Nguyen sau khi đắc cử trong cuộc bầu-cử ngày 30-8-1970.

Như vậy, người ta thấy rằng sau ngày Cách-Mạng đã có sự tham-gia của người Việt-gốc-Miền vào cơ-chế dân-chủ Trung-Ương. Thế nên, họ đã đóng một vai-trò quan-trọng trong cuộc sinh-hoạt Quốc-Gia. Tuy nhiên, quý-vị Dân-biểu và Nghị-sĩ chưa giữ vai trò thực-sự quan-trọng trong những sinh-hoạt của đồng-bào Việt-gốc-Miền, mà vai trò thực-sự là Tôn-giáo.

Đoạn III - Sự tham-gia của người Việt-gốc-Miền vào công-cuộc phát-triển Nông-ngư-mục và các ngành tiểu-công-nghệ, thương-mại.

1)- Sự phát-triển Nông-Ngư-Mục-súc và các hoa-màu phụ -

Có thể nói rằng nghề-chính của đồng-bào Việt-gốc-Miền là nông-nghiệp. Tại các tỉnh Ba-Áyển, Bạc-Liêu, Vĩnh bình, Kiên-giang, Chương-thiện, người Việt-gốc-Miền là thành-phần nông-cốt trong công-cuộc sản-xuất lúa gạo. Vì họ là những người rất chịu vất-vả trong công-việc khai-thác rừng rậm hoặc lập những ao hồ hầu tạo ra cảnh đồng trồng cấy .

Trước năm 1965, tình-hình nông-thôn vùng Châu-thổ sông Cửu-Long khá yên ổn, nên người Việt-gốc-Miền sống rất bình thản trên mảnh-đất phì-nhiều, rộng-rãi và lợi-tức của họ cũng khá dồi-dào. Tuy nhiên, đồng-bào Việt-gốc-Miền thường trồng trọt theo lối cổ-truyền, cho nên năng-suất lúa gạo cũng như các hoa màu khác thường không gia tăng, nhưng đó là tình-trạng chung của nông-thôn Việt-Nam trước đây.

Ngày nay, với kế-hoạch phát-triển Nông-Ngư-Mục súc của Chánh-Phủ, đồng bào Việt-gốc-Miền tham-gia rất tích-cực. Trước kia, họ trồng-trọt bằng lối dùng trâu bò và sức người, nhưng hiện nay với phong-trào cơ-giới-hóa nông-nghiệp và việc dùng phân-bón, họ đã tin-tưởng và áp-dụng. Vì vậy mà nông-thôn Việt-Nam đã thay đổi phần nào công-việc cấy cấy, trồng trọt. Các máy cấy, máy bơm nước đã được sử-dụng làm cho nông-dân Việt-Nam nói chung, cũng như đồng-bào Việt-gốc-Miền nói riêng, bớt sự khổ-nhọc và gia-tăng năng-suất sản-xuất. Hơn nữa, họ đã dùng cả máy đập và máy gặt nhưng chưa được phổ-biến sâu rộng trong quần-chúng nông-thôn.

Ngoài việc trồng lúa là nghề-nghiệp chính, đồng-bào Việt-gốc-Miền còn nuôi gia súc, đánh cá và trồng-trọt các hoa màu phụ. Tuy nhiên, những nghề này đều có tính-cách gia-đình.

Thông thường thì sau mùa gặt hái, họ trồng hoa màu phụ như rau cải, bầu bí, mía... để dùng và bán quanh năm.

Mía được trồng nhiều ở Vĩnh-Bình, tại Katung, Sam-rông thuộc xã Nguyệt-hóa, Châu-thành ; tại Sóc-Khương, Sóc Cham-Car, Sóc Banh-la thuộc xã Hương-hòa quận Châu-Thành. Các tỉnh khác như Ba-Xuyên, Kiên-Giang cũng có trồng mía nhưng rất ít.

Dưa hấu được người Việt-gốc-Miền trồng nhiều ở Cầu-Ngang, Long-Toàn, Trà-Cú và Châu-thành tỉnh Vĩnh-Bình. Ở Ba-Xuyên, Bạc-Liêu, người Việt-gốc-Miền có trồng nhiều dưa hấu, nhưng nhiều nhất là ở Hà-Tiên(Kiên-Giang).

Vườn cây ăn trái ở vùng nào cũng có, họ trồng cây ăn-trái quanh nhà để lấy trái ăn tùy theo mùa. Ở Vĩnh-Châu (Bạc-Liêu), người Việt-gốc-Miền có nhiều vườn nhãn mà số sản-xuất quan-trọng. Ở Tri-Tôn(Châu-Độc) có vườn xoài, ở Kiên-giang có vườn mít, ổi nhưng chỉ đủ dùng trong vùng.

Ở dọc bờ-biển Bạc-Liêu, Hà-Tiên, đồng-bào Việt-gốc-Miền còn làm ruộng muối, tuy nhiên số sản-xuất không đáng kể. Song song với việc trồng hoa màu phụ, gia-dình đồng-bào Việt-gốc-Miền nào cũng nuôi heo, gà, vịt, tuy-nhiên không có tính-cách sản-xuất như các chôn-trại, nhưng cũng đã góp một phần nhỏ trong kế-hoạch phát-triển gia-súc của Chánh-Phủ. Ngoài ra, ở Châu-Độc, người Việt-gốc-Miền còn nuôi trâu bò mà số cung-cấp cho nhà nông và lò thịt rất quan-trọng.

Riêng nghề đánh cá, chỉ có những người Việt-gốc-Miền ở duyên-hải như Long-Toàn(Vĩnh-Bình), Ba-Xuyên, Bạc-Liêu, Hà-Tiên(Kiên-Giang) mới có nghề đánh cá biển, tuy-nhiên vì vốn liếng không được dồi dào nên nghề đánh cá biển của họ không sản-xuất quan-trọng. Số cá thu-hoạch được thường làm khô hoặc bán tươi. Ngoài ra, đa số đồng-bào Việt-gốc-Miền đều thực-hiện việc bắt cá ở sông, rạch, trên đồng ruộng, v.v... để ăn, làm mắm, làm khô hoặc bán tươi.

2)- Các hoạt-động Tiểu-công-nghệ và Thương-mại -

Đông-bào Việt-gốc-Miền đều sống ở nông-thôn nên nghề buôn bán đối với họ rất ít người thực-hiện, chỉ có một số rất ít, có cửa hàng buôn bán như ở tỉnh Ba-Xuyên, Vinh-Bình. Ngoài ra, ở những nơi khác thường là buôn-bán vật. Vì vậy, mà không có người Việt-gốc-Miền nào giàu có lớn lao.

Riêng về tiểu-công-nghệ, trước kia người Việt-gốc-Miền thực-hành rất đông-đạo vì tính-cách cổ-truyền của họ.

- Nghề đan thúng, rổ :

Người Việt-gốc-Miền có biệt-tài đan các đồ dùng bằng tre và mây như thúng, rổ, xách tay, giỏ rất đẹp và bền. Các dụng-cụ đánh cá đan bằng tre như lò, đố, đàng, nôm, v.v... cũng được đan rất khéo tay.

- Nghề đan đệm, dệt chiếu :

Phần nhiều người Việt-gốc-Miền dùng đệm để đan thành "Cà-ròn" đựng lúa, chiếu đệm dùng để phơi lúa, v.v... Ngoài ra, trước kia, họ còn làm những nghề như thợ hồ, thợ mộc, nghề làm nôi đất, cà-ràng, v.v... Tuy nhiên, đa số những tiểu-công-nghệ kể trên đều bị kỹ-nghệ hóa-học nhân-tạo thay thế.

Mục II

VAI TRÒ CỦA TÔN GIÁO VÀ TỔ CHỨC VÊ ĐỜI CỦA GIÁO-HỘI

Tôn-giáo không phải ngày nay mới nắm một vai trò quan-trọng trong Xã-hội loài người. Thuở xưa, từ Đông sang Tây, người ta đã nhận thấy rằng Tôn-giáo chẳng những chỉ-đạo tinh-thần của con người trên hoàn-vũ, từng Quốc-gia, mà đôi khi còn lãnh-đạo sự điều-hành cho Quốc-Gia nữa.

Riêng tại Việt-Nam, trong những năm gần đây, Tôn-giáo đã chứng tỏ tầm quan-trọng hiển-nhiên và cho chúng ta thấy một sức-mạnh tinh-thần hiếm có qua các phong-trào

tranh đấu, đòi hỏi, bầu-cử, ứng-cử, v.v... và đồng-bào Việt-gốc-Miền lúc nào cũng có tinh-thần tôn-giáo mãnh-liệt vì sự tôn-sùng đạo-giáo cũng như vì hoàn-cảnh đặc-biệt của họ. Vì vậy mà Giáo-hội đã nắm giữ một vai-trò rất quan trọng.

Đoạn I - Tầm quan-trọng của Hệ-thống Giáo-Hội.

Như chúng tôi đã nêu ở phần trước, sau khi miền Nam Việt-Nam độc-lập, tu-sĩ Phật-giáo người Việt-gốc-Miền cố tìm mọi cách để hệ-thống-hóa các chùa chiền của họ hầu trở thành một Giáo-hội duy nhất, như các cơ-sở tôn-giáo khác trong Xã-hội Việt-Nam. Và do ở cách-thức tu-hành, những nghi-thức, phong-tục, tập-quán cổ-truyền không có sự thay đổi từ ngôi chùa này sang ngôi chùa khác, từ tỉnh này sang tỉnh khác. Đồng thời, cũng do ở Hội-đồng kỷ-luật Sứ-sãi có sẵn từ thời Pháp-thuộc, cùng với sự tôn-sùng Phật-giáo mãnh-liệt của Phật-tử Việt-gốc-Miền nên sự kết-hợp thành hệ-thống Giáo-Hội không khó khăn. Nhờ có hệ-thống Giáo-hội hoạt động chặt-chẽ từ Trung-Ương đến Địa-phương nên qui-vi lãnh-đạo tôn-giáo đã giữ một vai trò quan-trọng, chẳng những đối với đồng-bào Phật-tử Việt-gốc-Miền mà còn đối với Chính-quyền nữa.

1)- Đối với Chính-quyền -

Tất cả các Tôn-giáo thường có tiêu-chuẩn là không hoạt-động chính-trị, mà chỉ thực-hiện mọi sinh-hoạt có tính-cách xã-hội, giáo-dục mà thôi. Tuy nhiên, xưa nay tôn-giáo thường vượt ra ngoài tiêu-chuẩn đó, và đã bước vào lãnh-vực chính-trị. Nhưng những vị lãnh-đạo tôn-giáo thường không bao giờ nhận trách-nhiệm này.

Ở Việt-Nam, trong thời-kỳ trước ngày Cách-Mạng, Phật-giáo Việt-Nam là khối lãnh-đạo chính-trị lớn mạnh, ủng-đúc chí-khí lật-đổ Chính-quyền Ngô-đình-Diệm. Lúc bấy giờ, chánh-quyền của Tổng-Thống Ngô-đình-Diệm đã bao-phiên khó-ải đối-đầu với quyền-lực như vũ-bão ấy.

Riêng Phật-giáo Việt-gốc-Miền, từ trước đến nay, thường mang nặng bản-chất nguyên-thủy, nên các cấp lãnh-đạo thường e-dè khi dấn-thân vào những sinh-hoạt có tính

cách công-đồng chính-trị. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, Giáo-hội Phật-giáo Việt-gốc-Miền cũng là một áp-lực khá mạnh mẽ trong vấn đề liên-hệ đến đồng-bào Việt-gốc-Miền.

Thực-vậy, trong thời-kỳ trước ngày Cách-Mạng 1-11-1963, Giáo-phái Theravada đã tham-gia vào các hoạt động của Phong-trào Phật-giáo tranh-đấu, dù không phải là một lực-lượng to-tất, nhưng cũng đã góp một phần nhỏ vào phong-trào lớn mạnh ấy và làm cho Chánh-quyền một mặt lo ngại.

Năm 1969, sau khi Quốc-hội chung quyết dự thảo Luật tổ-chức và điều-hành Hội-đồng các Sắc-tộc, mà trong đạo-luật ấy đã bị Tổng-Thống yêu cầu Quốc-Hội phúc-nghi xóa bỏ chữ Việt-gốc-Miền trong Hội-đồng các Sắc-tộc. Nhân dịp này, Giáo-phái Theravada đã chống đối mãnh-liệt. Chẳng những Giáo-phái này tranh-đấu đòi phải ghi nhận chữ Việt-gốc-Miền trong đạo-luật tổ-chức và điều-hành Hội-đồng các Sắc-tộc mà còn đòi hỏi vị-trí thiểu-số mà giáo-phái này cho rằng tinh-thần Hiến-Pháp ngày 1-4-1967 đã ghi nhận.

Sau những cuộc chống đối bằng Văn-thư để đòi hỏi, vào ngày 13-11-1969, Giáo-phái Phật-giáo Theravada đã kéo một đoàn tăng-sĩ đến trước Dinh Độc-lập biểu-tình yêu cầu Tổng-Thống giải-quyết nguyện-vọng của họ. Theo tinh-thần của nguyện-vọng có những điểm như sau :

- Phải công-nhận người Việt-gốc-miền trong tổ-chức của Hội-đồng các Sắc-tộc.
- Phải xác-nhận họ là sắc-tộc thiểu-số.

Vì vậy, trong cuộc tranh-đấu, giáo-phái này đã yêu cầu Tối-cao Pháp-viện giải-thích điều 2 của Hiến-Pháp ngày 1-4-1967, tư-cách Sắc-tộc của họ.

Qua những cuộc tranh đấu, chánh-quyền cũng gặp phải những trở-ngại và phải khéo-léo mới xoa dịu được áp-lực này.

Trong khi đó thì Giáo-hội Phật-giáo Khemeranikay với một lực-lượng tăng-tín-đồ Phật-tử mạnh-mẽ ở miền Tây, dường như rất thờ-ơ với sự tranh-đấu của Giáo-phái Thera-vada. Tuy nhiên, trong năm 1968, Giáo-hội này đã dùng áp-lực của mình đòi hỏi Chánh-quyền phải có biện-pháp nâng đỡ và phát-triển đồng-bào Việt-gốc-Miền. Nhưng đường lối và mục-tiêu tranh-đấu của họ hoàn-toàn khác giáo-phái Thera-vada.

Nguyên vào ngày 16 tháng 12 năm 1968, Giáo-Hội Phật-giáo Khemeranikay đã tổ-chức một phái-đoàn gồm Chủ-qui-vị Hòa-thượng, Thượng-Tọa, Đại-đức tăng các cấp lãnh đạo Tỉnh Giáo-hội, Quận-Hội cùng qui-vị Cư-sĩ đại-diện tăng-tín-đồ trong toàn-quốc cùng sự hỗ-trợ tích-cực của 5 vị Dân-biểu Việt-gốc-Miền (nhiệm-kỳ I, Đệ-Nhi Cộng-Hòa, trừ Dân-biểu Kiên-Sốt) và sự nhiệt-thành ủng-hộ của một số Dân-biểu khác.

Mục-đích của Phái-đoàn là xin tiếp-kiến Tổng-Thống, Thủ-Tướng Chánh-Phủ, Chủ-Tịch Thượng-Hạ-Viện hầu trình bày thỉnh-nguyện của Phái-đoàn về việc nâng-đỡ đồng-bào Việt-gốc-Miền. Qua những cuộc tiếp xúc của Phái-đoàn với qui-vị Chủ-tịch Thượng-Viện, Chủ-Tịch Hạ-Viện, Ông Tổng-Trưởng Nội-Vụ, trong dịp này, Đại-đức Danh-Bao trưởng phái-đoàn đã trình bản Thỉnh-nguyện cùng Qui-vị nêu trên, đồng thời kính nhờ chuyển đến Tổng-Thống và Thủ-Tướng Chánh-Phủ.

Theo bản thỉnh-nguyện của Phái-đoàn Giáo-hội Phật-giáo Khemeranikay có những điểm như sau :

"Xét, vì tình-hình đất nước ta đang ở trong giai-đoạn cực-kỳ nghiêm-trọng, Quốc-gia đang đòi hỏi mọi nỗ-lực không phân biệt màu da, sắc-tộc, tôn-giáo để đồng tâm nhất-trí chặn đứng làn sóng xâm-lãng của Cộng-Sản dã và đang đe dọa Quốc-gia Việt-Nam chúng ta"

"Xét, từ ngày bản Hiến-Pháp được ban-hành, cơ-chế Quốc-gia được thiết-lập, nên Đệ-nhi Cộng-Hòa dưới sự lãnh đạo tối cao củ Tổng-Thống và Chánh-Phủ, chúng tôi nhận thấy rằng Tổng-Thống và Chánh-Phủ Việt-Nam Cộng-Hòa rất quan-tâm đến đồng bào kém mở mang."

"Xét, Tổng-Thống và Chánh-Phủ đã áp-dụng một chính sách tích-cực nâng-đỡ các Sắc-tộc Thiểu-số. Riêng đối với đồng-bào Việt-gốc-Miền gồm 20.000 chữ-tăng và non 2 triệu tín-đồ sống tại miền Nam Việt-Nam, đã và đang làm tròn bổn-phận công dân, Tổng-Thống và Chánh-Phủ chưa có biện-pháp nâng-đỡ hầu có cơ-hội để phát-triển về mọi mặt".

"Xét, vì nguyện-vọng thiết-tha của đồng-bào Việt-gốc-Miền là cần sự nâng đỡ thiết-thực của Chánh-Phủ về mọi phương-diện "

Với những lý-do kể trên, bản thỉnh-nguyện nhằm mục đích như sau :

1)- Thỉnh-cầu Tổng-Thống và Chánh-Phủ sớm ban-hành Sắc-lệnh cho thành-lập Tổng-Nha Miền-Vụ hầu có cơ-quan và phương-tiện thực-thi chánh-sách hữu-hiệu.

2)- Thỉnh-cầu Tổng-Thống và Chánh-Phủ ban hành các văn-kiên pháp-lý rõ rệt và chánh-sách nâng đỡ sinh-viên, học-sinh và đồng-bào Việt-gốc-Miền như đồng-bào Thiểu-số khác qua Sắc-luật 033/67 và 034/67 ngày 29-8-67 của Trung-Tướng Chủ-Tịch Ủy-Ban Lãnh-Đạo Quốc-Gia

3)-

a)- Thỉnh-cầu Tổng-Thống và Chánh-Phủ công-nhận và trợ giúp các trường Kinh-luân-giới và Phạn-ngữ hầu phát-triển Giáo-lý cho tăng-tín-đồ đồng-bào Việt-gốc-Miền.

b)- Thỉnh-cầu Tổng-Thống và Chánh-Phủ chấp-nhận chương-trình Việt-ngữ kèm theo Miền-ngữ tại các trường có đồng con em đồng-bào Việt-gốc-Miền.

Thỉnh-nguyện-thư trên chỉ được chấp-nhận việc thành-lập Nha Tổng-Giám-Đốc Đặc-trách Phát-triển đồng-bào Việt-gốc Miền trực-thuộc Phủ Thủ-Tướng.

Qua những phần nêu trên, người ta nhận thấy rằng tôn-giáo giữ một áp-lực chính-trị đối với Chánh-quyền. Đối với đồng bào Phật-tử, tôn-giáo sẽ là một niềm tin của họ.

2)- Đối với đồng-bào Phật-Tử -

Đối với đồng-bào Phật-tử, Giáo-hội luôn luôn giữ một vai trò trọng-yếu. Vì đối với Phật-tử Việt-gốc-Miền chẳng những tôn-sùng đạo-giáo một cách mạnh-mẽ mà còn tin-tưởng ở những vị lãnh-đạo tôn-giáo nữa. Tâm quan-trọng đó thể-hiện ở mọi phương-diện, về tinh-thần cũng như về vật-chất.

Một nhân-vật ngoài xã-hội, dù rằng có nhiều uy-tín, nhưng chưa có thể hô-hào một việc mà có sự ủng-hộ mạnh-mẽ. Ngược lại, một vị Đại-đức trụ-trì một ngôi chùa bảo rằng cần làm một việc nào đó, lại có sự ủng-hộ ngay. Trong vấn-đề học-vấn của con em đồng-bào Việt-gốc-Miền, từ xưa nay, Giáo-hội là một động-lực mạnh-mẽ tác-động con em họ. Vì họ đặt niềm tin-tưởng ở các cấp lãnh-đạo tôn-giáo, nên những vị này khuyên nhủ, đốc-thúc là họ cho là có lý.

Gần đây, qua những cuộc bầu-cử tại địa-phương, một ứng-cử-viên được Giáo-hội ủng-hộ, ngoại-trừ quyền-lực nào khác, thì người này rất có nhiều hy-vọng để đắc thắng. Vì vậy, người ta nhận thấy rằng giữa Giáo-hội và đồng-bào Phật-tử có sự liên-lạc rất chặt-chẽ.

Ngoài sự liên-hệ tinh-thần giữa Giáo-Hội và đồng-bào Phật-tử, còn một cơ-cấu trung-gian quan-trọng đối với Tôn-giáo, đó là Ủy-Ban Cư-Sĩ.

Đoạn II - Tâm-quan-trọng của Hệ-thống Ủy-Ban Cư-Sĩ
cạnh Giáo-Hội.

Song song với hệ-thống Giáo-Hội Phật-Giáo, người ta còn thấy các Ủy-Ban Cư-sĩ bên cạnh. Ủy-Ban này được coi như là một gạch nối giữa Giáo-Hội và đồng-bào Phật-Tử các giới, nên nó lại giữ một tầm quan-trọng đặc biệt.

Tổ-chức của Ủy-Ban cũng có hệ-thống từ Trung-Uương đến Địa-phương. Mỗi Ủy-Ban gồm có : Hội-Trưởng, Phó Hội-Trưởng, Thư-ký, Thủ-Quỹ và các Ủy-Viên.

Đối với Chánh-quyền, thực-sự thì cá-nhân những người nằm trong hệ-thống Ủy-Ban này chẳng có một áp-lực chính-trị nào. Tuy nhiên, với tư-cách Hội-Trưởng Ủy-Ban Cư-sĩ Phật-giáo thì lại có một áp-lực chính-trị dựa vào tôn-giáo của họ. Thực vậy, Ông Sơn-Thái-Nguyên, trước kia, với danh-nghĩa Hội-Trưởng Cư-sĩ Giáo-phái Phật-giáo Theravada Trung-Uông mà được chánh-quyền biết đến cũng như đã từng mời Ông tham dự Hội-Đồng Dân-Quân trong thời Chánh-Phủ Cách-Mạng.

Đối với Giáo-Hội và đồng-bào Phật-Tử các giới, Ủy-Ban là cơ-cấu trung-gian liên-lạc giữa Giáo-Hội và tín-đồ Phật-tử. Đôi khi, Ủy-Ban là cố-vấn cho Giáo-Hội trong mọi vấn-đề như vấn-đề Giáo-Hội phải sử-sự đối với Chánh-quyền, đối với đồng-bào Phật-tử, v.v... Thông thường thì Giáo-Hội hỏi ý-kiến Ủy-Ban này trước khi thực-hiện một công-việc liên-hệ đến Phật-sự, cũng như ngoài Phật-sự. Sở dĩ như vậy là vì Giáo-hội đã quan-niệm rằng, mọi vấn-đề đều do tín-đồ thực-hiện, cho nên mọi vấn-đề, sau khi được các cấp lãnh-đạo Giáo-hội ấn-định thường giao cho các Ủy-Ban thi-hành và phổ-biến trong giới đồng-bào.

Những người nằm trong Ủy-Ban thường chịu hy-sinh một số quyền-lợi cá-nhân để phục-vụ đạo-pháp. Họ cũng là người có uy-tín đối với Giáo-hội cũng như đối với tín-đồ Phật-tử.



CHƯƠNG II

CHÍNH SÁCH CỦA CHÍNH PHỦ ĐỐI VỚI ĐỒNG BÀO VIỆT-GỐC-MIÊN

M U C I

CHÍNH-SÁCH CỦA CHÍNH-PHỦ TRƯỚC NỀN ĐỆ-NHỊ CÔNG-HÒA

Đoạn I - Qua các Thời đại

I. Nhà Nguyễn

Theo sử-liệu, khi vua chúa Chân-Lạp tranh giành ngôi báu giữa anh-em với nhau, trong số đó có người lại nhờ nhà Nguyễn can-thiệp. Khi kéo quân vào Thủy-Chân-Lạp, nhà Nguyễn mang theo một số dân-chúng để bình-định và sinh-sống như đã thực-hiện đối với Chiêm-Thành. Nhưng ý-đồ của nhà Nguyễn chưa được thực-hiện thì bị nhà Tây-Sơn đánh đuổi nên Chúa Nguyễn phải bỏ ba. Tuy nhiên, lúc bấy giờ, đất đai Thủy-Chân-Lạp rộng bao la mà rất ít người khai-khẩn, cho nên dân chúng theo chúa Nguyễn đã ở lại sinh sống và khai-khẩn đất đai nay. Sau khi nhà Nguyễn thống nhất giang san thì miền Thủy-Chân-Lạp đã hoàn toàn do người Việt xâm chiếm và kiểm-soát. Khi đó, nhà Nguyễn đã bắt buộc người Việt-gốc-Miên (bấy giờ là người Khmer) theo tục-lệ Việt-Nam, đồng thời đặt sáu họ chính là Sơn, Thạch, Kiên, Kim cho đồng bào vùng Trà-Vinh, Sóc-Trăng, Bạc-Liêu, Cà-Mau và Danh, Châu cho đồng bào vùng Rạch-Giá, Hà-Tiên, Long-Xuyên, Châu-Đốc. Đồng-bào trong sáu họ suốt thời vua Gia-Long đã được miễn tất cả sưu thuế và lính tráng.

Đến năm 1820, vua Minh-Mạng bắt buộc người Việt-gốc-Miên hoàn toàn phải theo tập-tục của người Việt. Nhà vua buộc các nhà Sư phải mặc nâu sòng như Đại-Thừa, nhưng mọi sự bắt buộc thay đổi ấy đều bị sự chống đối mãnh-liệt. Tại Vĩnh-Bình có Ông Quân Cui (Saway Srok Cui) chống đối quyết liệt, nhưng bị nhà vua xử trảm. Do đó mà phong-trào chống đối càng nơi đây khắp nơi tại Vĩnh-Bình vào năm 1822.

Năm 1841, đời vua Thiệu-Trị, một người Miên ở Vĩnh-Bình (Trà-Cú), tên Sôm giữ chức Tessa (ngang hàng Thống-Chế) lập bán-doanh ở xã An-quang-Hữu, kéo quân đánh chiếm Liễu-Cần. Cùng lúc đó, một người khác từ Sóc-Trang hợp với Tessa Sôm đánh bại quân của Trần-trung-Tiên và Bùi-hữu-Quần. Và một đạo-binh khác do Norentot chỉ-huy sang tăng cường. Đoàn quân này định đánh Gia-dinh, nhưng khi đến Mỹ-Tho thì bị quân Triều-dinh do Tướng Nguyễn-văn-Nhân và Huỳnh-công-Bách đánh tan (1842).

Do những sự chống đối và nổi dậy, mà các vua chúa nhà Nguyễn sau này không hề can-thiệp đến sự thay-đổi phong tục tập-quán nữa.

II. Thời Pháp-thuộc

Trong thời Pháp-thuộc, người Việt gốc Miên được xem như dân Nam-kỳ, hưởng quy-chế chung như người Việt. Tuy nhiên, với chánh-sách chia để trị của đế-quốc Pháp, chánh-quyền liệt từng sắc dân với chánh-sách khác nhau.

Lúc bấy giờ, người Việt-gốc-Miên được học Miên-ngữ và với sự điều-dinh của Hoàng-Gia Cao-Miên với Chánh-quyền Pháp, một chi-nhánh Phật-học-viện của Nam-Vang được thành lập tại Ba-Xuyen.

Đến năm 1940, cũng do sự điều-dinh của Vua Cao-Miên mà một Liên-đoàn người Việt-gốc-Miên được thành-lập tại Ba-Xuyen, Liên-đoàn đó là "Liên-đoàn cải-thiện tinh-thần, trí-đức và thể dục người Cao-Miên ở Nam-Kỳ" (Association pour l'Amélioration morale, intellectuelle et physique des Cambodgiens de Cochinchine).

Những tổ-chức trên đều do Hoàng-Gia Cao-Miên trợ cấp, đồng thời triều-dinh Cao-Miên còn cấp học-bổng cho học-sinh Việt-gốc-Miên sang học tại Nam-Vang. Sau đó, Hoàng-Gia Cao-Miên lại đặt "Phân-bộ Địa-phương" của Viện Phật-Học (1943) ở Nam-Kỳ, với trụ-sở trung-ương là Ba-Xuyen. Mục đích việc thiết-lập tổ-chức này là đặt hệ-thống tu-sĩ Việt-gốc-Miên dưới sự điều-khiển của Preak Samdach-Sân ở Nam-Vang.

Với chính-sách cai-trị của Pháp, người Pháp còn áp dụng những mưu-thuật cho người Việt-gốc-Miền đàn áp những đám biểu-tình của người Việt, đồng thời dùng lính Việt cướp bóc người Miền (1930-1935) hầu tạo sự gây hấn giữa các dân-tộc. Vì vậy mà vào năm 1945 đã xảy ra nhiều cuộc nổi dậy của người Việt-gốc-Miền tại các vùng châu-thổ sông Cửu-Long.

Đoạn II - Qua các thời-kỳ

1) - Thời-kỳ Chánh-quyền Ngô-dình-Diệm, với "Chính-sách Dân-tộc-hóa"

Vừa lên nắm Chánh-quyền (7-7-1954), Chánh-Phủ Ngô-dình-Diệm đã thực-hiện chính-sách "Dân-tộc-hóa".

Đối với người Việt gốc-Miền, chánh-quyền Ngô-dình-Diệm buộc phải bãi bỏ các trường-học Miền-Pháp ở trường công, các trường do Pháp giúp đỡ thành lập tại các chùa (École rurale, École des Pagodes) cũng phải bãi bỏ. Đến nỗi các trường Kinh-luân-giới và Phạn-ngữ (Pali) cũng đều bị cấm, tuy nhiên các trường này vì hoàn toàn có tính-cách tôn-giáo nên Chính-quyền địa-phương chưa dám can-thiệp.

Ngoài ra, vào ngày 1-4-1957, Bộ Nội-Vụ đã gửi văn-thư xác nhận bãi bỏ các chi-nhánh Phật-học-viện và Liên-đoàn sẵn có trong thời Pháp-thuộc, mặc dù trên thực-tế các cơ-cấu này không hề hoạt-động.

Cũng nên nhắc thêm là chính-sách "Dân-tộc-hóa" còn áp-dụng đối với mọi sắc dân sống tại Việt-Nam, trong đó có cả người Việt-gốc-Hoa mà chính-quyền buộc người Hoa-kiều phải nhập Việt-tịch, đồng thời cấm họ không được giữ 11 nghề then chốt trong Quốc-gia.

Lúc bấy giờ, chính-quyền Ngô-dình-Diệm cố ý xem người Việt gốc Miền như người Việt chánh tông và những vết-tích có từ thời Pháp-thuộc phải được xóa bỏ, mặc dù nhiều vấn-đề chỉ có tính-cách văn-hóa và tôn-giáo.

Tất cả những biện-pháp nêu trên áp-dụng đối với đồng-bào Việt-gốc-Kiên chỉ là một khía-cạnh của chính-sách; ngoài những biện-pháp đó, chính-quyền còn áp-dụng nhiều biện-pháp khác. Tuy nhiên, mọi biện-pháp của Chánh-Phủ để thực-hiện chính-sách Dân-tộc-hóa không hề có một văn-kiến pháp-lý rõ rệt.

Để hiểu phần nào chính-sách Dân-tộc-hóa của Chính-quyền Ngô-dĩnh-Diệm, thiết-nghĩ chúng ta phải biết qua chính sách này đối với đồng-bào Thượng. Vì đối với đồng-bào Thượng, chính sách được thể hiện bằng những tài-liệu rõ ràng hơn.

Đối với đồng-bào Thượng, trước tiên Chính-quyền cho bãi-bỏ chế-độ Hoàng-triều Cường-Thổ, bãi bỏ các tòa-án phong-tục. Đồng thời Chính-Phủ còn đưa ra những tiêu-chuẩn như sau :

1.- "Xây dựng tinh-thần Kinh-Thượng bình-dẳng"

"Kinh-Thượng đều là Công-dân nước Việt-Nam Cộng-Hòa, không phân-biệt giống nòi (vì không làm gì có một chủng tộc thuần túy), mỗi giống người đều có ít nhiều sự pha-trộn lai các giống khác."

"Kinh-Thượng đều bình đẳng về quyền-lợi cũng như về nhiệm-vụ tại khắp lãnh-thổ Việt-Nam, đồng-bào Thượng cũng như đồng-bào Kinh có quyền sinh-sống làm ăn như nhau. Việc gì, chức-vụ gì mà người Kinh làm được thì người Thượng có đủ năng-lực cũng có quyền làm. Hiệu-năng như nhau thì Kinh hay Thượng đều được tiền lương, tiền công như nhau. Đồng-bào Thượng cũng như Kinh phải thi-hành tròn nhiệm-vụ công-dân. Có làm nhiệm-vụ thì Thượng cũng như Kinh mới xứng đáng là công-dân Việt-Nam Cộng-Hòa."

2.- "Xây-dựng Kinh-Thượng đoàn-kết"

"Xóa bỏ mọi ngờ vực, thành-kiến chia rẽ giữa Kinh và Thượng từ trước đến nay do thực-dân, phong-kiến, Việt-Cộng gây nên"

"Làm cho miền Thượng không còn là nơi rừng thiêng đối với đồng-bào Kinh và ngược lại làm cho thành-thị, đồng bằng cũng không phải là chốn xa lạ đối với đồng-bào Thượng."

"Xóa bỏ đầu óc bóc lột, thủ lợi, bán rẻ, mua đất, trong việc giao-dịch buôn-bán với Thượng."

"Xóa bỏ tính tự -cao mặc cảm của một số đồng-bào Kinh đối với đồng-bào Thượng, cũng như xóa tính tự-ty mặc cảm của đồng-bào Thượng đối với đồng-bào Kinh".

3.- "Xây-dựng tinh-thần yêu Tổ-quốc Việt-Nam"

"Làm cho đồng-bào Thượng yêu tổ-quốc Việt-Nam, hãnh diện về Quốc-Gia Việt-Nam mà họ đã đóng góp xây dựng. Kể tên và công-trang các đồng-bào Thượng có công với Việt-Nam : chống xâm-lăng, chống Pháp, chống Việt-Cộng"

"Đồng-bào Thượng cũng như đồng-bào Kinh đã góp sức xây dựng Cộng-Hòa, đánh đổ Quân-chủ, tham-gia xây-dựng hiến pháp"

4.- "Nâng cao trình-độ sinh-hoạt của đồng-bào Thượng lên bằng đồng-bào Kinh"

"Áp-dụng mọi biện-pháp để nâng cao đời sống của đồng-bào Thượng"

"Vận-động đồng bào Thượng tham-gia công-tác cải-tiến đời sống của họ "

"Khuyến-khích, giúp đỡ đồng-bào Thượng cải-thiện cách sống, cách canh-tác, cách nuôi súc vật, v.v..."

"Khuyến-khích bỏ phương-pháp làm rẫy, đốt rừng, vì tai hại chính cho đồng-bào Thượng và năng suất kém. Hướng về cách trồng lúa người Kinh "

"Khuyến-khích dân cư sống quần-tụ để mở mang, để phát-triển, để đề-phòng lưu-manh và Việt-Cộng"

"Khuyến-khích bỏ di-đoan, mê-tín, thay thế bằng thuốc-men nhưng tránh chạm đến tín-ngưỡng. Văn đề này

cần phải dày công giáo-dục và nhiều thời-gian. Tránh chạm tới tục-lệ cổ-truyền".

Những mục-tiêu trên được xem như tiêu-biểu chung, trong việc thực-thi chính-sách dân-tộc-hóa áp-dụng cho các sắc dân sinh sống tại miền Nam Việt-Nam. Mục-tiêu này sẽ được thay đổi từng sắc dân, tùy hoàn-cảnh, vị-trí, tập-tục mà sắc dân đó được coi là đối-tượng của chính-sách.

Vì muốn thực-hiện chính-sách dân-tộc-hóa một cách nhanh chóng, cho nên đã bị đồng-bào Thượng chống đối. Riêng đồng-bào Việt-gốc-Miền, họ cũng chống-đối mạnh-mẽ mà điển-hình nhất là Lục-lượng Khán-trắng đã được thành-lập và đánh phá nhiều nơi vùng biên-giới. Vì sự chống đối càng ngày càng gia tăng, cho nên Chánh-phủ đã phải chú ý đến. Để làm xoa dịu sự bất-mãn đó, nên vào năm 1958, Chính-Phủ đã đặt các phòng Miền-vụ cạnh Nha Chiến-Treng Tâm-Lý Bộ Quốc-Phòng, Bộ Nội-Vụ và Bộ Thông-Tin. Tuy nhiên, những cơ-quan này không hề có chính-sách để thi-hành, tùy nơi và tùy kinh-nghiệm mà áp-dụng. Năm sáu, Chính-Phủ lại cử Đại-Tá Kim-Khánh (lúc bấy giờ là Thiếu-Tá) với chức-vụ Phụ-tá Tư-Lệnh Vùng 4 Chiến-Thuật, đặc trách Miền-Vụ. Tại các tỉnh Vĩnh-Bình, Bạc-Liêu, Sóc-Trăng, Kiên-Giang, Châu-Độc có một vị Sĩ-quan phụ-tá Tỉnh-trưởng đặc-trách Miền-vụ, có Văn-phòng tại Tòa Hành-Chánh Tỉnh. Tuy nhiên, những vị này chỉ là cố-vấn cho Tỉnh-Trưởng về những vấn-đề liên-hệ đến đồng-bào Việt-gốc-Miền mà thôi.

2)- Thời-kỳ của các Chính-Phủ sau ngày Cách-Mạng 1-11-1963, với Chánh-sách "Dân-tộc Hòa-dòng - Đồng-tiến trong tinh-thần Quốc-Gia thống-nhất"

Mục-tiêu của Chính-sách "Dân-tộc Hòa-dòng" là tất cả mọi người, không phân-biệt giai-cấp, địa-phương, không phân chia chủng-tộc, đều bình-dẳng trên mọi phương-diện quyền lợi và nhiệm-vụ công dân. Mọi công-dân đều có quyền tự-do ngôn-luận, tự-do tín-ngưỡng, tự do đi lại và chọn lựa lẽ-lối sinh-hoạt cho mình. Chính-sách này đã được xác nhận qua lời tuyên-bố của Thiếu-Tướng Nguyễn-cao-Kỳ ngày 2-12-1965 trong buổi lễ tiếp-nhận 334 qui-chánh-viên Lục-Lượng Khán-Trắng.

Riêng về "Dân-tộc Đồng-tiến" thì mục-tiêu của Chính-sách là mọi người đều phải có phương-tiến tiến-triển về mọi mặt : văn-hóa, giáo-dục, kinh-tế, xã-hội, v.v...

Điểm đặc biệt là các chính-sách của Chính-Phủ đều nhắm trước tiên vào đồng-bào Thượng và từ đó mới áp-dụng cho đồng-bào Việt-gốc-Miền. Để thực-hiện chính-sách "Dân-tộc Hòa-dồng - Đồng-tiến" đối với đồng-bào Việt-gốc-Miền, về hành-chánh, Chính-phủ lập phòng Miền-vụ cạnh tòa Hành-chánh Tỉnh tại các tỉnh có đồng-bào Việt-gốc-Miền để phụ giúp Tỉnh những vấn-đề liên-hệ đến đồng-bào Việt-gốc-Miền. Về giáo-dục, với tinh-thần của chính-sách và với sự nâng đỡ đặc-biệt của cô Giáo-sư Nguyễn-văn-Bông, Viện-trưởng Học-viện Quốc-gia hành-chánh nên năm 1965, sinh-viên Việt-gốc-Miền được dịp vào học trường này với các ban Đốc-sự và Tham-sự. Sau đó, các trường Sư-phạm Quốc-Gia Công-đồng Long-An, Vĩnh-Long, học-sinh Việt-gốc-Miền được để dãi vào các trường này. Ngoài ra, còn nhiều vấn-đề khác về giáo-dục được tinh-thần chính-sách lưu-ý. Về Quân-đội, người Việt-gốc-Miền được học các khóa Sĩ-quan, Thủ-Đức chỉ với cấp bằng Trung-học Đệ-nhất-cấp. Về chính-trị, trong thời-kỳ Chính-Phủ Phan-huy-Quát, khi ấn-định và triệu-tập Quốc-Dân Đại-Hội qua Sắc-lệnh 002/QT/SL ngày 21-1-1965, người Việt-gốc-Miền không được mời tham-dự, trong khi đó thì các sắc-tộc Thiểu-số được dành 4 ghế trong Đại-hội này. Tuy nhiên, trong thời-kỳ Ủy-Ban Lãnh-Đạo Quốc-Gia với Sắc-lệnh số 21/66 và 22/66 ngày 19-6-1966 ấn-định thể thức và tổ-chức bầu-cử Quốc-Hội Lập Hiến ngày 11-9-1966 người Việt-gốc-Miền được dành đặc biệt 4 ghế Dân-biểu trong Quốc-Hội này. Hơn nữa, trong Hội-Đồng Dân-Quân, một nhân-sĩ người Việt-gốc-Miền cũng được mời tham dự.

Mục II

TRONG HẸN ĐỆ-NHỊ CỘNG-HÒA

I. NGUYÊN-NHÂN SỰ HIỆN-DIỆN CÁC DÂN-BIỂU VIỆT-GỐC-MIỀN VÀ VAI-TRÒ CỦA QUÍ-VỊ NÀY -

Sau khi nền Đệ-nhị Cộng-Hòa được thành lập, người ta nhận thấy rằng chính-sách "Dân-tộc Hòa-dồng - Đồng-tiến

trong tinh-thần Quốc-gia thống-nhất" đã được thực-hiện một cách triệt-đé đối với đồng-bào Thượng, nhưng đối với đồng-bào Việt-gốc-Miền thì chánh-sách của Chánh-Phủ không có sự thay đổi quan-trọng. Có chăng, đó là sự thành-lập Tổng-Nha Đặc-trách Phát-triển Đồng-bào Việt-gốc-Miền mà chúng tôi sẽ đề cập sau.

Trong khi đó thì chánh-sách của Chánh-Phủ đối với đồng-bào Thượng đã qua rõ ràng và minh-bạch với một văn-kiến pháp-lý tối-cao của Quốc-gia và được xác-nhận qua điều 2, 24, 97 và 98 Hiến-Pháp Việt-Nam Cộng-Hòa ngày 1-4-1967.

Qua điều 2 Hiến-pháp ngày 1-4-1967, để làm cho nhiều người Việt-gốc-Miền chống đối và thắc-mắc, nhưng Chánh-Phủ và những người này hoàn toàn có quan-niệm khác nhau. Nhưng dù sao, người ta vẫn thấy sự hiện-diện và gia tăng số đại-diện dân-cử của đồng-bào Việt-gốc-Miền trong Quốc-Hội Lập-Pháp. Điều này, người ta cũng phải nghĩ rằng sự kiện đó có những nguyên-nhân của nó.

Trước hết, nguyên-nhân sâu xa nhất do sự nâng-đỡ quá đặc-biệt đối với đồng-bào Thượng.

Thực vậy, trong thời-kỳ năm quyền của Tổng-Thống Ngô-đình-Diệm, mặc dù đồng-bào Thượng bị bãi-bỏ chế-độ Hoàng-Triều Cương-Thổ, bãi bỏ các Tòa-án phong-tục, nhưng Chánh-Phủ vẫn chú tâm đặc-biệt đến vùng Cao-nguyên. Năm 1957, một Nha Công-tác Xã-hội miền Thượng được thiết lập, mặc dù Nha này chưa thực-hiện được những công-tác hữu-hiệu.

Sau ngày Cách-Mạng, các sắc-dân Thượng lại tranh-đấu mạnh-mẽ hơn để đòi hỏi những quyền-lợi của họ, Chính-quyền lúc bấy giờ đã tìm biện-pháp thích-hợp để thực-hiện nguyện-vọng của đồng-bào Thượng. Do đó mà Nha Công-Tác Xã-Hội miền Thượng được sửa đổi thành Nha Đặc-trách Thượng-Vụ và đến ngày 22-2-1966, Nha này được biến-cải thành Phủ Đặc-Ủy Thượng-Vụ, cuối cùng đã được nâng lên hàng Bộ Phát-Triển Sắc-Tộc. Đồng-thời, Chánh-Phủ đã thực-hiện nhiều biện-pháp khác nâng đỡ đồng-bào Thượng như việc cho tái-lập Tòa-án Phong-tục, mở

Trung-Tâm Huấn-Luyện Trường-Son, nâng-dỡ Sinh-viên Học-sinh Thượng, lập trường Thiếu-Sinh-Quân Thượng, v.v...

Về phương-diện chính-trị, đồng bào Thượng còn được chú-tâm đặc-biệt.

Dưới thời Chánh-Phủ Phan-huy-Quát, khi ấn-định và triệu-tập Quốc-Dân Đại-Hội qua Sắc-lệnh số 002/Q1/SL ngày 21-1-1965, đồng-bào Thượng đã được dành 4 ghế trong Đại-hội này. Và nhất là chính-sách đối với đồng-bào Thượng đã được xác-định rõ-rệt qua Hiến-Pháp mà chúng tôi đã nêu trên.

Trong khi đó thì đồng-bào Việt-gốc-Miền không hề được chú-ý đến, vì vậy mà phong-trào chống đối bắt đầu thể-hiện. Đó là sự bành-trướng và tuyên-truyền sâu rộng của Lực-lượng Khán-Trắng trong giới đồng-bào Việt-gốc-Miền. Vì thế, Chánh-Phủ mới chú tâm và để tránh sự chống đối mạnh-mẽ của đồng-bào Việt-gốc-Miền cũng như để chứng tỏ một chánh-sách hòa-hợp, mà Sắc-lệnh số 21/66 ngày 19-6-1966 khi ấn-định thể-thức và tổ-chức bầu-cử Quốc-Hội Lập-Hiến, người Việt-gốc-Miền được dành 4 ghế Dân-biểu trong Quốc-Hội này. Từ đây là một giai-đoạn mới có sự hiện-diện Đại-diện dân-cử của người Việt-gốc-Miền trong Quốc-Hội.

Nhưng, trong Quốc-Hội này, các Dân-biểu Việt-gốc-Miền đã giữ một vai trò gì ?

Ai cũng đều biết rằng, Dân-biểu Quốc-Hội Lập-Kiến được bầu ra là để soạn thảo Hiến-Pháp cho nền Đệ-nhi Cộng-hòa. Do đó, vai trò của quý-vị Dân-biểu trước hết là giữ vai trò chung trong nhiệm-vụ lập hiến. Tuy nhiên, vì có sự hiện-diện đại-diện dân-cử của người Việt-gốc-Miền, nên tiếng nói của họ được tượng-trưng cho tất-cả đồng-bào Việt-gốc-Miền. Nhưng, tiếng nói đó đã làm được những gì cho đồng-bào trong suốt lịch-trình soạn-thảo Hiến-Pháp. Trong suốt lịch-trình đó, người ta đã rõ ràng, ngoài trách-nhiệm chung, quý-vị này chỉ giữ một vai tượng chánh-trị tượng-trưng, chứ không làm nên những gì thiết-thực cả.

Thực vậy, khi bàn đến điều 2 của Hiến-Pháp, liên-hệ đến các sắc-tộc thiểu-số, thì quan-niệm của các dân-biểu Việt-gốc-Miền lại xung đối nhau chung quanh vấn-đề đồng-bào Việt-gốc-Miền có phải là sắc-tộc Thiểu-số hay không. Trong khi ấy thì quan-niệm của Quốc-Hội Lập-Hiến luôn luôn có khuynh-hướng không muốn chấp-nhận coi đồng-bào Việt-gốc-Miền thuộc thành-phần Sắc-tộc Thiểu-Số. Chính vì vậy mà hậu-quả đã có những cuộc biểu-tình đòi hỏi vị-trí thiểu-số của Giáo-phái Phật-giáo Theravada.

Sau khi, các Dân-biểu Quốc-Hội Lập-Hiến đã chấm dứt nhiệm-vụ, đồng bào Việt-gốc-Miền vẫn được duy-trì đại-diện dân-cử trong Quốc-Hội Lập-Pháp, qua sắc-luật số 004/67 ngày 7-8-1967 ấn-dịnh thể-thức bầu-cử Quốc-Hội Lập-Pháp nhiệm-kỳ thứ nhất và số ghế được dành đặc biệt cho đồng-bào Việt-gốc-Miền là 6 ghế. Ở đây, vai trò của quý-vị Dân-biểu Việt-gốc-Miền cũng chỉ giữ những vai-tướng chính-trị mà thôi vì theo lẽ-lối sinh-hoạt của Quốc-Hội thì 6 Dân-biểu đó không thể làm gì được, những vấn-đề liên-quan đến họ. Nhưng dù sao vị-thế chính-trị đó, tiếng nói của họ sẽ là một tiếng vang thiết-yếu.

Thực thế, khi thảo-luận về dự-luật tổ-chức và điều hành Hội-đồng các Sắc-tộc, Dân-biểu Tăng-bá-Xuan đã phát biểu trong phiên họp khoáng đại ngày 3-12-1968, sau khi đã dẫn chứng mọi điều quan-thiết, Hạ-ngị-Viện chấp thuận cho người Việt-gốc-Miền được cử đại-diện tham-gia vào Hội-đồng các Sắc-tộc, tuy nhiên, dự-án luật đó đã bị Tổng-Thống yêu-cầu Quốc-Hội phúc-nghi xóa bỏ người Việt-gốc-Miền trong Hội-đồng các Sắc-tộc. Về quan-niệm của Hành-Pháp đã thắng. Chính vì thế mà Giáo-phái Phật-giáo Theravada đã nhận dịp chống đối kịch-liệt.

Ngoài ra, trong Quốc-Hội Lập-Pháp, người ta còn thấy sự hiện-hiện của Ủy-Ban Miền-Vụ, cho nên Ủy-Ban có nhiệm-vụ :

- Cứu-xét phúc-trình Viện các dự-luật, đề-ngị, đơn thỉnh-nguyện, các hồ-sơ và văn-thư liên-hệ tới Ủy-Ban nhất là về sinh-hoạt của đồng-bào Việt-gốc-Miền.

- Nghiên-cứu chánh-sách nâng đỡ đồng-bào Việt-gốc-Miền.

- Bảo-vệ văn-hóa và mỹ-tục của đồng-bào Việt-gốc-Miền.

- Theo dõi và kiểm-soát các cơ-quan Hành-pháp trong việc thi-hành chánh-sách Quốc-Gia liên-hệ đến các vấn-đề trên.

II. - NGUYÊN-NHÂN ĐƯA ĐẾN SỰ THÀNH-LẬP NHÀ TỔNG-GIÁM-ĐỐC ĐẶC-TRÁCH PHÁT TRIỂN ĐỒNG BÀO VIỆT-GỐC-MIỀN VÀ VAI TRÒ CỦA NHÀ NÀY -

Như chúng tôi đã nêu, Chánh-phủ của nền Đệ-nhi Cộng-Hòa vẫn duy-trì và thi-hành triệt-đé chánh-sách "Dân-tộc Hòa-đồng - Đồng-tiến trong tinh-thần Quốc-gia thống-nhất" Tuy nhiên, chánh-sách này đã áp-dụng quá chênh-lệch giữa đồng-bào Việt-gốc-Miền và đồng-bào Thượng, mặc dù hai đối-tượng có khác nhau, nhưng dù sao, người ta phải công-nhận rằng người Việt-gốc-Miền vẫn còn trình-độ văn-hóa và sinh-hoạt xã-hội kém cỏi nếu so với người Việt thuần-túy, cho nên không thể nào gọi là đồng-tiến, nếu không có cơ-quan thực-thi chánh-sách nâng-đỡ hữu-hiệu cho họ.

Hơn nữa, sự thành-lập Nhà Tổng-Giám-Đốc đặc-trách phát-triển Đồng-bào Việt-gốc-Miền còn do nhiều nguyên-nhân khác như do việc tranh-đấu đòi hỏi vị-trí sắc-tộc Thiểu-số của Giáo-phái Phật-giáo Theravada và do sự đòi hỏi hợp-lý của Phái-đoàn Giáo-Hội Phật-Giáo Khemmeranikay ngày 16-12-1968 mà chúng tôi đã trình bày ở Chương thứ Nhất.

Trước những nguyên-nhân đó, Chính-phủ đã phải ban-hành Sắc-lệnh số 112-SL/ThT/QTCS ngày 18-9-1969 thành-lập Nhà Tổng-Giám-Đốc đặc-trách Phát-triển đồng-bào Việt-gốc-Miền, trực-thuộc Phủ Thủ-Tướng. Vì vậy, chúng ta sẽ xét xem Nhà này đã giữ vai trò gì trong công-cuộc thực-thi chánh-sách của Chánh-Phủ.

Để rõ vai-trò của nó, thiết-nghĩ cần phải biết qua về cơ-cấu tổ-chức cũng như nhiệm-vụ của Nhà này.

Theo Nghị-định số 1211-NĐ/ThT/QTCS ngày 17-11-1969 của Thủ-Tướng Chánh-Phủ thì Nha Tổng-Giám-Đốc Đặc-trách Phát-Triển Đồng-bào Việt-gốc-Miền trực-thuộc Phủ Thủ-Tướng do một Tổng-Giám-Đốc điều-khiển, có một Phó Tổng-Giám-Đốc phụ giúp trong công-việc điều-khiển thay thế Tổng-Giám-Đốc khi vắng mặt hoặc bận việc.

Về cơ-cấu tổ-chức, Nha Tổng-Giám-Đốc Đặc-trách Phát-Triển Đồng-bào Việt-gốc-Miền gồm có :

- Phòng Bí-Thư
- Phòng Văn-Thư
- Thanh-Tra Đoàn
- Sở Hành-chánh, nhân-viên và kế-toán
- Sở Kinh-tế xã-hội
- Sở Văn-hóa giáo-dục
- Các Ty và Ty liên tỉnh

Về nhiệm-vụ thì cơ-sở phụ-trách những việc liên-hệ đến công cuộc phát-triển đồng-bào Việt-gốc-Miền được ấn-định như sau :

- Phòng Bí-Thư -

- Phụ-trách các công-việc mật và các công-việc đặc-biệt do Tổng-Giám-Đốc giao phó.

- Sưu-tầm tin-tức, nhằm chặn đứng các mưu toan phá hoại hoặc gây chia rẽ giữa đồng-bào Việt và Việt-gốc-Miền.

- Nghiên cứu kế-hoạch nâng cao mức sống của đồng-bào Việt-gốc-Miền.

- Sở Hành-chánh Nhân-viên và Kế-toán -

- Phòng Nghiên-cứu động-viên :

- giúp lập hồ-sơ xin hoãn-dịch cho sư-sãi
- giúp lập hồ-sơ tử-tuất cho gia-đình binh-sĩ Việt-gốc-Miền
- khuyến-khích thanh-niên trong tuổi quân-dịch thi-hành nghĩa-vụ Quân-sự.

- Sở Văn-hóa Giáo-duc -

- Phòng Giáo-duc tổng-quát -

- nghiên cứu kế-hoạch phát-triển giáo-duc phổ-thông và chuyên-nghiệp cho người Việt-gốc-Miền
- nghiên-cứu hồ-sơ cấp giấy chứng-nhận Việt-gốc-Miền để được nhập học các trường Võ-Bị
- theo dõi tình-trạng thi-cử của các học-sinh Việt-gốc-Miền.

- Phòng Tâm-lý Xã-hội và Nghiên-cứu Văn-hóa, Tập-tục :

- nghiên-cứu chương-trình học-vấn cho phù-hợp với khả-năng của học-sinh Việt-gốc-Miền.
- nghiên-cứu về phong-tục và tập-quán

- Sở Kinh-tế Xã-hội -

- Phòng Viện-trợ -

- nghiên-cứu chương-trình giúp vốn cho đồng-bào làm ruộng, trồng-trọt, chăn nuôi hoặc muốn kinh-doanh.
- nghiên-cứu việc sửa chữa chùa chiền.

- Phòng Tâm-lý Xã-hội -

- phổ biến tin-tức về các chánh-sách của Chính Phủ
- phổ-biến các chánh-sách của Tổng-Nha (các hoạt-động)
- phụ-trách văn-nghệ, thể-thao, thể-duc
- đảm-trách các văn-nghệ, công-tác xã-hội, y-tế, vệ-sinh cho sư-sãi, nhân-viên và gia-đình nhân-viên của Tổng-Nha và đong-bào.

Tại địa-phương, để thi-hành nhiệm-vụ giúp Nha, gồm các Ty và Liên-Ty như sau :

- Ty Liên-tỉnh Phong-Dinh và Chương-Thiện
- Ty Liên-tỉnh Châu-Đốc và An-Giang

- Ty-Liên-tỉnh Bạc-Liêu và An-Xuyên
- Ty Ba-Xuyên
- Ty Kiên-Giang
- Ty Vĩnh-Bình
- Ty Vĩnh-Long
- Ty Liên-tỉnh Tây-Minh, Bình-Long và Phước-Long

Để thực-thi nhiệm-vụ của mình trong công-cuộc phát-triển đồng-bào Việt-gốc-Miền, Nha Tổng-Giám-Đốc Đặc-trách Phát-triển Đồng-bào Việt-gốc-Miền đã thực-hiện như sau :

- Về Hành-chánh :

- đã kiểm-soát dân-số Việt-gốc-Miền
- đã kiểm-kê chùa chiền Việt-gốc-Miền
- cấp diứng-chỉ Việt-gốc-Miền
- đã giúp đỡ cho 52 gia-đình tử-sĩ Việt-gốc-Miền thuộc lực-lượng Nghĩa-Quân, Địa-Phương-Quân và Chủ-Lực-Quân trong việc lập hồ-sơ xin cấp dưỡng của Chính-Phủ.
- đã giúp cho 15 thanh-niên Việt-gốc-Miền có bằng Trung-học Đệ-nhất-cấp được theo học khóa Dự-bị Sĩ-quan Thủ-Đức.

- Về Kinh-Tế Xã-Hội :

- Hợp-tác-xã Phú-Vinh (Vĩnh-Bình)
Năm 1970, Phủ Thủ-Tướng trợ cấp 1.000.000\$00
- Hoạch thảo dự-án chăn nuôi
(chưa thực-hiện)
- Huấn-luyện chăn nuôi gia súc tại Cần-Thơ. Do Nha Thú-Y và Chăn-nuôi tổ-chức.
Khóa này đã thực-hiện cho học-viên Việt-gốc-Miền với sĩ-số là 25 người theo thụ-huấn
- Tài-trợ để tu-bổ và sửa-chữa chùa chiền bị hư-hại vì chiến-cuộc.

Trong năm 1971, Phủ Thủ-Tướng chấp thuận tài-trợ 5 ngôi chùa và 10 trường học tại chùa. Mỗi công-tác được tài-trợ 100.000\$00 tương-trung.

Đồng-thời, Chánh-Phủ còn tài-trợ 100.000\$00 về việc tu-sửa nhà thờ Việt-gốc-Miền do linh-mục Bùi-van-Hồng, Hạt-trưởng họ đạo tại Vĩnh-Bình.

- Lò hỏa-táng dành cho Quân-nhân tử-sĩ Việt-gốc-Miền.

Lò hỏa-táng này được xây cất trong khuôn viên Nghĩa-trang Quân-đội Cần-Thơ và đã khởi công ngày 9-2-1972. Về ngân-khoản do Bộ Quốc-Phòng tài trợ 1.375.000\$00 và Chánh-phủ hỗ-trợ cấp 200.000\$00 dùng vào việc trả công thợ.

- Xây cất bệnh xá cho sư sãi Việt-gốc-Miền tại Vĩnh-Bình. Kinh-phí dự án 4.000.000\$00 do Tổng-Nhà Kiến-Thiết và Thiết-kế Đô-Thị đảm trách việc xây cất, Tòa Hành chánh tỉnh Vĩnh-Bình đã trợ giúp thêm :

- 700 bao xi-măng
- 1.800 kgs sắt
- 300 tấm tôle

và Bộ Y-tế trang bị 30 giường. Dự-án chưa được thực-hiện.

- Về Văn-hóa Giáo-dục :

- Cấp học-bổng :

- Trong niên-khoá 1969-1970 : cấp phát 526 học bổng trên tổng-số 526 đơn xin với số tiền 2.800.000\$00 tỷ-lệ 100%.

- Trong niên-khoá 1970-1971 : cấp phát 716 học bổng trên tổng số 1963 đơn xin số tiền là 5.994.000\$00, tỷ-lệ 37%.

- Vấn-đề xây cất ký-túc-xá học-sinh, sinh-viên Việt-gốc-Miền tại Cần-Thơ :

Hoa-kỳ đã chấp-thuận trợ giúp vật-liệu xây-cất 1 ký-túc-xá cho học-sinh, sinh-viên Việt-gốc-Miền tại chùa Monyrensey Cần-Thơ, công-tác đã khởi-công thực-hiện.

Ngoài ra, Nha này cũng còn can thiệp nhiều biện-pháp khác dành năng-đỡ cho sinh-viên học-sinh Việt-gốc-Miền, nhưng chưa có hiệu-quả.

Qua những cơ-cấu tổ-chức và công-việc thực-thi của Nha Tổng-Giám-Đốc Đặc-Trách Phát-triển Đồng-bào Việt-gốc-Miền, người ta nhận thấy rằng dù sao trong nền Đệ-Nhi Cộng-Hòa, Chánh-Phủ đã chú tâm đến đồng-bào Việt-gốc-Miền hơn.

HẠC II

NHẬN XÉT - ĐỀ-NGHI VỀ VAI TRÒ VÀ CHÍNH SÁCH CỦA CHÍNH-PHỦ ĐỐI VỚI ĐỒNG-BÀO VIỆT GỐC MIỀN

Đoạn I - Về vai trò người Việt-gốc-Miền

Theo sự nhận xét của chúng tôi thì đồng-bào Việt-gốc-Miền chỉ được tham(gia tích-cực vào công-cuộc sản-xuất nông-nghiệp và sau đó là trong hàng-ngũ Quân-đội. Những hoạt-động của họ đều là những nghề lao-động chân tay. Họ luôn luôn rất cực nhọc cho sự sinh-nhai của mình.

Với vai trò đó, giữa một triệu đồng bào Việt-gốc-Miền, nếu so-sánh với gần một triệu đồng bào Việt-gốc-Hoa thì hai sắc dân này hoàn toàn giữ những vai-trò khác nhau.

Tại nông-thôn hẻo lánh của các tỉnh Vĩnh-Bình, Ba-Xuyên, Rạch-Giá, Bạc-Liêu, Chương-Thiên, v.v... Từ mấy thế-kỷ nay, đồng-bào Việt-gốc-Miền đã cày sâu cuốc bẫm, đón rừng lập ao để tạo nên cánh đồng trồng cấy. Ở những nơi này, họ là những thành-phần nông-cột trong công-cuộc sản-xuất ra lúa gạo, tuy nhiên những lúa gạo sản-xuất đó đều nằm trong tay người Việt-gốc-Hoa với vai trò thương-giới của họ. Từ những nhà máy xay lúa nhỏ cho đến những nhà máy xay lúa và các chành lúa vĩ đại đều là của người Việt-gốc-Hoa. Với vai trò này, người Việt-gốc-Hoa đã từng làm điên-đảo về giá cả thị-trường lúa gạo mà chính người sản-xuất lúa gạo cũng phải khổ-tâm.

Ngoài việc sản-xuất lúa gạo, đồng-bào Việt-gốc-Miền còn tham-gia tích-cực trong Quân-đội. Với vai trò này, đồng-bào Việt-gốc-Miền đã chứng-tỏ tầm quan-trọng của mình trong việc đóng góp bảo-vệ quê-hương xứ sở. Ngoài ra, các ngành thương-mại được coi là hiếm trong giới người Việt-gốc-Miền; riêng tiểu-công-nghệ ngày nay đã bị kỹ-nghệ chế biến tiêu-diệt.

Vì vậy, chúng tôi nhận thấy rằng ngoài nông-nghiệp và quân-đội mà người Việt-gốc-Miền đóng một vai-trò đáng kể, còn các khía-cạnh khác họ chỉ là những thành-phần phụ-thuộc. Có lẽ vì bản-chất hay là sự tiến-hóa chậm chạp chăng ?

Trong những năm gần đây, người ta nhận thấy người Việt-gốc-Miền đã tiến-triển hơn trước về mọi phương-diện.

Chẳng hạn, về văn-hóa giáo-dục, số học-sinh người Việt-gốc-Miền đã gia-tăng gấp bội so với mười năm trước, nhưng số sinh-viên của họ tính trung-bình trên số đồng-bào là một kết-quả đáng buồn, với một sinh-viên trên 25.000 người. Riêng cán-bộ ngành giáo-dục mặc dù có gia tăng, nhưng với con số thâm nảo :

- Giáo-sư Trung-học 16 người
- Giáo-viên 673 người

Từ nền văn-hóa kém cỏi đó đã kéo sang sự yếu kém mọi sinh-hoạt khác như về chính-trị, họ chưa am-tường, có chăng chỉ là những nhóm áp-lực.

Chính vì sự tiến-triển không đáng kể trong xã-hội so với khối đồng-bào và cũng vì phương-tiện quá eo hẹp mà đồng-bào Việt-gốc-Miền cần đến chính-sách của Chính-Phủ đối với họ.

Đoạn II - Nhận xét về Chính-sách của Chính-Phủ

Chúng ta nhận thấy rằng, chính-quyền của Triều Nguyễn đã toan áp-dụng chính-sách đồng-hóa một cách mạnh-bạo, nhưng cũng vì thế mà đưa đến sự chống đối mãnh-liệt.

Riêng trong thời Pháp-thuộc vì dân miền Nam được coi như dân thuộc-địa cho nên chính-quyền Việt-Nam không có chính-sách nào đối với đồng-bào Việt-gốc-Miền hoàn-toàn do Pháp chủ mưu và thực-hiện, đồng thời lại có sự chi-phối của Hoàng-gia Cao-miền. Chính vì vậy, lúc bấy giờ đã đưa đến những hậu-quả chia rẽ trầm trọng giữa các sắc dân ở miền Nam Việt-Nam.

Sau Hiệp-định Genève 1954, miền Nam Việt-Nam độc-lập, chính-quyền Ngô-đình-Diệm lại thực-hiện chính-sách đồng-hóa đối với mọi sắc-dân sinh-sống trên lãnh-thổ Việt-Nam kể cả người Việt-gốc-Hoa mà trước đó được coi là ngoại kiều. Vì muốn thực-hiện chính-sách có kết-quả nhanh chóng nên đã bị chống-đối mãnh-liệt nhất là đồng-bào Thượng và đồng-bào Việt-gốc-Miền. Trong khi đó thì người Việt-gốc-Hoa không có sự giao-động mạnh mẽ giữa phong-tục tập-quán người Việt-gốc-Hoa và người Việt chánh tông ít có sự khác biệt nhiều, tuy nhiên họ cũng đã chống-đối ngầm ngấm.

Đối với đồng-bào Việt-gốc-Miền, Chánh-quyền Ngô-đình-Diệm chẳng những bãi bỏ những cơ-chế có sẵn trong thời Pháp-thuộc mà còn không công-nhận những đất đai do đồng-bào Việt-gốc-Miền khai khẩn. Hơn nữa, chính-quyền lại cấm dạy Miên-ngữ dù chỉ là có tính-cách tôn-giáo. Cũng vì vậy mà Lực-lượng Khán-Trắng (K.K.K.) được thành lập tại các tỉnh Biên-giới và đánh phá các vùng này, đồng thời Lực-lượng Khán-trắng còn hỗ-trợ Phong-trào Fulro chống lại Chánh-quyền. Đặc điểm sai lầm của Chánh-sách này là muốn cho một sắc dân khác trở thành dân-tộc Việt-Nam tức khác mà người này lại quá cách biệt về phong-tục, ngôn-ngữ, về trình-độ văn-hóa, mức sinh-hoạt xã-hội, dĩ-nhiên sẽ mang một hậu-quả không tốt đẹp.

Chính vì vậy mà Chánh-phủ trong thời-kỳ Cách-Mạng phải áp-dụng một chính-sách thực-tiến hơn. Đó là chính-sách "Hòa-đồng Dân-tộc - Đồng-tiến trong tinh-thần Quốc-Gia thống-nhất".

Chính-sách "Hòa-đồng Dân-tộc - Đồng-tiến trong tinh-thần Quốc-gia thống-nhất" có ưu-điểm là không coi những sắc

dân khác phải là dân-tộc Việt-Nam tức khác, mà chính-sách này đã coi họ là công-dân Việt-Nam bình đẳng trên mọi phương-diện. Đồng thời phải làm cho họ đồng tiến trong một tinh-thần hòa-đồng. Hơn nữa, chính-sách này còn công nhận tập-tục của các sắc dân, cho nên họ không thấy xa lạ, bơ vơ trong trường-hợp buộc họ vào hoàn cảnh khác biệt, như trong chính-sách "Dân-tộc hóa".

Một ưu-điểm, nữa của chính-sách trên là phát-triển những sắc-dân còn yếu kém về mọi sinh-hoạt để họ có đủ trình-độ hiểu-biết và am-tường mọi sinh-hoạt trong xã-hội Việt-Nam và như thế, họ có cơ-hội đồng tiến trong tinh-thần của Quốc-Gia.

Thế nên, Chính-phủ cũng đã, đang áp-dụng chính-sách trên đối với đồng-bào Việt-gốc-Miền qua cơ-cấu Nha Tổng-Giám-Độc Đạc-trách Phát-triển đồng-bào Việt-gốc-Miền. Tuy nhiên, Nha này chưa giữ đúng vai trò với ý-nghĩa phát-triển của nó. Nếu so với Bộ Phát-triển Sắc-tộc thì Nha Tổng-Giám-Độc Đạc-trách Phát-triển Đồng-bào Việt-gốc-Miền chỉ giữ một vai trò nhỏ bé trong công-cuộc phát-triển đồng-bào Việt-gốc-Miền. Sự kiện này đã được chứng- minh qua ngân-sách năm 1972 của Nha dự trù phát-triển đồng-bào Việt-gốc-Miền và chỉ có :

- cấp học-bổng 12.000.000\$00
- trợ cấp tư-nhân 8.000.000\$00

Trong khi đó thì chỉ riêng số ngân-khoản dành cho Trung-Tâm Huấn-Luyện Phát-triển Sắc-tộc năm 1972 đã lên đến 76.952.000\$00 gồm những dịch-vụ như sau :

- Y-phục cho học-sinh 45.000.000\$00
- 10.000 cái mũng 5.000.000\$00
- 10.000 chiếc chiếu 5.000.000\$00
- Y-phục cán-bộ văn-nghệ sắc
tộc... 5.300.000\$00
- Mua sắm nông-cụ 12.000.000\$00
- Mua sắm bàn ghế, tủ, v.v..... 4.652.000\$00

Ngân-khoản trên của Bộ Phát-triển Sắc-tộc đã bằng Ngân-sách dành cho Nha Tổng-Giám-Đốc Đặc-trách Phát-triển Đồng-bào Việt-gốc-Miên. Vì vậy, chúng tôi có cảm-tưởng rằng Nha này là cơ-quan chính-trị hơn là một cơ-quan điều-hành phát-triển cho đồng-bào Việt-gốc-Miên.

Vì nhận xét trên, chúng tôi nghĩ rằng Chánh-Phủ cần phải dành một số ngân khoản khá hơn cho Nha này, đặc-biệt nhất là dành cho công-cuộc phát-triển về Giáo-dục và các sinh-hoạt xã-hội khác. Đồng thời với ngân-khoản trợ-cấp đó, các vị Chỉ-huy Nha Tổng-Giám-Đốc phải là người giữ vai trò chính vạch ra sáng kiến thích-hợp nhất nhằm mục tiêu phát-triển đồng-bào Việt-gốc-Miên. Vai trò đó theo thiên-nghĩ của chúng tôi là vai-trò đốc-thúc và cố-vấn cho đồng-bào và Giáo-hội, ngoại trừ các khoản trợ-cấp của Nha, vì chúng tôi nghĩ rằng chỉ có phát-triển khi nào dân-chúng hiểu rõ tình-trạng xã-hội và số phận của mình sống trong xã-hội đó.

Đối với Giáo-hội, các vị chỉ-huy Nha Tổng-Giám-Đốc cố gắng hướng dẫn các vị lãnh-đạo tôn-giáo dần thân vào sinh-hoạt xã-hội, từ thiện nhất là giáo-dục hầu đưa tín-đồ của mình thoát khỏi cảnh dốt-nát bần-cùng mà không trái ngược với đạo-pháp. Các vị chỉ-huy Nha Tổng-Giám-Đốc phải đốc thúc các cấp lãnh-đạo tôn-giáo phải xây dựng các trường sở cấp Tiểu-học phổ-thông tại những ngôi chùa có đông dân-cư người Việt-gốc-Miên sinh sống, song song với trường sở giảng-huấn đạo-lý. Riêng việc giảng-huấn các trường-sở này thì yêu cầu Chính-Phủ bổ-nhiệm giáo-viên và tại ngôi chùa Tĩnh-lý thì nên mở một trường Trung-học phổ-thông với tư-cách bán công do Giáo-hội quản-trị có sự trợ cấp và giúp đỡ của Chính-Phủ. Đồng-thời các trường-sở này với sự can-thiệp của Nha Tổng-Giám-Đốc và với thỉnh-nguyện của Giáo-Hội yêu cầu Chính-Phủ cho phép giảng dạy một số giờ Miên-ngữ kèm với chương-trình phổ-thông mà Bộ Giáo-Dục đã ấn-định. Trong những trường hợp trên đây, quý-vị chỉ-huy Nha Tổng-Giám-Đốc cần phải hỗ-trợ tích-cực và cố nuôi dưỡng các trường sở mà Giáo-Hội đã xây dựng nên. Sự kiện này rất phù hợp với chính sách tự-lực tự-cường của Chánh-Phủ mà Nha Tổng-Giám-Đốc là nơi cố-vấn và hướng dẫn họ.

Đối với dân-chúng thì Chánh-Phủ qua cơ-chế Nha Tổng-Giám-Đốc và do sự chỉ-huy thuộc các cấp của Nha này cần phải giúp đỡ và hướng dẫn những vấn-đề như :

- Đồng-bào Việt gốc Miên là những nông-dân, do đó Nha Tổng-Giám-Đốc cần phải phổ-biến sâu rộng cũng như hướng dẫn nông dân hiểu rõ về thể-thức vay tiền của Ngân-hàng Phát Triển Nông-nghiệp, hầu tránh những phần tử giàu có cho vay cắt cổ khi đồng bào cần tiền để làm mùa.

- Song song với công-cuộc phát-triển nông-nghiệp, Nha Tổng-Giám-Đốc còn giữ vai trò đốc thúc đồng-bào Việt-gốc-Miên phát-triển chăn-nuôi gia-súc, nghiên-cứu và phổ-biến cho đồng-bào cách thức chăn nuôi theo phương-pháp khoa-học tân-tiến, đồng thời Chánh-Phủ cần phải giúp đỡ cho đồng bào Việt gốc-Miên một số giống gia-súc cùng nhịp với kế-hoạch phát-triển năm năm của Chánh-phủ về Nông-ngư-mục-súc.

- Khuyến-kích đồng-bào Việt-gốc-Miên phát-triển các ngành Tiểu-công-nghệ và tiểu-thương-mại.

- Để thực-hiện những vấn-đề nêu trên, một điều cần thiết là Nha Tổng-Giám-Đốc cần phải phát-hành một Nguyệt-san phát-triển đồng-bào Việt-gốc-Miên và in bằng hai thứ tiếng Việt-Miên. Đặc điểm thiết-yếu của Nguyệt-san này là sẽ nghiên cứu những vấn-đề liên-hệ đến sự phát-triển đồng-bào Việt-gốc-Miên và phổ-biến cho họ biết. Đồng thời, Nguyệt-san này sẽ là một tạp-chí nghiên-cứu, sưu-tầm, phổ-biến nền văn-học bình-dân, văn-nghệ, điệu-khác, v.v... của đồng-bào Việt-gốc-Miên.

Ngoài ra, còn nhiều vấn-đề khác mà các vị chỉ-huy Nha Tổng-Giám-Đốc cần đảm nhiệm công-việc thực-thi cho đồng bào Việt-gốc-Miên trong trường-hợp có thể và cố-gắng để thực-hiện.

KẾT LUẬN

Đồng-bào Việt-gốc-Miền là những người sinh-sống tại miền Nam nước Việt hàng hai mươi thế-kỷ, và họ đã chung sống với người Việt hàng ba thế-kỷ nay. Đồng-bào Việt-gốc-Miền và đồng-bào Việt chính-tông đã từng sát cánh với nhau trong công-cuộc khai-khẩn đất đai tại đất nước này. Họ từng chung vai nhau đào kênh Vĩnh-Tế, các sông rạch miền Nam Việt-Nam. Họ đã là những người khai-phá rừng-nậm thành những đồng cỏ phì nhiêu.

Ngày nay, trong phạm-vi hoạt-động nông-nghiệp, đồng-bào Việt-gốc-Miền đã và đang giữ vai trò quan-trọng tại một số tỉnh miền Tây, trong công-cuộc sản-xuất lúa gạo. Nhưng tiếc thay, số lúa gạo đó đều do người Việt-gốc-Hoa nắm giữ và đôi khi những người này còn làm điên-đảo giá cả thị-trường lúa gạo.

Từ bản-chất thật-thà, sống một cách bình thản nơi thôn dã hàng mấy thế-kỷ, nên đã tập cho đồng-bào Việt-gốc-Miền không thích đua chen với đời. Do đó, người ta nhận thấy rằng rất ít người Việt gốc Miền có mặt trong việc mua bán, thương-mại cũng như về những phương-diện khác. Thế nên, hầu hết người Việt-gốc-Miền là những nông-dân nghèo khổ. Tuy nhiên, khi Quốc-gia hũu-sự, họ là những phần-tử đóng góp đáng kể trong công-cuộc bảo-vệ quê-hương xứ sở.

Đặc-điểm đối với người Việt-gốc-Miền là dù đã sinh sống chung đụng với người Việt hàng mấy thế-kỷ, nhưng họ vẫn giữ các tập-tục, tín-ngưỡng, văn-hóa, xã-hội của họ. Họ đã có một căn-

bản tôn-giáo vững-chắc và rất sùng-đạo, chẳng những thế, ngày nay họ đã tổ-chức thành Giáo-hội với một hệ-thống rất chặt-chẽ. Hơn nữa, đồng bào Việt-gốc-Miên chỉ tôn-thờ Đức Phật Thích-(Ca Muni-(Đ-Đàm(Prah (akyā Muni-Gautama), pháp-học của họ là Tam-Tạng Pháp-Bảo(Tripitaka). Tuy nhiên, đồng bào Việt gốc Miên còn ỉn-hưởng nền văn-minh Balamôn-giáo, họ chưa bỏ hẳn các thần chủ tạo Vashnon (créateur), thần phá-hoại (iva (destructeur), v.v... cũng như sự tin-tưởng ở tà-ma, bùa ngải. (Hình do sự tin-tưởng tai hại, sự gột rửa khó khăn đó mà làm cho đồng-bào Việt-gốc-Miên tiến-hóa chậm-chạp trong xã-hội. Thế nên, Chính-Phủ đã phải chú-tâm và giúp-đỡ người Việt-gốc-Miên một cách rộng - rãi hầu giúp họ có cơ hội phát-triển trong Cộng-đồng Quốc-gia dân-tộc.

Nhưng dù sao, chúng tôi tin-tưởng ở sự tuôn-hoàn của tạo-hóa, sự tự-tồn của con người cũng như tư-tưởng cấp-tiến của mọi giới trong Quốc-gia, sẽ mang đến cho người Việt gốc Miên một cuộc sống thịnh-vượng, một trình-độ văn-hóa sáng sủa...

Niềm tin-tưởng đó, chúng tôi vẫn hằng mong ở tương - lai.

Sài-gòn, 15 - 9 - 1972.



Phu-bản 1

SỰ TÍCH LỄ ĐÓN - TÀ

Câu chuyện xảy ra ở xứ Ấn-Độ, ngay lúc Đức Thích-Ca còn tại-thế, sơ lược sự tích như sau :

"Thuở Đức Thích-Ca còn tại thế, một hôm vào lúc đêm vắng, tại Hoàng-Cung của vua Binbisara bỗng vang lên tiếng gào khóc thảm thiết lẫn tiếng kêu van :

- Hãy cho chúng tôi ăn, cho chúng tôi uống, chúng tôi đói khát lắm.

Nhà vua cả sợ, vội triệu nhà tiên-tri của triều-thần đến bói xem việc gì.

Nhà tiên-tri bói xong, tâu rằng :

- Tâu Bệ-hạ, đây là bọn ác quỷ đói khát đến xin ăn, nếu Bệ-hạ không cúng tế thì sẽ có chuyện không hay xảy ra.

Nhà vua liền ra lệnh bắt 100 đàn ông, 100 đàn bà và 100 gia-súc đem trước sân chầu để chém đầu tế ác-quỷ. Tiếng kêu khóc vang đến Hậu-cung. Hoàng-hậu liền vào Triều-ngân vua :

- Tâu Bệ-Hạ, lời đoán của vị tiên-tri chưa chắc là đúng, mà Bệ-hạ vội giết hai trăm người vô tội và bảy gia-súc này. Kẻ giết sẽ ngậm-ngùi nơi chín suối, còn thân-nhân của họ sẽ oán ghét Bệ-hạ muôn đời. Theo ý thiếp thì Đức Thích-Ca ở tại ngôi chùa gần đây, Bệ-hạ nên đến thỉnh-ý của Ngài xem thế nào ?

Nhà vua bằng lòng, ngự giá đến Chùa, Đức Phật phán rằng :

- 92 kiếp trước có hai vị Phật ra đời là Phật Tosa và Phossa. Phụ-thần Đức Phossa là Quốc-Vương Mahinta. Ngoài Đức Phossa, Quốc-Vương còn có 3 vị Hoàng-Nam. Người thứ

nhất có 500 binh-sĩ hộ-vệ, người thứ nhì có 300, người út có 200. Ba vị Hoàng-tử này xin vua Cha cho phép dâng lương thực cho Đức-Phật, anh cả của ba vị, nhưng vua không chịu. Một hôm, quân giặc nổi dậy ở biên-cương, nhà vua sai con đi đánh dẹp. Khi trở về với chiến-thắng, ba vị được vua Cha khen ngợi và ban thưởng nhiều phẩm-vật quý giá. Ba vị Hoàng tử không nhận nói rằng :

- Chúng con chỉ muốn xin cha cho phép con được dâng thức ăn cho anh chúng con mà thôi.

Nhà vua vẫn không đồng ý. Ba vị Hoàng-Tử nài-nỉ xin bớt thời-hạn cúng dường từ 7 năm còn 4 tháng mà nhà vua không cho, chỉ chấp thuận 3 tháng, mỗi đứa thực-hành 1 tháng.

Ba vị Hoàng-Tử liền giao viên thư-ký và gác kho giữ phạm-sự xuất phát tiền-bạc, tổ-chức nấu nướng hàng ngày dâng Đức Phật luôn cả 9 vị đệ-tử, 1.000 binh-sĩ và 3 vị Hoàng-tử vì trong 3 tháng ấy, 3 vị cũng xuất-gia đầu Phật.

Người làm bếp lúc đầu thi-hành rất chu đáo, dần dà bê-trễ vì số người ăn quá đông, đám con ở nhà đói bụng kêu khóc om-sòm. Người này phải cho ăn trước, rồi sau đó cũng ăn luôn với con. Lúc mãn phần, họ đầu thai làm quỉ ở cõi âm, còn 3 vị hoàng-tử và 1.000 binh-sĩ đầu thai về cõi trời. Cuộc luân-hồi từ đó đến kiếp thứ 92 là kiếp này, 3 vị Hoàng-Tử đầu thai xuống trần. Người anh cả tức là Đức vua hiện tại (Binbisara), người làm bếp và thân-nhân thành quỉ ở âm-phủ đã 92 kiếp nhìn ăn, nhìn uống đến ngày nay, họ biết người chủ của họ trước kia nay được làm Vua nên đến đòi ăn. Vậy Hiên-Vương nên cúng dường, dâng trai cho các tu-sĩ, nhớ ân-đức và lời kinh của các vị này chuyển phước đến các quỉ đó.

Vua Binbisara vâng lời về triều truyền thả 200 người đình giết để tế quỉ và 100 gia-súc, tổ-chức ngay buổi tiệc thỉnh Đức Phật Thích-Ca và 500 tỳ-kheo, đồ-đệ của Ngài đến độ thực.

Đêm đó, Vua không nghe tiếng la khóc nữa, nhưng qua đêm thứ nhì, tiếng than khóc lại tái diễn. Nhà vua ngự giá thỉnh ý Đức Thích-Ca. Ngài phán rằng :

- Bọn quý được ăn uống no nê nhưng không có quần áo mặc nên đói hỏi nữa. Hiền-Vương lấy vải cúng dường cho các tu-sĩ nhờ ân-đức của các vị này chuyển đến.

Nhà vua vâng lời, làm đúng theo Phật-dạy, bọn ma quỷ được ăn mặc đầy đủ và được dầu thơm vào Thiên-đường sau khi đã chịu hình phạt về những tội-ác của chúng đã phạm ở kiếp-trước ".



Phụ-bản II

SỰ TÍCH LỄ OK - ANG - BOK

Lễ Ok-Ang-Bok là lễ kỷ-niệm một nghĩa-cử của Đức Phật Thích-Ca trong một kiếp trước đã đầu thai làm con thỏ. Hình con thỏ ấy đã được một vị Thần vẽ trên mặt trăng để cho nhân loại đời đời chiêm ngưỡng. Chuyện như sau :

Trong một tiền-kiếp của Đức Phật Thích-Ca, có lần Ngài là một con thỏ sống quanh-quần trên bờ sông Hằng (Gange). Thỏ kết bạn với con khỉ, con rái và con chó rừng. Trình-độ hiểu biết của thỏ cao hơn ba thú kia. Thỏ biết tham-thiền để cầu mong được đấng cao-cả. Thỏ cùng ba bạn sống một cuộc đời yên vui và có tình tương-thân, tương trợ lẫn nhau.

Nhiều năm trôi qua, một hôm, trước ngày trăng tròn, thỏ gọi ba bạn đến bảo rằng :

- Trước kia chúng ta cùng hứa rằng đến ngày trăng tròn thì nhìn đọi để ngồi thiền, giữ thân-thể sạch-sẽ và giữ lòng không bợn nhơ. Nay tôi xin nhắc các bạn sáng sớm mai nhớ tìm thức ăn như mọi ngày để dành cho những người ăn xin.

Cả ba đều vui vẻ nhận lời rồi cùng chia tay. Trời mờ tối, khỉ leo lên cây, rái bò xuống hang và chó rừng về ổ nghỉ sớm để dành sức cho công-việc ngày mai.

Sáng sớm, ba bạn chia tay đi kiếm mồi. Chẳng bao lâu, Rái đem về 5 con cá của một ngư-ông bỏ quên trên bờ sông. Chó sói thì bợ nhẹ một buổi cơm sáng của tên chân cừu đang ngồi thổi sáo. Khỉ thì hái vài trái xoài chín, rồi ngồi tham-thiền. Chỉ có thỏ không đi đâu mà chỉ ngồi nhập-định trước cửa hang. Thay vì mất thì-giờ đi tìm thức ăn, thỏ nghĩ rằng : " Khi có người ăn xin đến, ta sẽ làm như thế này thì ông ấy sẽ vui lòng ".

Ý-định tốt đẹp cao cả của thỏ làm cảm-động đến thần Sekra, vị chúa của các thần Deva. Ngài bèn làm người ăn xin xuống trần thử lòng 4 con thú.

Thỏ cùng ba bạn đang ngồi tịnh thì thấy một ông thầy tu Bà-La-Môn - tức là thần Sekra - đi đến. Trước tiên, ông ta lại chõ rái ngồi. Rái cung-kính nói :

- Kính mời thầy dùng cá.

Ông thầy tu ngỏ ý cảm ơn, đáp :

- Xin cảm ơn, nhưng chờ tôi tắm rửa sạch sẽ rồi dùng sau.

Ông ta đến chỗ chõ và chỉ cũng hẹn như đã nói với rái. Cuối cùng đến thỏ. Thỏ vui vẻ nói :

- Xin thầy chờ tôi đốt lửa và sẽ dâng thầy một thức ăn ngon lành.

Nói xong, thỏ đứng dậy đốt lửa lên. Khi ngọn lửa bùng cháy, thỉnh-linh thỏ nhảy đại vào và nói :

- Mời thầy dùng thịt này !

Nhưng không ngờ khi nhảy vào lửa, Thỏ không thấy nóng mà lại bị gió lạnh chịu không nổi. Thỏ hốt hoảng la lên rồi nhảy ra bỏ thêm củi vào đốt nữa.

Trong lúc ấy vị tu sĩ biến mất, Thần Sekra hiện ra cho biết tên mình và khen ngợi nghĩa-cử của bốn con thú, nhất là thỏ. Sau cùng, ông nói :

- Đối với lòng hy-sinh cao-đẹp của thỏ, ta phải để cho đời đời làm gương.

Thần biến thân hình cao lớn tới mây xanh, đưa tay bóp một ngọn núi và vẽ hình con thỏ trên mặt trăng.

Trước khi về Trời, thần Sekra nhắc lại :

- Ta muốn thế gian đời đời, kiếp kiếp thấy hình thỏ trên mặt trăng để nhớ đến việc hy-sinh này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

TÀI - LIỆU -

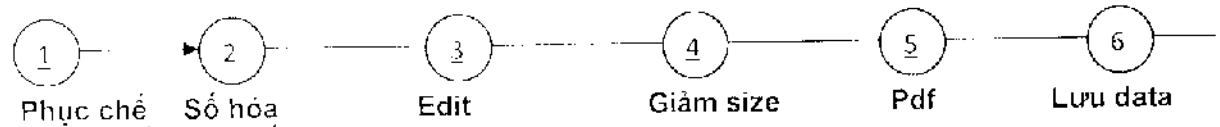
- Biên-bản Đại-Hội ngày 22 tháng 3 năm 1972 của Nha Tổng-Giám-Đốc Đặc-trách Phát-Triển Đồng-Bào Việt-gốc-Miên.
- Tài-liệu về nghi lễ cưới hỏi của Ông Danh-Xem, Trưởng Ty Đặc-trách Phát-triển Đồng-bào Việt-gốc-Miên tỉnh Kiên-Giang
- Tài-liệu của Giáo-Hội Phật-Giáo Théravada, về việc tranh đấu đòi hỏi vị-trí Sắc-tộc Thiếu-số
- Tài-liệu của Giáo-Hội Phật-Giáo Khemeranikay
- Nội-lệ của Ủy-Ban Miên-Vụ Hạ-Nghị-Viện
- Sắc-luật số 21/66 và 22/66 ngày 19-6-1966 ấn-định thể thức và tổ-chức bầu-cử Quốc-Hội Lập-Hiến
- Sắc-luật số 002/QT/SL ngày 21-1-65 ấn-định thành-phần và thể-thức triệu-tập Quốc-Dân Đại-Hội
- Sắc-luật số 004/67 ấn-định bầu-cử Quốc-Hội Lập-Pháp
- Các Đặc-san Phát-Triển Sắc-tộc năm 1971.

S Á C H -

- | | |
|--|-------------------------------|
| - Người Việt gốc Miên | LÊ-HƯƠNG |
| - Lịch-sử Cao-Miên | LÊ-HƯƠNG |
| - Prawatt ney Kampuchea (Miên-ngữ)
(L'histoire du Cambodge) | Tủ-sách Tiểu-học
Kampuchea |
| - Luật Hiến-Pháp và Chính-trị-học | G.S. NGUYỄN-VĂN-BÔNG |
| - Hiến-Pháp chú-thích | L.S. TRƯƠNG-TIẾN-ĐẠT |
| - Chính-sách Thượng-Vụ | PAUL NỮ |
| - Đường lên xứ Thượng | PAUL NỮ |

I. Thông tin về tài liệu

- Ký hiệu: LVC 915 Tên tài liệu: Kết quả wa. của trò chơi viết
- Loại tài liệu: 4A Kích thước, số trang: 10.tr
- Người giao: BQ Người, ngày nhận: Quá 10.05.13 gửi miễn
- Hợp đồng Kế hoạch Khác (tự nhận):
- Yêu cầu scan
- Bình thường Cần file Raw Khác:



II. Phục chế trước số hóa:

- Kỹ thuật: Tháo rời lấy trang
- Người thực hiện: Thời gian:

III. Kỹ thuật số hóa áp dụng

- Camera. Người thực hiện: Thời gian: Kỹ thuật:
- Bockeyes. Người thực hiện: Thời gian: Kỹ thuật:
- Proseiv. Người thực hiện: Thời gian: Kỹ thuật:
- Khác Người thực hiện: Trần Thời gian: 15.15 Kỹ thuật:

IV. Xử lý sau số hóa: (tên/ thời gian)

- Edit Giảm size PDF

IV. Lưu dữ liệu/ Biên mục

- Không phục vụ Phục vụ hạn chế Phục vụ rộng rãi

1. Lưu dữ liệu (tên/ ngày lưu):